

**Q1.35**



**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**TS. Bùi Tiên Hanh**

# **GIÁO TRÌNH** **QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH** **NHÀ NƯỚC**



**THƯ VIỆN**  
**HUBT**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**TS. Bùi Tiến Hanh**

**GIÁO TRÌNH  
QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC**

TRƯỜNG Đ. H. KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI  
**THƯ VIỆN**

Hà Nội, năm 2018

 **THƯ VIỆN  
HUBT**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

***Chủ biên:***

TS. Bùi Tiến Hanh

***Các thành viên tham gia:***

PGS.,TS. Hoàng Thị Thúy Nguyệt

TS. Phạm Thị Hoàng Phương

TS. Đào Thị Bích Hạnh

PGS.,TS. Đặng Văn Du

Ths. Phạm Thanh Hà





**THƯ VIỆN  
HUBT**

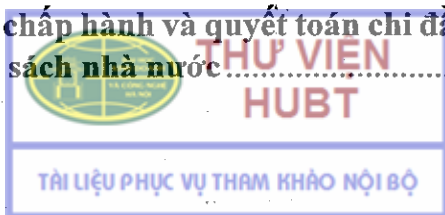
**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	11
<b>Chương 1. TỔNG QUAN QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b> .....	15
<b>1.1. Tổng quan chi ngân sách nhà nước</b> .....	15
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm chi ngân sách nhà nước.	15
1.1.2. Phân loại chi ngân sách nhà nước.....	21
<b>1.2. Tổng quan quản lý chi ngân sách nhà nước</b> .....	31
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý chi ngân sách nhà nước .....	31
1.2.2. Các nguyên tắc quản lý chi ngân sách nhà nước	35
1.2.3. Các phương thức quản lý chi ngân sách nhà nước...	51
1.2.4. Các hình thức chi ngân sách nhà nước .....	57
1.2.5. Nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước .....	59
<b>Chương 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b> .....	65
<b>2.1. Khái niệm và mối quan hệ giữa các kế hoạch chi ngân sách nhà nước</b> .....	66
2.1.1. Khái niệm kế hoạch chi ngân sách nhà nước.....	66



2.1.2. Mối quan hệ giữa các kế hoạch chi ngân sách nhà nước .....	68
<b>2.2. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước trung hạn .....</b>	<b>76</b>
2.2.1. Xây dựng kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước.....	76
2.2.2. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.....	88
<b>2.3. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm .....</b>	<b>106</b>
2.3.1. Căn cứ xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.....	106
2.3.2. Yêu cầu xây dựng chi dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.....	107
2.3.3. Quy trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.....	108
2.3.4. Nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.....	112
2.3.5. Phương pháp xác định dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.....	115
<b>Chương 3. TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC .....</b>	<b>127</b>
<b>3.1. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước.....</b>	<b>127</b>



3.1.1. Tổ chức chấp hành chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước..... 127

3.1.2. Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước..... 173

**3.2. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi đầu tư phát triển khác của ngân sách nhà nước..... 187**

3.2.1. Chi ngân sách nhà nước cấp vốn cho các doanh nghiệp nhà nước..... 187

3.2.2. Chi ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với doanh nghiệp..... 194

**Chương 4. TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI KHÁC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC..... 203**

**4.1. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ..... 203**

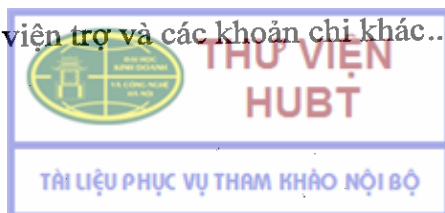
4.1.1. Tổ chức chấp hành chi thường xuyên ngân sách nhà nước ..... 203

4.1.2. Quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước... 223

**4.2. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi khác ngân sách nhà nước ..... 234**

4.2.1. Chi dự trữ quốc gia ..... 234

4.2.3. Chi viện trợ và các khoản chi khác..... 247





**Chương 5. QUẢN LÝ NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC  
TRONG QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NƯỚC..... 253**

**5.1. Ngân quỹ nhà nước..... 253**

5.1.1. Khái niệm ngân quỹ nhà nước..... 253

5.1.2. Nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước..... 254

**5.2. Quản lý ngân quỹ nhà nước..... 256**

5.2.1. Khái niệm quản lý ngân quỹ nhà nước ..... 256

5.2.2. Xây dựng kế hoạch luồng tiền..... 258

5.2.2. Xử lý ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt.... 266

5.2.3. Quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý ngân quỹ  
nhà nước..... 267

5.2.4. Tài khoản thanh toán tập trung ..... 271

**Chương 6. ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC..... 275**

**6.1. Một số vấn đề cơ bản về đánh giá quản lý chi ngân  
sách nhà nước..... 276**

6.1.1. Khái niệm đánh giá quản lý chi ngân sách nhà  
nước ..... 276

6.1.2. Phương pháp thu thập thông tin và phương pháp  
đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước ..... 279

6.1.3. Phân loại đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước..284

**6.2. Đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết  
quả..... 286**



6.2.1. Khái niệm đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.....	286
6.2.2. Khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.....	287
<b>6.3. Một số chỉ số pefa đánh giá kết quả hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước .....</b>	<b>293</b>
6.3.1. Tổng thực chi ngân sách.....	294
6.3.2. Cơ cấu thực chi ngân sách.....	296
6.3.3. Bổ sung ngân sách cho cấp dưới .....	297
6.3.4. Thông tin về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ...299	
6.3.5. Quản lý đầu tư công.....	302
6.3.6. Tầm nhìn trung hạn trong lập ngân sách chi tiêu ...	305
6.3.7. Quy trình lập ngân sách.....	307
6.3.8. Khả năng tiên liệu về phân bổ ngân sách trong năm.....	310
6.3.9. Nợ đọng chi ngân sách.....	311
6.3.10. Kiểm soát chi lương .....	314
6.3.11. Kiểm soát nội bộ chi ngoài lương.....	316



**THƯ VIỆN  
HUBT**

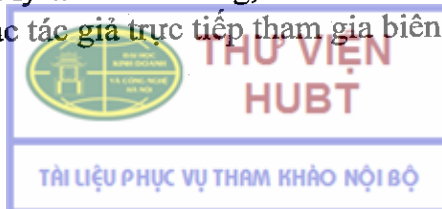
**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## LỜI MỞ ĐẦU

Quản lý chi ngân sách nhà nước là một trong những học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý tài chính công, trình độ đại học của Học viện Tài chính. Giáo trình Quản lý chi ngân sách nhà nước do TS. Đặng Văn Du và TS. Bùi Tiến Hanh đồng chủ biên, xuất bản lần đầu năm 2010, đã kịp thời đáp ứng được mục tiêu và yêu cầu đào tạo của Học viện Tài chính.

Những năm qua, Việt Nam có nhiều đổi mới căn bản về quản lý tài chính công, đặc biệt là quản lý chi ngân sách nhà nước với việc vận dụng các nguyên lý mang tính phổ biến trên thế giới gắn với thực tiễn của Việt Nam. Những đổi mới đó được thể hiện trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015... Trong bối cảnh đó, giáo trình quản lý chi ngân sách nhà nước được biên soạn mới tiếp cận dưới góc nhìn quản lý của chính quyền nhà nước các cấp với những đổi mới về kết cấu, nội dung khoa học lý luận và thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện Tài chính nói chung và chuyên ngành Quản lý tài chính công nói riêng.

Giáo trình là công trình khoa học của tập thể giảng viên Bộ môn Quản lý tài chính công, do TS. Bùi Tiến Hanh làm chủ biên và các tác giả trực tiếp tham gia biên soạn gồm:



• TS. Bùi Tiến Hanh - Phó trưởng Khoa Tài chính công, kiêm Trưởng bộ môn Quản lý tài công, biên soạn chương 1 và chương 6.

• PGS.,TS. Hoàng Thị Thúy Nguyệt - Nguyên trưởng Bộ môn Quản lý tài chính công, đồng tác giả biên soạn chương 2.

• ThS. Phạm Thanh Hà - Giảng viên Bộ môn Quản lý tài chính công, đồng tác giả biên soạn chương 3.

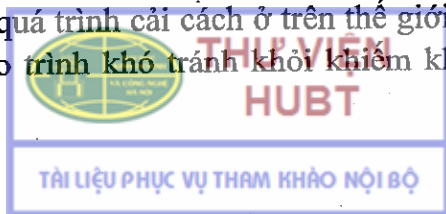
• TS. Phạm Thị Hoàng Phương - Phó trưởng Bộ môn Quản lý tài chính công, đồng tác giả biên soạn chương 2, chương 3 và chương 4.

• PGS.,TS. Đặng Văn Du - Nguyên Trưởng khoa Tài chính, công đồng tác giả biên soạn chương 4.

• TS. Đào Thị Bích Hạnh - Phó trưởng Bộ môn Quản lý tài chính công, biên soạn chương 5.

Tập thể tác giả trân trọng cảm ơn các nhà khoa học PGS.,TS. Phạm Văn Liên; TS. Phạm Văn Khoan; PGS.,TS Nguyễn Trọng Thái; PGS.,TS Nguyễn Trường Giang; TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Nguyễn Thị Lan đã có nhiều ý kiến góp phần nâng cao chất lượng khoa học của giáo trình.

Trong quá trình biên soạn giáo trình cho lần xuất bản này; tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng để nâng cao chất lượng khoa học của giáo trình. Tuy nhiên, quản lý chi ngân sách nhà nước là vấn đề rộng lớn, phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung đang trong quá trình cải cách ở trên thế giới và ở Việt Nam. Vì vậy, giáo trình khó tránh khỏi khiếm khuyết nhất định.



Học viện Tài chính và tập thể tác giả xin tiếp thu mọi ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và bạn đọc để lần xuất bản sau giáo trình được hoàn thiện hơn.

**BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC  
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**





**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## Chương 1

# TỔNG QUAN QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quản lý chi ngân sách nhà nước là một nội dung trọng yếu trong quản lý ngân sách nhà nước nói riêng và quản lý tài chính công nói chung. Quản lý chi ngân sách nhà nước có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện các mục tiêu tài khóa của chính phủ. Tổng quan quản lý chi ngân sách nhà nước nhằm mục đích giúp người học tiếp cận với những kiến thức chung về chi và quản lý chi ngân sách nhà nước vừa có tính lý thuyết, vừa có tính thực tiễn ở Việt Nam làm cơ sở nghiên cứu các nội dung cụ thể về quản lý chi ngân sách nhà nước ở các chương sau của giáo trình. Vì vậy, chương này được thiết kế với hai nội dung chính: (i) Những vấn đề tổng quan về chi ngân sách nhà nước; gồm khái niệm, đặc điểm và phân loại chi ngân sách nhà nước theo những tiêu thức khác nhau; (ii) Những vấn đề tổng quan về quản lý chi ngân sách nhà nước; gồm khái niệm, nguyên tắc, phương thức, hình thức, khái quát nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước với một số cách tiếp cận nhất định.

## 1.1. TỔNG QUAN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm chi ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước hay ngân sách chính phủ ra đời, tồn tại và phát triển cùng với Nhà nước và sự phát triển của nền





kinh tế hàng hóa. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Theo hình thức biểu hiện, chi ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Theo chu trình ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước là quá trình phân bổ và sử dụng các nguồn tài chính được tập trung vào quỹ ngân sách nhà nước từ các khoản thu của Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Các khoản thu của Nhà nước tập trung vào quỹ ngân sách nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi ngân sách nhà nước bao gồm các khoản thu ngân sách nhà nước và các khoản vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, kể cả các khoản viện trợ hoàn lại của các nước và các tổ chức quốc tế.

Ngân sách nhà nước là công cụ tài chính của Nhà nước, phục vụ thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Nhà nước trong từng thời kỳ. Chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước quyết định đến các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước. Các nhu cầu chi được bảo đảm bằng nguồn tài chính ngân sách nhà nước là các nhu cầu chi thuộc nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước. Không được dùng ngân sách nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi không thuộc nhiệm vụ chi ngân

sách nhà nước hay tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.

Quá trình phân bổ các nguồn tài chính để đáp ứng các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước thực chất là quá trình xây dựng, quyết định, phân bổ kế hoạch chi ngân sách nhà nước trung hạn và dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.

Quá trình sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện sau:

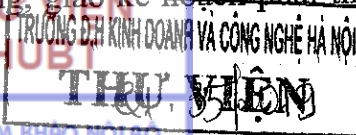
- Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

- Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ thì thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán ngân sách được giao tự chủ.

- Đối với chi dự trữ quốc gia phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

- Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp thì phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Đối với những khoản chi cho công việc thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch phải theo



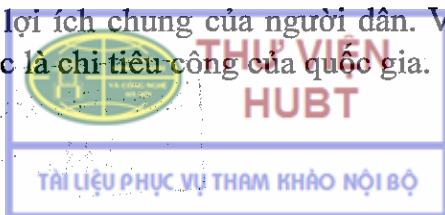
quy định về giá hoặc phí và lệ phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thanh toán đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước đã bố trí trong dự toán. Thủ trưởng cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có quyền từ chối các khoản chi ngân sách nhà nước không đủ điều kiện chi theo quy định, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và phải thông báo kịp thời cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước biết. Cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn ngân sách để thanh toán kịp thời các khoản chi ngân sách nhà nước theo dự toán. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện xuất quỹ ngân sách nhà nước thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi ngân sách nhà nước đủ điều kiện chi và khi đó các nguồn tài chính tập trung vào quỹ ngân sách nhà nước được sử dụng để trang trải các nhu cầu chi ngân sách theo dự toán được giao.

Chi ngân sách nhà nước có các đặc điểm chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, chi ngân sách nhà nước là chi tiêu công của quốc gia.

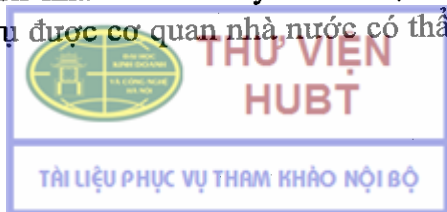
Nhà nước là chủ thể của ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước được hình thành từ các khoản thu do các chủ thể trong xã hội nộp vào ngân sách nhà nước. Quỹ ngân sách nhà nước là quỹ tài chính công của quốc gia. Nhà nước đại diện cho người dân thực hiện các khoản chi ngân sách nhà nước phục vụ cho lợi ích chung của người dân. Vì vậy chi ngân sách nhà nước là chi tiêu công của quốc gia.



Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước về quốc phòng, an ninh, quản nhà nước, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, ngoại giao, đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội... nhằm cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công cộng cho xã hội và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội nhằm bảo đảm hiệu quả, công bằng và ổn định kinh tế - xã hội của quốc gia.

*Thứ hai*, chi ngân sách nhà nước có quy mô lớn và phạm vi rộng, đa dạng và phức tạp, gắn với bộ máy nhà nước và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ. Gắn với chức năng kinh tế - xã hội của Nhà nước, chi ngân sách nhà nước thực hiện ở nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội như quốc phòng; an ninh và trật tự an toàn xã hội; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; y tế, dân số và gia đình; văn hóa thông tin; phát thanh, truyền hình, thông tấn; thể dục thể thao; bảo vệ môi trường; hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...; với nhiều khoản chi có tính chất kinh tế - xã hội khác nhau như chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia...; liên quan đến nhiều chủ thể trong xã hội. Tổ chức bộ máy và các nhiệm vụ cụ thể của Nhà nước, sự lựa chọn cung ứng hàng hóa công cộng của Nhà nước trong từng thời kỳ có tác động trực tiếp đến quy mô, phạm vi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước.

*Thứ ba*, chi ngân sách nhà nước không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu. Tính chất không hoàn trả trực tiếp của chi ngân sách nhà nước xuất phát từ đặc tính của hàng hóa công cộng. Các khoản chi ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chủ yếu để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao



và các đơn vị sử dụng ngân sách không phải hoàn trả số ngân sách đã sử dụng cho Nhà nước khi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*Thứ tư*, hiệu quả chi ngân sách nhà nước là hiệu quả kinh tế - xã hội vĩ mô.

Chi ngân sách nhà nước là công cụ tài chính nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước. Nhà nước có chức năng và nhiệm vụ bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội... Giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích như lợi ích quốc gia, lợi ích từng địa phương, lợi ích chung của xã hội và lợi ích của từng chủ thể trong nền kinh tế; trong đó, lợi ích quốc gia và lợi ích chung của toàn xã hội được đặt lên hàng đầu, lợi ích của từng địa phương và lợi ích của từng chủ thể là động lực thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và của toàn xã hội.

Mọi chủ thể luôn quan tâm đến chi phí bỏ ra và lợi ích đạt được khi thực hiện các khoản chi ngân sách của mình. Tư nhân quan tâm chủ yếu đến lợi ích của chính họ và chi phí trực tiếp bỏ ra, ít quan tâm đến lợi ích chung và chi phí của xã hội như chi phí khắc phục ô nhiễm môi trường, chi phí giảm nghèo, quốc phòng... Trái lại, gắn với chức năng và việc thực hiện các nhiệm vụ của mình, Nhà nước luôn phải quan tâm đến lợi ích tổng thể về chính trị, kinh tế, xã hội ở tầm vĩ mô và chi phí của toàn xã hội, trong đó có chi phí do Nhà nước bỏ ra khi thực hiện các khoản chi ngân sách nhà nước nhằm đạt được mục tiêu ổn định, công bằng và hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

Nhận thức đặc điểm này, đòi hỏi quản lý chi ngân sách



nhà nước phải xem xét và đánh giá hiệu quả các khoản chi ngân sách nhà nước một cách toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội; chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp, chi phí của Nhà nước và chi phí của các chủ thể khác trong xã hội, lợi ích trực tiếp và lợi ích gián tiếp, lợi ích của Nhà nước và lợi ích của các chủ thể khác trong xã hội, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài.

### **1.1.2. Phân loại chi ngân sách nhà nước**

Phân loại chi ngân sách nhà nước là việc sắp xếp các khoản chi ngân sách nhà nước theo những tiêu chí nhất định để hạch toán, thống kê, tổng hợp thông tin về chi ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu hoạch định chính sách và tổ chức quản lý chi ngân sách nhà nước.

Chi ngân sách nhà nước được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho các mục đích khác nhau trong việc hoạch định chính sách và tổ chức quản lý chi ngân sách nhà nước ở từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Mỗi quốc gia có những tiêu chí phân loại chi ngân sách nhà nước khác nhau. Hệ thống phân loại chi ngân sách nhà nước áp dụng phổ biến ở các quốc gia là phân loại theo chức năng của Chính phủ (COFOG) do Liên Hợp quốc xây dựng và phân loại theo nội dung kinh tế trong hệ thống Thống kê tài chính phủ (GFS) do Quỹ tiền tệ quốc tế xây dựng. Ngoài ra, tùy theo các yêu cầu thông tin khác nhau phục vụ cho hoạch định chính sách và quản lý, chi ngân sách nhà nước có thể được phân loại theo các tiêu chí khác như: (i) Phân loại theo tổ chức; (iv) Phân loại theo chương trình, dự án; (v) Phân loại theo nguồn hình thành ngân sách...



Ở Việt Nam, chi ngân sách nhà nước được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau thể hiện trong hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Các khoản chi ngân sách nhà nước được phân loại thành các chương, loại và khoản, mục và tiểu mục, tiểu nhóm và nhóm, chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia, nguồn ngân sách nhà nước, cấp ngân sách nhà nước. Hệ thống phân loại chi ngân sách nhà nước được áp dụng trong lập dự toán; quyết định, phân bổ, giao dự toán; chấp hành, kế toán, quyết toán các khoản chi ngân sách nhà nước đối với tất cả các cơ quan có nhiệm vụ quản lý chi ngân sách nhà nước các cấp, đơn vị dự toán ngân sách và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

#### ***1.1.2.1. Phân loại chi ngân sách nhà nước theo tổ chức***

Theo tổ chức, các khoản chi ngân sách nhà nước được sắp xếp thành các Chương dựa trên cơ sở hệ thống tổ chức của các cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền được tổ chức quản lý ngân sách riêng. Phân loại theo tổ chức nhằm cung cấp thông tin xác định trách nhiệm giải trình của từng tổ chức về quản lý chi ngân sách nhà nước.

Chương phản ánh số chi ngân sách nhà nước giao cho từng cơ quan, tổ chức trực thuộc từng cấp chính quyền trung ương, tỉnh, huyện và xã được tổ chức quản lý ngân sách riêng. Mỗi cấp ngân sách bố trí một Chương riêng để phản ánh các khoản chi ngân sách không thuộc dự toán giao cho các cơ quan, tổ chức với tên gọi “Các quan hệ khác của ngân sách”.

Chi ngân sách nhà nước thuộc trung ương có các Chương như Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Đại học Quốc gia Hà Nội,



Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... Chi ngân sách nhà nước thuộc cấp tỉnh có các Chương như Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hội Nông dân tỉnh... Chi ngân sách nhà nước thuộc cấp huyện có các Chương như Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội Cựu thanh niên xung phong... Chi ngân sách nhà nước thuộc cấp xã có các Chương như Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ban quân sự xã, Hội Khuyến học xã, Trạm Y tế xã...

### ***1.1.2.2. Phân loại chi ngân sách nhà nước theo chức năng***

Theo chức năng của Nhà nước, các khoản chi ngân sách nhà nước được sắp xếp theo các lĩnh vực kinh tế - xã hội; bao gồm các Loại và Khoản. Loại phản ánh các khoản chi ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực kinh tế - xã hội. Khoản là phân loại chi tiết của Loại, phản ánh các khoản chi ngân sách nhà nước theo từng ngành kinh tế quốc dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phân loại theo chức năng nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho phân tích lịch sử và hoạch định chính sách chi ngân sách nhà nước.

Chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam hiện nay được phân loại thành 14 lĩnh vực tương ứng là 14 Loại: quốc phòng; an ninh và trật tự an toàn xã hội; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; y tế, dân số và gia đình; văn hóa thông tin; phát thanh, truyền hình, thông tin; thể dục thể thao; bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế; hoạt động



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

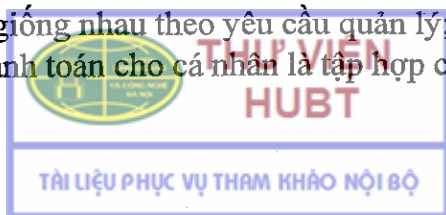


của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể; bảo đảm xã hội; tài chính và khác; chuyên giao, chuyên nguồn. Mỗi Loại được chia thành các Khoản. Ví dụ, Loại giáo dục - đào tạo và dạy nghề bao gồm các Khoản như giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở...; Loại y tế, dân số và gia đình bao gồm các Khoản như y tế dự phòng, khám bệnh và chữa bệnh, sự nghiệp gia đình, dân số.

### ***1.1.2.3. Phân loại chi ngân sách nhà nước theo nội dung kinh tế***

Theo nội dung kinh tế, các khoản chi ngân sách nhà nước được sắp xếp thành các Mục, Tiểu mục, Tiểu nhóm và Nhóm. Phân loại theo nội dung kinh tế nhằm cung cấp thông tin phục vụ mục đích kiểm soát tuân thủ ngân sách và phân tích kinh tế về chi ngân sách nhà nước.

Mục phản ánh các khoản chi ngân sách nhà nước theo các nội dung kinh tế được quy định trong các chính sách, chế độ chi ngân sách nhà nước; ví dụ như tiền lương, tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp lương, thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng... Tiểu mục phản ánh chi tiết các khoản chi ngân sách nhà nước theo yêu cầu quản lý cụ thể trong từng Mục; ví dụ như Mục tiền lương bao gồm các Tiểu mục lương theo ngạch bậc, lương hợp đồng theo chế độ, lương khác hoặc Mục vật tư văn phòng bao gồm các Tiểu mục văn phòng phẩm, mua sắm công cụ và dụng cụ văn phòng, khoán văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác... Tiểu nhóm phản ánh tập hợp các Mục có tính chất giống nhau theo yêu cầu quản lý; ví dụ như Tiểu nhóm chi thanh toán cho cá nhân là tập hợp các Mục chi tiền



lương, tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp lương, học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên và cán bộ đi học, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, chi cho cán bộ không chuyên trách xã, thôn và bản, các khoản thanh toán khác cho cá nhân... Nhóm phản ánh tập hợp các Tiểu nhóm có tính chất giống nhau theo yêu cầu quản lý. Chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam hiện nay được phân loại thành 04 nhóm: chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi dự trữ quốc gia; chi khác như chi cho vay, góp vốn, trả nợ các khoản vay của ngân sách nhà nước...

**Thứ nhất**, chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước.

Theo hình thức biểu hiện, chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất của Nhà nước. Theo chu trình ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước là quá trình phân bổ và sử dụng các nguồn tài chính tập trung vào quỹ ngân sách nhà nước từ các khoản thu của Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác của Nhà nước.

Ngoài các đặc điểm chung của chi ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước còn có đặc điểm là không có tính ổn định, mang tính chất tích lũy; có hiệu lực tác động trong thời gian trung và dài hạn.

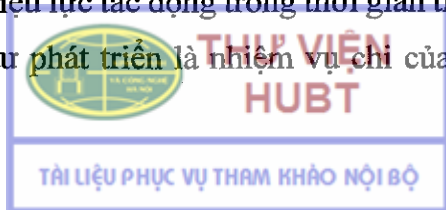
Chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước là yêu cầu tất yếu nhằm để tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất



phục vụ của nền kinh tế quốc dân làm nền tảng bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia với nhu cầu vốn đầu tư rất lớn. Đồng thời, chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước còn có ý nghĩa là vốn mồi để tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi nhằm thu hút các nguồn vốn trong nước và nguồn vốn ngoài nước vào đầu tư phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội theo định hướng của Nhà nước trong từng thời kỳ. Vì vậy, chi đầu tư phát triển là khoản chi lớn của ngân sách nhà nước với quy mô, tỷ trọng trong tổng chi ngân sách nhà nước phụ thuộc vào chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và khả năng nguồn vốn ngân sách nhà nước từng thời kỳ. Tuy vậy, thứ tự ưu tiên và cơ cấu chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội có sự thay đổi nhất định giữa các thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, sau một thời kỳ ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thì thời kỳ sau sẽ không cần ưu tiên đầu tư nhiều vào lĩnh vực đó nữa, vì hạ tầng giao thông đã tương đối hoàn chỉnh...

Chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước gồm những khoản chi nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất phục vụ, tăng tích lũy tài sản của nền kinh tế quốc dân. Cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất phục vụ được tạo ra thông qua các khoản chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước là nền tảng vật chất bảo đảm cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, làm tăng tổng sản phẩm quốc dân. Với ý nghĩa đó, chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước là chi cho tích lũy, có hiệu lực tác động trong thời gian trung và dài hạn.

Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà



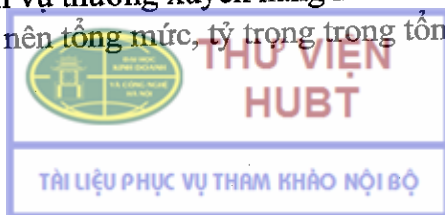
nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác. Chi đầu tư xây dựng cơ bản là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước bị chi phối bởi các đặc điểm của sản phẩm đầu tư xây dựng như sản phẩm xây dựng cơ bản gắn với đất xây dựng, đơn chiếc, vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng dài. Chi đầu tư khác của ngân sách nhà nước như chi cấp vốn cho các doanh nghiệp nhà nước, chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp...

**Thứ hai**, chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Theo hình thức biểu hiện, chi thường xuyên ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hằng năm của Nhà nước. Theo chu trình ngân sách nhà nước, chi thường xuyên ngân sách nhà nước là quá trình phân bổ và sử dụng các nguồn tài chính tập trung vào quỹ ngân sách nhà nước từ các khoản thu của Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hằng năm của Nhà nước.

Ngoài các đặc điểm chung của chi ngân sách nhà nước; chi thường xuyên ngân sách nhà nước còn có đặc điểm là ổn định tương đối; hiệu lực tác động trong khoảng thời gian ngắn và mang tính chất tiêu dùng xã hội; gắn chặt với tổ chức bộ máy nhà nước.

Các nhiệm vụ thường xuyên hằng năm của Nhà nước ít có sự biến động nên tổng mức, tỷ trọng trong tổng chi ngân sách



nhà nước, nội dung và cơ cấu chi thường xuyên ngân sách nhà nước ít có sự biến động lớn giữa các năm ngân sách.

Chi thường xuyên ngân sách nhà nước nhằm duy trì sự tồn tại, trang trải các chi phí hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước và cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu về giáo dục, y tế, an sinh xã hội... cho người dân nên đại bộ phận các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước không trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội và thường chỉ phát huy hiệu lực tác động trong năm ngân sách.

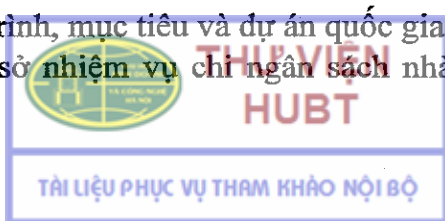
Tổ chức bộ máy nhà nước quyết định đến số lượng cơ quan nhà nước, biên chế và cơ cấu biên chế công chức nhà nước, các chi phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước; từ đó quyết định đến phạm vi, mức độ chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

*Thứ ba*, chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng hóa, vật tư dự trữ nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh.

*Thứ tư*, các nội dung chi khác của ngân sách nhà nước như chi trả các khoản nợ đến hạn phải trả, bao gồm khoản gốc, lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ việc vay; chi viện trợ cho các Chính phủ, tổ chức ngoài nước...

#### ***1.1.2.4. Phân loại chi ngân sách nhà nước theo chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia***

Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia được phân loại dựa trên cơ sở nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho các



chương trình, mục tiêu, dự án quốc gia và các nhiệm vụ chi cần theo dõi riêng. Các nhiệm vụ chi cần được theo dõi riêng gồm cả các chương trình, dự án hỗ trợ của nhà tài trợ quốc tế và chương trình, mục tiêu, dự án của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định có thời gian thực hiện dài, phạm vi thực hiện rộng, kinh phí lớn.

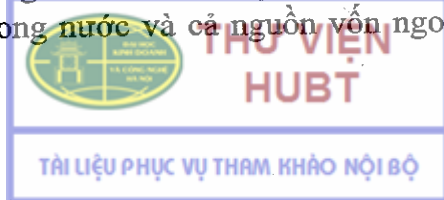
Ví dụ như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình mục tiêu Biển đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình Hỗ trợ đảm bảo chất lượng giáo dục trường học; Chương trình khoa học trọng điểm cấp Quốc gia; Chương trình mục tiêu y tế - dân số...

#### ***1.1.2.5. Phân loại chi ngân sách nhà nước theo nguồn ngân sách nhà nước***

Nguồn ngân sách nhà nước xác định trên cơ sở dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân giao cho đơn vị dự toán, gồm cả bổ sung hoặc thu hồi trong quá trình điều hành ngân sách, được phân loại căn cứ nguồn gốc hình thành, bao gồm nguồn trong nước và nguồn ngoài nước.

Nguồn ngoài nước là nguồn vốn ngoài nước tài trợ theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể theo cam kết của nhà tài trợ, bên cho vay nước ngoài ký kết với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Nguồn trong nước là các nguồn vốn còn lại, bao gồm nguồn vốn trong nước và cả nguồn vốn ngoài nước tài trợ



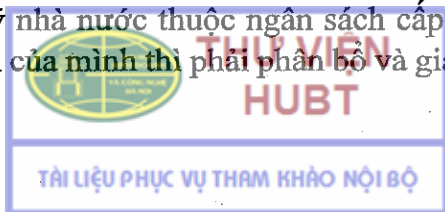
không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể được coi là nguồn vốn trong nước.

#### ***1.1.2.6. Phân loại chi ngân sách nhà nước theo cấp ngân sách***

Hệ thống ngân sách của các quốc gia có nhiều cấp tương ứng với các cấp chính quyền nhà nước. Ở Việt Nam, gắn với các cấp chính quyền nhà nước, các cấp ngân sách nhà nước gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã.

Theo cấp ngân sách, các khoản chi ngân sách nhà nước được sắp xếp dựa trên cơ sở phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho từng cấp chính quyền Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định các nhiệm vụ chi cụ thể của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán ngân



sách cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó.

## **1.2. TỔNG QUAN QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

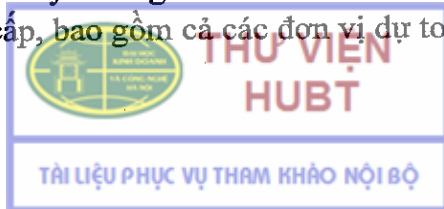
### **1.2.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý chi ngân sách nhà nước**

Quản lý chi ngân sách nhà nước là quản lý toàn bộ các khoản chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Tiếp cận theo chu trình ngân sách, chu trình chi ngân sách nhà nước bao gồm 3 khâu: lập, chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước. Vì vậy, quản lý chi ngân sách nhà nước là quản lý quá trình lập, chấp hành và quyết toán các khoản chi ngân sách nhà nước.

Tiếp cận theo hoạt động quản lý gắn với chính quyền nhà nước các cấp, quản lý chi ngân sách nhà nước là quá trình chính quyền nhà nước các cấp xây dựng và quyết định kế hoạch, dự toán; tổ chức thực hiện kế hoạch, dự toán; theo dõi và đánh giá, kiểm toán và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước bằng các công cụ, phương thức, hình thức và biện pháp phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu đã định.

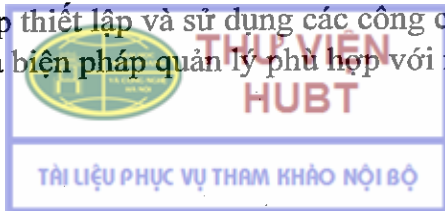
Chủ thể quản lý chi ngân sách nhà nước là chính quyền nhà nước các cấp, bao gồm cả các đơn vị dự toán ngân sách.





Chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách được phân cấp phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn cụ thể trong quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quản lý chi ngân sách nhà nước, chính quyền nhà nước các cấp gồm cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan hành chính nhà nước. Cơ quan quyền lực nhà nước gồm Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có các cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc về quản lý chi ngân sách nhà nước như Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban Kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã... Cơ quan hành chính nhà nước gồm Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. Chính phủ, Ủy ban nhân dân có các cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc về quản lý chi ngân sách nhà nước như cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và đầu tư, cơ quan Kho bạc Nhà nước... Đơn vị dự toán ngân sách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách. Đơn vị dự toán cấp I là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách. Đơn vị dự toán ngân sách cấp II, cấp III, cấp IV là đơn vị cấp dưới trực tiếp của đơn vị dự toán cấp I, cấp II, cấp III. Đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách là đơn vị dự toán cấp IV và được gọi là đơn vị sử dụng ngân sách hay đơn vị chi tiêu ngân sách.

Trong quản lý chi ngân sách nhà nước, chính quyền nhà nước các cấp thiết lập và sử dụng các công cụ, phương thức, hình thức và biện pháp quản lý phù hợp với môi trường kinh



tế - xã hội trong từng thời kỳ như công cụ pháp luật, kế hoạch, kế toán, báo cáo, chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mục lục ngân sách nhà nước; phương thức quản lý theo đầu vào, theo kết quả; hình thức rút dự toán ngân sách, lệnh chi tiền; phương pháp tổ chức, hình chính, giáo dục, kinh tế...

Mục tiêu quản lý chi ngân sách nhà nước là bảo đảm kỷ luật tài khóa, hiệu quả phân bổ và hiệu quả hoạt động trong thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước.

Quản lý chi ngân sách nhà nước có những đặc điểm cơ bản sau:

*Một là*, quản lý chi ngân sách nhà nước có phạm vi rộng, tính chất đa dạng và phức tạp.

Quản lý chi ngân sách nhà nước có phạm vi rộng, tính chất đa dạng và phức tạp xuất phát từ chính đặc điểm của chi ngân sách nhà nước có quy mô lớn, phạm vi rộng, diễn ra trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội với nhiều khoản chi có tính chất kinh tế - xã hội khác nhau, liên quan đến nhiều chủ thể trong xã hội.

Nhận thức đặc điểm này, đòi hỏi quản lý chi ngân sách nhà nước vừa phải bảo đảm cơ chế và kỹ thuật quản lý chung, vừa phải có cơ chế và kỹ thuật quản lý cụ thể phù hợp với các khoản chi ngân sách cho từng lĩnh vực kinh tế - xã hội và nội dung kinh tế của các khoản chi.

*Hai là*, quản lý chi ngân sách nhà nước phải tuân thủ pháp luật cả dưới góc độ quản lý nhà nước và cả dưới góc độ quản lý nghiệp vụ, tính pháp lý và hành chính cao.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quản lý chi ngân sách của tư nhân chỉ phải tuân thủ pháp luật dưới góc độ quản lý nhà nước; dưới góc độ nghiệp vụ thực hiện theo quy định của chủ thể chi ngân sách. Nhưng quản lý chi ngân sách nhà nước phải tuân thủ pháp luật cả dưới góc độ quản lý nhà nước và cả dưới góc độ quản lý nghiệp vụ như tuân thủ quy trình, thủ tục, kế hoạch, hạch toán kế toán, mẫu biểu báo cáo...

Cơ quan quyền lực nhà nước quyết định dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm, tổ chức chấp hành chi ngân sách nhà nước hằng năm phải tuân thủ theo đúng quyết định của cơ quan quyền lực nhà nước.

Xây dựng và quyết định dự toán chi ngân sách nhà nước, tổ chức chấp hành dự toán và quyết toán chi ngân sách nhà nước phải tuân thủ đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Các cấp, các ngành, các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức và cá nhân tham gia lập, chấp hành, quyết toán chi ngân sách nhà nước phải tuân thủ đúng quy trình, lịch biểu, phương pháp, mẫu biểu... do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Hạch toán kế toán chi ngân sách nhà nước phải tuân thủ đúng quy định về hệ thống mục lục ngân sách nhà nước, chứng từ và sổ kế toán, nghiệp vụ hạch toán kế toán... Các quy trình, thủ tục lập dự án đầu tư và lập kế hoạch vốn đầu tư, tạm ứng, thanh toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước và quy trình, thủ tục tạm ứng, thanh toán các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải được tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật.



Nhận thức đặc điểm này cho thấy tính pháp lý và hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước rất cao. Các thủ tục hành chính không cần thiết trong quản lý chi ngân sách nhà nước là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả các khoản chi ngân sách nhà nước. Vì vậy, quản lý chi ngân sách nhà cần chú trọng tinh giản các thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp và trách nhiệm giải trình cho các cấp, các ngành, các cơ quan quản lý, đơn vị dự toán và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước.

### **1.2.2. Các nguyên tắc quản lý chi ngân sách nhà nước**

Quản lý chi ngân sách nhà nước tuân thủ các nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước nói chung. Trên cơ sở cụ thể hóa các nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, quản lý chi ngân sách nhà nước cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

#### **1.2.2.1. Quản lý theo dự toán**

Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện theo dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

Mục tiêu kỷ luật tài khóa trong quản lý tài chính công nói chung và quản lý ngân sách nhà nước nói riêng đòi hỏi mọi nhu cầu chi ngân sách nhà nước phải được dự toán và chỉ được thực hiện theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

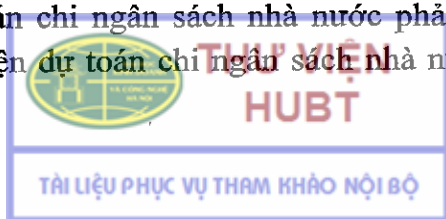
Tất cả các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước phải được dự toán và tổng hợp đầy đủ vào dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng lịch biểu quy định để trình cấp có thẩm quyền



quyết định. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước phải đúng với dự toán ngân sách cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được giao. Cơ quan tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách; trường hợp việc phân bổ không phù hợp với nội dung trong dự toán do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, không đúng chính sách, chế độ thì yêu cầu cơ quan phân bổ ngân sách điều chỉnh lại. Ngoài cơ quan có thẩm quyền giao dự toán ngân sách, không tổ chức hoặc cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ chi ngân sách đã được giao. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền.

Trong quá trình chấp hành ngân sách, cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn ngân sách và Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm ngân quỹ để thanh toán kịp thời các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán và tiến độ thực hiện các khoản chi. Các đơn vị sử dụng ngân sách phải sử dụng ngân sách theo đúng dự toán, tiến độ thực hiện các khoản chi. Luật Ngân sách nhà nước hiện hành ở Việt Nam quy định: “Trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau theo quy định thì hành vi bị cấm trong quản lý chi ngân sách nhà nước là chi không có dự toán, chi không đúng dự toán ngân sách được giao, xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định...”.

Quyết toán chi ngân sách nhà nước phải đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước được giao.



Nội dung báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước phải đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao. Chỉ thực hiện quyết toán các khoản chi ngân sách nhà nước có trong dự toán chi ngân sách được giao.

### ***1.2.2.2. Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách***

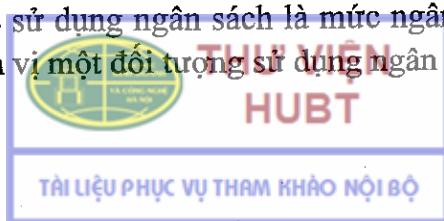
Chi ngân sách nhà nước phải theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định.

Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước là căn cứ pháp lý để quản lý chi ngân sách nhà nước trong tất cả các khâu của chu trình ngân sách nhà nước. Các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách phải tuân thủ đúng các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền quy định.

Định mức chi ngân sách nhà nước là mức ngân sách được xác định cho một đơn vị đối tượng tính định mức chi ngân sách nhà nước. Theo mục đích sử dụng, định mức chi ngân sách nhà nước bao gồm định mức phân bổ ngân sách và định mức sử dụng hay định mức chi tiêu ngân sách.

Định mức phân bổ ngân sách là mức ngân sách phân bổ cho một đơn vị đối tượng phân bổ ngân sách nhà nước. Định mức phân bổ ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định là căn cứ pháp lý để xác định mức trần ngân sách và xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước của các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước.

Định mức sử dụng ngân sách là mức ngân sách được sử dụng cho đơn vị một đối tượng sử dụng ngân sách nhà nước.



Định mức sử dụng ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định là căn cứ pháp lý để kiểm soát chi và sử dụng ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ yếu được sử dụng ở khâu chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước. Ngoài ra, định mức sử dụng ngân sách còn được sử dụng để xây dựng dự toán chi ngân sách đối với các khoản, mục chi không có định mức phân bổ ngân sách.

### Bảng 1.1

#### **Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với chi quản lý hành chính cho các bộ, cơ quan trung ương**

*Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm*

Khối cơ quan và khung biên chế	Định mức
1. Khối các cơ quan: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ	55
2. Khối các Bộ, cơ quan trung ương khác	
- Từ 100 biên chế trở xuống	54
- Từ biên chế thứ 101 đến 500	50
- Từ biên chế thứ 501 đến 1.000	48
- Từ biên chế thứ 1.001 trở lên	45

*Nguồn:* Nghị quyết 266/2016/UBTVQH14 Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



## Bảng 1.2

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

*Đơn vị: đồng/người dân từ 1 - 18 tuổi/năm*

Vùng	Định mức
Đô thị	2.148.100
Đồng bằng	2.527.200
Miền núi - vùng đồng bằng dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	3.538.100
Vùng cao - hải đảo	5.054.400

*Nguồn:* Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## Bảng 1.3

**Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi công tác phí đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh**

Chế độ	Tiêu chuẩn	Định mức chi
Phụ cấp lưu trú.	Công chức được cơ quan cử đi công tác có thời gian lưu trú tại nơi đến công tác.	200.000 đồng/ngày





Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác (thanh toán theo hóa đơn thực tế).	Bộ trưởng và các chức danh tương đương: tiêu chuẩn một người/1 phòng.	2.500.000 đồng/ngày/phòng
	Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: tiêu chuẩn một người/1 phòng.	200.000 đồng/ngày/phòng
	Đối với các đối tượng còn lại: tiêu chuẩn 2 người/phòng.	1.000.000 đồng/ngày/phòng

*Nguồn:* Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của Bộ Tài chính.

#### Bảng số 1.4

#### Định mức chi phí thiết kế kỹ thuật công trình dân dụng có yêu cầu thiết kế 3 bước

*Đơn vị tính: Tỷ lệ %*

Chi phí xây dựng chưa có thuế GTGT (tỷ đồng)	Cấp công trình				
	Đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
8.000	0,68	0,61	0,55	0,48	-
5.000	0,89	0,80	0,73	0,64	-
2.000	1,16	1,05	0,94	0,83	-

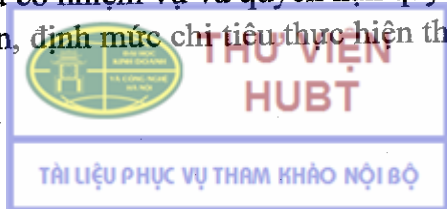
1.000	1,36	1,22	1,11	0,98	-
500	1,65	1,50	1,37	1,21	0,89
200	1,96	1,78	1,62	1,43	1,06
100	2,15	1,94	1,77	1,57	1,30
50	2,36	2,14	1,96	1,74	1,48
20	2,81	2,55	2,33	2,07	1,81
≤ 10	3,22	2,93	2,67	2,36	2,07

*Nguồn:* Quyết định số 79/QĐ-BXD Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng.

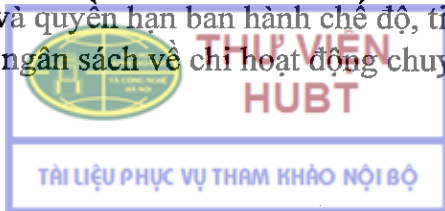
Nhiệm vụ và quyền hạn quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước được quy định cụ thể trong Luật Ngân sách nhà nước 2015.

Ủy ban thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở Trung ương ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc để làm căn cứ tổ chức thực hiện, bảo đảm khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của từng đơn vị trực thuộc, thực hiện công khai, minh bạch.

Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong



cả nước; những chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước, trước khi quyết định phải xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể. Bộ Tài chính có nhiệm vụ và quyền hạn quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp không thống nhất, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Trong phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện tự chủ, thủ trưởng cơ quan nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách áp dụng trong nội bộ cơ quan, nhưng không vượt quá định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan. Tùy theo mức độ tự chủ tài chính, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ và quyền hạn ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách về chi hoạt động chuyên môn và chi



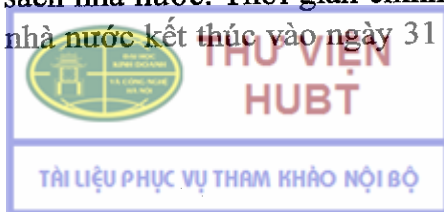
quản lý áp dụng trong nội bộ đơn vị, quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

### **1.2.2.3. Niên độ**

Nguyên tắc quản lý theo niên độ là một nguyên tắc kinh điển trong quản lý ngân sách nhà nước. Quản lý chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo từng năm ngân sách. Năm ngân sách có độ dài bằng năm dương lịch. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo kỷ luật tài khóa, ngăn ngừa việc thực hiện đồng thời nhiều dự toán chi ngân sách, khuyến khích lập kế hoạch chi tiêu tốt và cho phép thẩm tra chi tiết chính sách chi ngân sách của các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách hằng năm.

Dự toán chi ngân sách nhà nước phải được lập, chấp hành và quyết toán theo năm ngân sách. Cơ quan quyền lực nhà nước phải quyết định dự toán chi ngân sách theo năm ngân sách. Dự toán chi ngân sách nhà nước duyệt cho năm ngân sách chỉ có hiệu lực thực hiện trong năm ngân sách. Vào cuối năm ngân sách, dự toán chi ngân sách chưa sử dụng sẽ bị hủy. Nguyên tắc này không cho phép thực hiện chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau hoặc ứng trước dự toán ngân sách năm sau để sử dụng trong năm ngân sách hiện tại.

Năm ngân sách ở Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhiệm vụ chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước. Thời gian chính lý quyết toán chi ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm

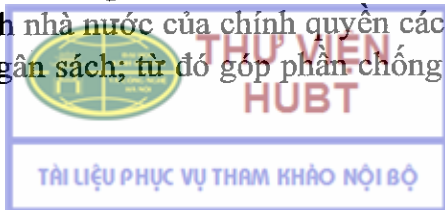


sau. Tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước phải được hạch toán theo đúng niên độ ngân sách. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chính lý quyết toán ngân sách theo quy định chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước của Chính phủ quy định rõ các khoản chi ngân sách nhà nước được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện bao gồm: (i) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công; (ii) Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán; (iii) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương; (iv) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; (v) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán; (vi) Kinh phí nghiên cứu khoa học; (vii) Các khoản tăng thu và tiết kiệm chi, trường hợp phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang ngân sách năm sau để thực hiện.

#### ***1.2.2.4. Công khai và minh bạch***

Công khai và minh bạch trong quản lý chi ngân sách nhà nước nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình, giám sát nội bộ và giám sát từ bên ngoài đối với việc thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước của chính quyền các cấp và các đơn vị dự toán ngân sách; từ đó góp phần chống thất thoát, lãng



phí, tham nhũng và bảo đảm kỷ luật tài khóa, hiệu quả phân bổ, hiệu quả hoạt động chi ngân sách nhà nước.

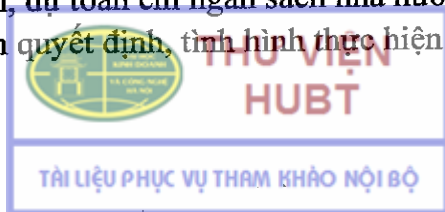
Công khai và minh bạch trong quản lý chi ngân sách nhà nước được hiểu là các thông tin về chi ngân sách nhà nước được công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác, dễ hiểu và phù hợp với các đối tượng cần tiếp cận thông tin.

Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định ngân sách nhà nước được quản lý công khai, minh bạch, gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

Ngoài việc công khai, minh bạch các quy định của pháp luật, chế độ, tiêu chuẩn và định mức về chi ngân sách nhà nước, Luật Ngân sách nhà nước quy định rõ việc công khai các tài liệu và thủ tục chi ngân sách nhà nước.

- Các tài liệu chi ngân sách nhà nước phải thực hiện công khai gồm: dự toán chi ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân chi sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước; quyết toán chi ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán chi ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- Nội dung công khai bao gồm: số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán chi ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện chi ngân sách



nhà nước và quyết toán chi ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia.

- Việc công khai chi ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thời hạn công khai: Báo cáo dự toán chi ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân. Báo cáo dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán chi ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

Công khai thủ tục chi ngân sách nhà nước: Đối tượng phải thực hiện công khai gồm cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước. Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kiểm soát, tạm ứng, cấp phát, thanh toán



các khoản chi ngân sách nhà nước. Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

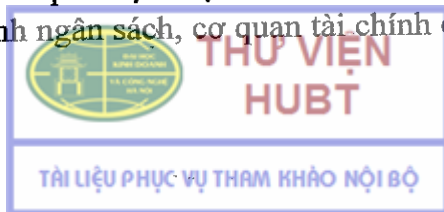
### ***1.2.2.5. Quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc lập, phân bổ, chấp hành, quyết toán chi ngân sách nhà nước trên cơ sở xác định rõ kinh phí ngân sách gắn với nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm cần hoàn thành với khối lượng, số lượng và chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ nhằm thực hiện mục tiêu hiệu quả phân bổ và hiệu quả hoạt động trong thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước có các cấp độ khác nhau như đầu ra, kết quả phát triển... Phân bổ ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước đòi hỏi phải gắn với các mục tiêu ưu tiên chiến lược của chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được các kết quả phát triển kinh tế - xã hội đã định; dựa trên các dự báo kinh tế vĩ mô, các tiêu chí ưu tiên phân bổ ngân sách rõ ràng và khả năng ngân sách trong trung hạn. Sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ chi phải đạt được kết quả thực hiện nhiệm vụ của các khoản chi và trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Dự toán chi ngân sách nhà nước phải trình bày và thuyết minh rõ các kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi. Trong quá trình chấp hành ngân sách, cơ quan tài chính có trách nhiệm





bảo đảm nguồn ngân sách và Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm ngân quỹ để thanh toán kịp thời các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo đúng tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ chi. Các đơn vị sử dụng ngân sách phải sử dụng ngân sách theo đúng tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ chi được giao.

Báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.

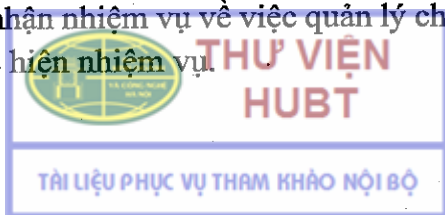
Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đáp ứng đủ điều kiện sau:

- Xác định được khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành.

- Có cơ sở, căn cứ tính toán để lập và giao dự toán kinh phí theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật kinh tế, định mức chi tiêu hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương cùng loại được cung ứng trong điều kiện tương tự; bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp theo quy định.

- Có tiêu chí, cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Có thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan nhận nhiệm vụ về việc quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.



Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được áp dụng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thẩm quyền gắn với tăng trách nhiệm cá nhân, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của thủ trưởng đơn vị.
- Đơn giản hóa quy trình quản lý chi ngân sách nhà nước trong khâu kiểm soát chi, quyết toán chi ngân sách nhà nước.
- Khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian cung cấp, dự toán chi phí của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải bảo đảm tối thiểu bằng hoặc tốt hơn so với phương thức quản lý ngân sách nhà nước theo các yếu tố đầu vào.

#### ***1.2.2.6. Thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước***

Thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước là việc Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách nhà nước và trực tiếp thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước cho người hưởng lương, trợ cấp xã hội và người cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Một trong những chức năng quan trọng của Kho bạc Nhà nước là quản lý tập trung, thống nhất ngân quỹ nhà nước để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; bảo đảm quản lý an toàn và sử dụng có hiệu quả ngân quỹ nhà nước. Vì vậy, Kho bạc Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước. Thực hiện thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước nhằm tăng cường vai trò và hiệu quả kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước của Kho bạc Nhà nước.



Tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước phải được Kho bạc Nhà nước kiểm soát và thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước; trường hợp chưa thực hiện được việc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước, mới thực hiện thanh toán qua đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước trong quá trình thực hiện dự toán chi ngân sách được giao và quyết toán chi ngân sách theo đúng chế độ quy định; lập chứng từ thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung chi ghi ở chứng từ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước.

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quyết định chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, mức chi trong phạm vi dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và chịu trách nhiệm về quyết định chi, tính chính xác của các nội dung chi ở chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước; quản lý, sử dụng ngân sách theo đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, tiết kiệm và hiệu quả.

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát các hồ sơ, chứng từ chi và thực hiện thanh toán kịp thời các khoản chi ngân sách đủ điều kiện thanh toán theo quy định; có quyền tạm đình chỉ, từ chối thanh toán các khoản chi ngân sách không đủ các điều kiện quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**1.2.2.7. Hạch toán bằng Đồng Việt Nam, đúng mục lục ngân sách nhà nước**



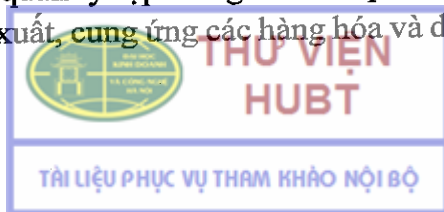
Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ quốc gia của Việt Nam. Vì vậy, đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”. Các khoản chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ, hiện vật, ngày công lao động được quy đổi và hạch toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ, giá hiện vật, ngày công lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Mục lục ngân sách nhà nước là bảng phân loại các nội dung thu, chi thuộc giao dịch thường niên của ngân sách nhà nước theo những tiêu thức nhất định nhằm phục vụ quản lý ngân sách nhà nước. Vì vậy, hạch toán chi ngân sách nhà nước phải thực hiện theo đúng mục lục ngân sách nhà nước nhằm cung cấp đầy đủ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý ngân sách nhà nước. Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định rõ các khoản thu, chi phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán nhà nước, đúng mục lục ngân sách nhà nước; hạch toán sai chế độ kế toán nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước là một trong những hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

### **1.2.3. Các phương thức quản lý chi ngân sách nhà nước**

#### ***1.2.3.1. Quản lý chi ngân sách theo đầu vào***

Quản lý chi ngân sách theo đầu vào hay còn gọi là phương thức quản lý chi ngân sách truyền thống, xuất hiện vào cuối thế kỷ 19. Quản lý chi ngân sách nhà nước theo đầu vào là phương thức quản lý tập trung vào chi phí các đầu vào của quá trình sản xuất, cung ứng các hàng hóa và dịch vụ theo các



chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách được quy định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngân sách được quản lý chi tiết theo các dòng mục tương ứng với các đầu vào của quá trình sản xuất, cung ứng hàng hóa dịch vụ của các đơn vị sử dụng ngân sách. Quản lý quá trình lập, chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước tập trung vào việc tuân thủ và kiểm soát việc tuân thủ các đầu vào theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách nhà nước.

Phương thức quản lý chi ngân sách nhà nước theo đầu vào dễ kiểm soát; dễ thực hiện; ngăn chặn sự tùy tiện trong sử dụng ngân sách nhà nước; góp phần bảo đảm kỷ luật tài khóa vì các đơn vị sử dụng ngân sách khó có thể chi tiêu vượt mức ngân sách đã được phân bổ. Tuy vậy, phương thức này gây ra nhiều phức tạp về thủ tục khi các đơn vị sử dụng cần phải điều chỉnh các khoản mục ngân sách đã được phân bổ; hiệu quả phân bổ và hiệu quả hoạt động trong quản lý chi ngân sách nhà nước chưa được chú trọng và theo đó không ràng buộc được trách nhiệm giải trình về kết quả chi tiêu ngân sách nhà nước.

### ***1.2.3.2. Quản lý ngân sách theo kết quả***

Từ những năm 1990, quản lý theo kết quả đã được áp dụng rộng rãi trong cả khu vực tư và khu vực công, ở các nước phát triển và đang phát triển. Theo đó, quản lý chi tiêu công nói chung và quản lý chi ngân sách nhà nước nói riêng được chuyển đổi dần từ phương thức quản lý theo đầu vào sang phương thức quản lý theo kết quả.

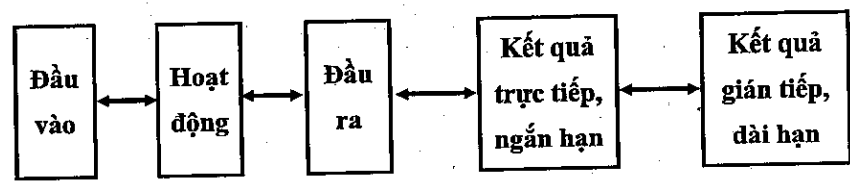


Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả là phương thức quản lý tập trung vào kết quả của các khoản chi ngân sách nhà nước.

Quản lý quá trình lập, chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước gắn kết chặt chẽ với kết quả của các khoản chi. Lập dự toán chi ngân sách nhà nước phải trình bày rõ các kết quả mục tiêu sẽ đạt được để có căn cứ lựa chọn ưu tiên phân bổ ngân sách dựa vào kết quả. Chấp hành và quyết toán các khoản chi ngân sách nhà nước gắn với mức độ đạt được các kết quả mục tiêu đã cam kết cả về số lượng và chất lượng. Theo dõi và đánh giá chi ngân sách theo kết quả là cơ sở để thanh toán và quyết toán các khoản chi ngân sách nhà nước.

Kết quả chi ngân sách nhà nước có nhiều cấp độ khác nhau. Kết quả trực tiếp của các khoản chi ngân sách nhà nước là các đầu ra. Tác động trực tiếp và tác động gián tiếp hay tác động ngắn hạn và tác động dài hạn là kết quả phát triển của các khoản chi ngân sách nhà nước. Vì vậy, quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả có cấp độ khác nhau.

Cấp độ kết quả



Kết quả phát triển

Sơ đồ 1.1. Khung logic kết quả phát triển



Kết quả phát triển là những thay đổi về kinh tế - xã hội do tác động, ảnh hưởng của các đầu ra hay hàng hoá, dịch vụ được tạo ra. Những thay đổi về kinh tế - xã hội do tác động của các đầu ra có thể là những thay đổi về lượng hoặc những thay đổi về chất và làm gia tăng phúc lợi xã hội, thể hiện những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội mong muốn đạt được. Kết quả phát triển có thể là những kết quả tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, kết quả ngắn hạn hoặc dài hạn của các đầu ra.

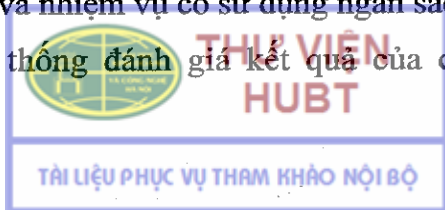
Đầu ra là những loại hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cơ quan, đơn vị tạo ra và cung ứng ra cho xã hội. Các đầu ra hay hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cơ quan, đơn vị cung ứng cho xã hội phải nhằm vào thỏa mãn nhu cầu của xã hội hay đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hoạt động là hành động, công việc hay nhiệm vụ được các tổ chức, cơ quan, đơn vị tiến hành hoặc thực hiện để chuyển hóa các yếu tố đầu vào như nhân lực, vật lực, tài lực... nhằm tạo ra các đầu ra.

Đầu vào là những nguồn lực được các tổ chức, cơ quan, đơn vị sử dụng để thực hiện các hoạt động nhằm tạo ra các đầu ra đã định. Để có các đầu vào thì các tổ chức, cơ quan, đơn vị phải có ngân sách để trang trải các chi phí đầu vào.

Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả có các đặc trưng cơ bản sau:

- Phải xác định được kết quả của các chính sách, chương trình, dự án và nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Có hệ thống đánh giá kết quả của các chính sách,



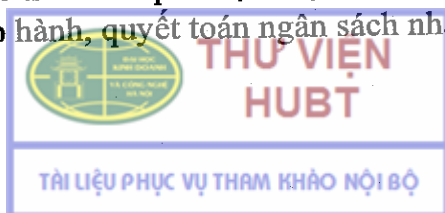
chương trình, dự án và nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước theo kết quả của các chính sách, chương trình, dự án và nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được đánh giá.

Với việc kết nối ngân sách với đầu ra và đầu ra với kết quả phát triển, quản lý chi ngân sách theo kết quả tăng cường hiệu quả và hiệu lực trong phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước; phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm của các đơn vị sử dụng ngân sách; giảm thiểu các thủ tục hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Hiệu quả phản ánh quan hệ tỷ lệ giữa đầu ra với đầu vào hay quan hệ tỷ lệ giữa các đầu ra với số ngân sách được phân bổ và sử dụng để tạo ra các đầu ra. Hiệu lực phản ánh tác động của các đầu ra với kết quả phát triển kinh tế - xã hội mong muốn hay cho biết mức độ đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội của số ngân sách được phân bổ và sử dụng.

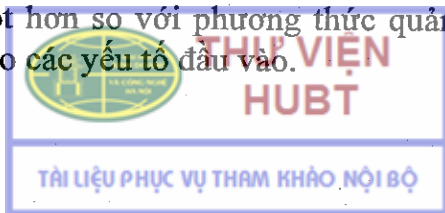
Tuy vậy, quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả đặt ra những thách thức như làm thế nào để xác định được các kết quả cụ thể của các chính sách, chương trình, dự án và nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước; thiết lập hệ thống thông tin toàn diện và minh bạch; xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá theo kết quả; năng lực quản lý của các cấp, các đơn vị dự toán và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định rõ quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc lập, phân bổ, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước trên cơ





sở xác định rõ kinh phí ngân sách gắn với nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm cần hoàn thành với khối lượng, số lượng và chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. Đối tượng thực hiện quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đáp ứng đủ điều kiện sau: (i) Xác định được khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành; (ii) Có cơ sở, căn cứ tính toán để lập và giao dự toán kinh phí theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật kinh tế, định mức chi tiêu hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương cùng loại được cung ứng trong điều kiện tương tự; (iii) Phải có tiêu chí, cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; (iv) Có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan nhận nhiệm vụ về việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Phạm vi áp dụng là các nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm có thể xác định được rõ yêu cầu về khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm hoàn thành và nhu cầu kinh phí ngân sách cần bảo đảm trên cơ sở định mức kỹ thuật kinh tế, tiêu chí, định mức chi ngân sách được cơ quan có thẩm quyền quyết định. Nguyên tắc áp dụng: (i) Tăng thẩm quyền, đi đôi với tăng trách nhiệm cá nhân, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của thủ trưởng đơn vị; (ii) Đơn giản hóa quy trình quản lý ngân sách nhà nước trong khâu kiểm soát chi, quyết toán chi ngân sách nhà nước; (iii) Khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian cung cấp, dự toán chi phí của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải bảo đảm tối thiểu bằng hoặc tốt hơn so với phương thức quản lý ngân sách nhà nước theo các yếu tố đầu vào.



## **1.2.4. Các hình thức chi ngân sách nhà nước**

### **1.2.4.1. Chi ngân sách theo hình thức rút dự toán**

Chi ngân sách nhà nước theo hình thức rút dự toán là hình thức cấp kinh phí ngân sách nhà nước từ Kho bạc Nhà nước theo quyết định chi của đơn vị được giao dự toán ngân sách, căn cứ vào yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi và dự toán ngân sách năm được cấp có thẩm quyền giao.

Hình thức rút dự toán được áp dụng đối với các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có quan hệ thường xuyên với ngân sách nhà nước và chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Quy trình chi ngân sách nhà nước theo hình thức rút dự toán:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi lập hồ sơ, chứng từ chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước xem xét, kiểm tra hồ sơ, chứng từ và yêu cầu của đơn vị sử dụng ngân sách; thực hiện thanh toán, chi trả các khoản chi có đủ các điều kiện quy định theo phương thức thanh toán trực tiếp hoặc tạm ứng; từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đủ các điều kiện quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Đối với chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, cơ quan tài chính căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi lập hồ



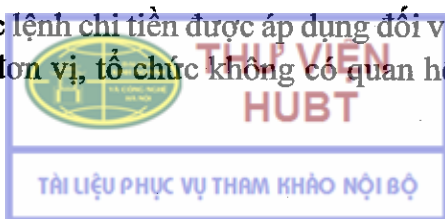
sơ, chứng từ rút số bổ sung từ ngân sách cấp trên gửi Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước xem xét, kiểm tra hồ sơ, chứng từ và yêu cầu của cơ quan tài chính; thực hiện cấp số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới nếu đủ các điều kiện quy định hoặc từ chối cấp số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới nếu không đủ các điều kiện quy định.

Định kỳ, hằng tháng, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước. Trường hợp phát hiện việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của cơ quan tài chính không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính biết; đồng thời tạm dừng việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

#### ***1.2.4.2. Chi ngân sách theo hình thức lệnh chi tiền***

Chi ngân sách nhà nước theo hình thức lệnh chi tiền là hình thức cấp kinh phí ngân sách nhà nước từ Kho bạc Nhà nước theo lệnh chi tiền của cơ quan tài chính các cấp. Lệnh chi tiền là một chứng từ do cơ quan tài chính lập, yêu cầu Kho bạc Nhà nước thực hiện một khoản chi ngân sách nhà nước.

Hình thức lệnh chi tiền được áp dụng đối với các nhiệm vụ chi của các đơn vị, tổ chức thông có quan hệ thường xuyên



đối với ngân sách nhà nước và các nhiệm vụ chi có tính chất bí mật quốc gia.

Quy trình chi ngân sách nhà nước theo hình thức lệnh chi tiền:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ vào dự toán được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi thực hiện lập hồ sơ, chứng từ gửi cơ quan tài chính.

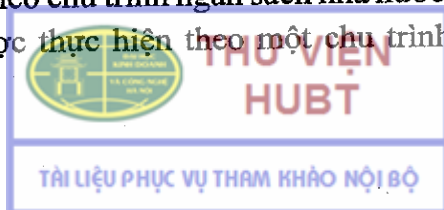
- Cơ quan tài chính xem xét, kiểm tra dự toán ngân sách được giao, hồ sơ, chứng từ và yêu cầu của đơn vị sử dụng ngân sách, nếu đủ các điều kiện chi theo quy định thì lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền và căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc chi bằng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng ngân sách. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp thì Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho cơ quan tài chính biết để xử lý.

### 1.2.5. Nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước

Nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước rất đa dạng và phức tạp. Trong quản lý chi ngân sách nhà nước có nhiều tiêu thức tiếp cận khác nhau về nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước.

Tiếp cận theo chu trình ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo một chu trình gồm 3 khâu:



Lập, chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước. Vì vậy, nội dung quản lý chi ngân sách nhà bao gồm:

- Quản lý quá trình lập hay xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước.
- Quản lý quá trình tổ chức chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước.
- Quản lý quá trình quyết toán chi ngân sách nhà nước.

Tiếp cận theo nội dung kinh tế, các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách nhà nước. Vì vậy, nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước bao gồm:

- Quản lý chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước.
- Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước.
- Quản lý chi khác ngân sách nhà nước như chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ, chi viện trợ, chi cho vay...

Quản lý chi ngân sách nhà nước gồm nhiều hoạt động đan xen gắn với chức năng quản lý của các cấp chính quyền nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước. Vì vậy, tiếp cận theo các hoạt động gắn với chức năng quản lý của các cấp chính quyền nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước thì quản lý chi ngân sách gồm các nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng, quyết định, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước.



- Kiểm soát, tạm ứng, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước.

- Quản lý ngân quỹ nhà nước trong quá trình chấp hành chi ngân sách nhà nước.

- Lập báo cáo quyết toán, kiểm toán, đánh giá, thẩm định, thẩm tra, duyệt và phê chuẩn quyết toán chi ngân sách nhà nước.

### **Câu hỏi ôn tập:**

1. Phân tích khái niệm và các đặc điểm của chi ngân sách nhà nước.

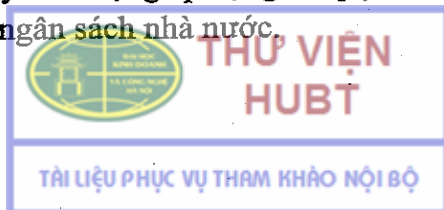
2. Chi ngân sách nhà nước được phân loại theo những tiêu thức nào? Trình bày nội dung chi và ý nghĩa của từng tiêu thức phân loại chi ngân sách nhà nước.

3. Phân tích khái niệm và các đặc điểm quản lý chi ngân sách nhà nước.

4. Phân tích các nguyên tắc quản lý chi ngân sách nhà nước. Từng nguyên tắc quản lý chi ngân sách nhà nước được thể hiện trong Luật Ngân sách nhà nước hiện hành ở Việt Nam như thế nào?

5. Trình bày các phương thức và điều kiện áp dụng từng phương thức quản lý chi ngân sách nhà nước.

6. Trình bày đối tượng áp dụng và quy trình thực hiện các hình thức chi ngân sách nhà nước.



7. Phân tích nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước theo các cách tiếp cận khác nhau.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Richard Allen, Richard Hemming và Barry H. Potter (2013), *Sổ tay về Quản lý tài chính công*.

2. Michel Bouvier, Marie-Christine Esclassan và Jean-Pierre Lassale (2005), *Tài chính công*.

3. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 324/2016/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*.

4. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Nghị định 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*.

5. Bùi Tiến Hanh và Phạm Thị Hoàng Phương (2016), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.

6. Dương Thị Bình Minh (2005), *Quản lý chi tiêu công ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*, NXB Tài chính.

7. Hoàng Thị Thúy Nguyệt và Đào Thị Bích Hạnh (2016), *Giáo trình Lý thuyết quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.

8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.



9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách nhà nước*.

10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*.







**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## Chương 2

# XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Ngân sách là “*chiếc gương tài chính*” phản ánh sự lựa chọn các chính sách của Nhà nước. Nguồn lực tài chính của Nhà nước có hạn, do đó cần có các biện pháp, quy trình quản lý để bảo đảm rằng chi ngân sách đáp ứng được việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội ưu tiên trong từng thời kỳ. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước chính là bước đầu tiên của quy trình quản lý đó, đồng thời cũng là cơ sở để tổ chức thực hiện và kiểm toán, quyết toán, đánh giá kết quả chi ngân sách. Hiểu biết đầy đủ về nội dung và phương pháp xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước không những giúp dự báo chi, mà còn giúp các nhà quản lý hiểu rõ về tính khả thi của các đề xuất ngân sách, hạn chế những tác động tiêu cực đến kỷ luật tài khóa.

Chương 2 được thiết kế nhằm giúp cho người đọc hiểu được nội dung, quy trình và phương pháp xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước. Phần đầu của chương tóm tắt mối quan hệ giữa các kế hoạch chi ngân sách nhà nước; phần hai tập trung vào nội dung, quy trình, phương pháp xây dựng các kế hoạch chi ngân sách nhà nước trung hạn; phần ba tập trung vào căn cứ, yêu cầu, quy trình và phương pháp xác định dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.



## 2.1. KHÁI NIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 2.1.1. Khái niệm kế hoạch chi ngân sách nhà nước

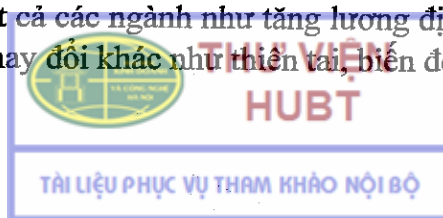
*Kế hoạch chi ngân sách nhà nước là bản tổng hợp đề xuất nhu cầu chi phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong khoảng thời gian nhất định.*

Kế hoạch chi khi đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định có tính chất cam kết như bản “*hợp đồng ngân sách*” giữa cơ quan này với các nhà cung cấp dịch vụ công, đồng thời cũng là khuôn khổ pháp lý cho quá trình tổ chức thực hiện, kiểm toán, đánh giá, quyết toán chi ngân sách nhà nước.

Nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình của các bên về kết quả sử dụng ngân sách, kế hoạch chi ngân sách nhà nước bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích kết quả chi ngân sách nhà nước giai đoạn trước, năm trước, ước thực hiện năm hiện tại, so sánh với kế hoạch đặt ra; tìm ra các nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng tới quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Giả định về các yếu tố ảnh hưởng đến đối tượng chi và mức chi của các chương trình, nhiệm vụ, dự án: Các chính sách, quy định pháp lý làm thay đổi đối tượng, định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi; các tham số có thể làm thay đổi số người thụ hưởng, đối tượng thụ hưởng, khách hàng, khối lượng công việc tùy theo từng ngành; thay đổi các tham số chung ảnh hưởng đến tất cả các ngành như tăng lương định kỳ, tỷ lệ lạm phát và các thay đổi khác như thiên tai, biến động bất thường.



- Thuyết minh về mục tiêu, định hướng, sắp xếp thứ tự ưu tiên, lượng hóa chi phí cho những chương trình, dự án, nhiệm vụ kỳ kế hoạch trong phạm vi trần ngân sách.

- Lựa chọn các giải pháp thực hiện, dự kiến đầu ra, kết quả đạt được.

**Bảng 2.1. Các kế hoạch chi ngân sách nhà nước**

Các kế hoạch	Cấp quản lý				
	Quốc gia và tỉnh	Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm	x				
Kế hoạch đầu tư 05 năm nguồn ngân sách nhà nước	x	x	x	x	x
Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm	x	x	x		
Kế hoạch chi ngân sách nhà nước hằng năm	x	x	x	x	x

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Đầu tư công năm 2014 kế hoạch chi ngân sách gồm kế hoạch chi ngân sách nhà nước trung hạn và kế hoạch chi ngân sách nhà nước hằng năm hay dự toán chi ngân sách nhà nước. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước trung hạn bao gồm kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm, kế hoạch đầu tư 05 nguồn ngân sách nhà nước và kế hoạch chi ngân sách nhà



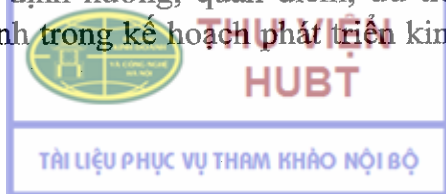
nước 03 năm. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm là bộ phận cấu thành của kế hoạch tài chính 05 năm. Kế hoạch đầu tư 05 nguồn ngân sách nhà nước là bộ phận cấu thành của kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm là bộ phận cấu thành của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

*Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước là quá trình các cấp chính quyền và các đơn vị dự toán ngân sách xác định các chi phí cần thiết phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện kế hoạch hoạt động trong thời kỳ nhất định.*

Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước phải phân tích tính khả thi, sự phù hợp của các đề xuất chi với các chiến lược, chính sách, nhiệm vụ ưu tiên của tổ chức; mức độ liên kết trực tiếp giữa chi ngân sách nhà nước với kết quả thực hiện nhiệm vụ; khả năng ngân sách bảo đảm bù đắp chi phí cho các hoạt động dự kiến... Kết quả của khâu này là kế hoạch chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định.

### **2.1.2. Mối quan hệ giữa các kế hoạch chi ngân sách nhà nước**

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm là kế hoạch để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương trong giai đoạn 05 năm bằng nguồn ngân sách nhà nước. Kế hoạch này cụ thể hóa các định hướng, quan điểm, ưu tiên phát triển đã được xác định trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05



năm thành các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các định hướng lớn về chi ngân sách nhà nước trong thời gian 05 năm; các chỉ tiêu về tổng số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên.

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm giữ vai trò định hướng cho kế hoạch đầu tư 05 năm nguồn ngân sách nhà nước, kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

## HỢP 2.1

### **Nội dung về chi ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 05 quốc gia giai đoạn 2016 - 2020**

#### **Mục tiêu cụ thể về chi ngân sách nhà nước**

Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực. Tổng chi ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2016-2020 khoảng 8.025 nghìn tỷ đồng, trong đó, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 25-26% tổng chi ngân sách nhà nước; giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 64% tổng chi ngân sách nhà nước; ưu tiên bảo đảm chi trả nợ, chi dự trữ quốc gia. Tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tối đa khoảng 2.000 nghìn tỷ đồng.

#### **Định hướng chi ngân sách nhà nước**

Giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

xuân, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Phần đầu bảo đảm 20% tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo; 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Điều chỉnh mức lương cơ sở, lương hưu và trợ cấp ưu đãi đối với người có công tăng bình quân khoảng 7%/năm; căn cứ tình hình thực tế, mức điều chỉnh cụ thể sẽ được Quốc hội xem xét, quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

*Nguồn:* Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội.

Kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước bao gồm các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư trong thời hạn 05 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, phương án phân bổ vốn, các giải pháp triển khai thực hiện. Trên cơ sở trần chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước đã được xác định trong kế hoạch tài chính 05 năm, các cấp chính quyền xây dựng kế hoạch đầu tư 05 năm nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của mỗi cấp.

Kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước là cơ sở cho việc xây dựng, xem xét kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm và quyết định dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.



## HỢP 2.2

### **Nội dung chi đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư trung hạn năm giai đoạn 2016 - 2020**

#### **Điều 1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020**

##### **1. Mục tiêu**

Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

##### **2. Định hướng**

a) Tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách làm cơ sở đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền; khai thác tối đa, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư.



**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



b) Ưu tiên vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ về nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng; các nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục tình trạng hạn hán ở các tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung.

c) Việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư cho các ngành, lĩnh vực, các chương trình phải tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

d) Đối với tiền bán vốn Nhà nước tại một số doanh nghiệp, ưu tiên đầu tư cho các dự án quan trọng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

*Nguồn:* Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội.



Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm là kế hoạch chi được xây dựng hằng năm cho thời gian 03 năm, được xây dựng kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm nhằm triển khai kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm và kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước.

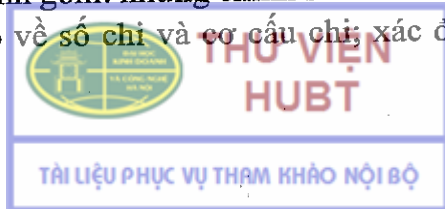
Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm thể hiện những nội dung lớn về khung cân đối ngân sách nhà nước và trần chi ngân sách cho các bộ, cơ quan, đơn vị và địa phương trong thời gian 03 năm, có tính đến diễn biến tình hình kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách hiện tại, cập nhật dự báo trong thời gian 03 năm kế hoạch, làm cơ sở cho việc xây dựng, xem xét, quyết định dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm bao gồm:

- Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh).

- Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh.

Nội dung kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia và tỉnh gồm: những chính sách chi ngân sách quan trọng; dự báo về số chi và cơ cấu chi; xác định thứ tự ưu



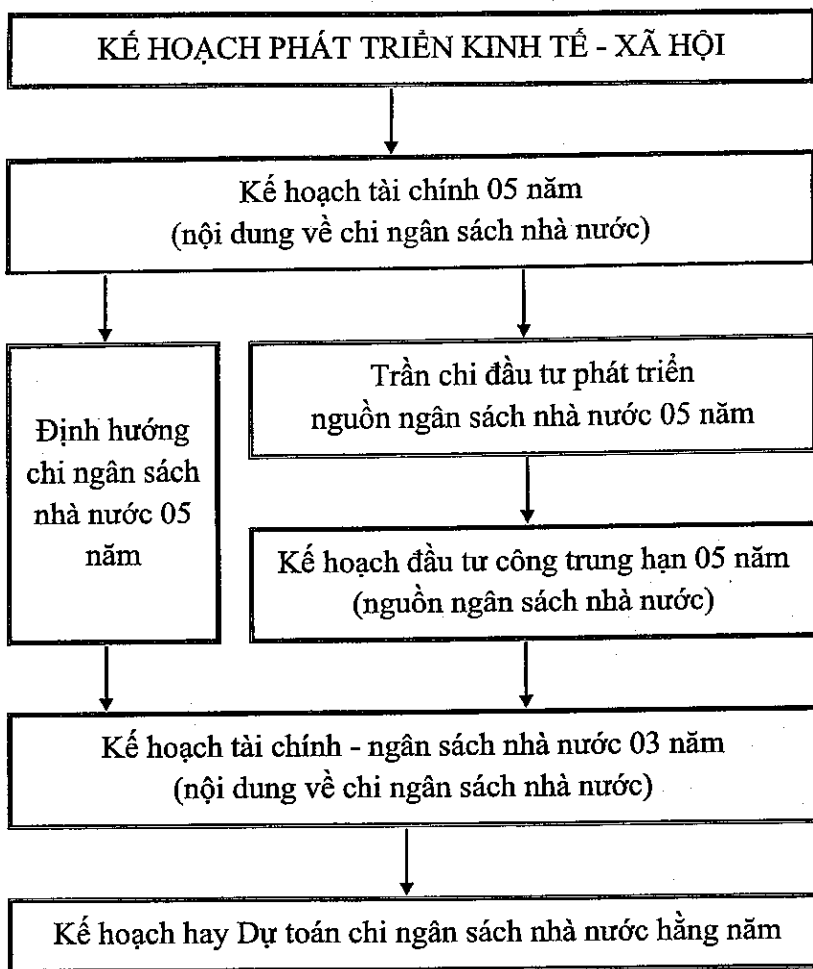
tiên phân bổ nguồn lực ngân sách, trần chi tiêu cho các lĩnh vực, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch chi trong thời hạn 03 năm.

Nội dung kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm của các đơn vị dự toán cấp I gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu của ngành, cơ quan, đơn vị; dự báo về số thu được giao quản lý, yêu cầu chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ; nguyên tắc và cách thức xác định, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ; dự kiến phân bổ kinh phí trong tổng mức trần chi tiêu; các giải pháp chủ yếu để cân đối giữa nhu cầu chi ngân sách và trần chi tiêu trong thời hạn 03 năm.

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước hằng năm hay gọi là dự toán chi ngân sách nhà nước cụ thể hóa định hướng chiến lược của kế hoạch chi ngân sách nhà nước 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 nguồn ngân sách nhà nước; mục tiêu và nhiệm vụ của kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm; có các chỉ tiêu cơ bản trùng với chỉ tiêu năm thứ nhất của kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.

Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước hằng năm thực chất là cụ thể hóa các chỉ tiêu và biện pháp thực hiện của kế hoạch chi ngân sách năm đầu tiên của kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm.





**Sơ đồ 2.1. Mối quan hệ giữa các kế hoạch chi ngân sách nhà nước**

## 2.2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRUNG HẠN

### 2.2.1. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước

#### 2.2.1.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước

*Thứ nhất*, kết quả đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn trước.

Nội dung đánh giá từ góc độ tài chính tập trung vào tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công như: Xây dựng, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công; cân đối các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu; tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán; nợ đọng xây dựng cơ bản... Ngoài ra cần xem xét mức độ đạt được các mục tiêu đầu tư so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tác động của kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong việc thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác và kết quả phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả đánh giá tình hình thực hiện, các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, các giải pháp trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn trước, năm trước là cơ sở thực tiễn và bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau, năm sau.

*Thứ hai*, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội



05 năm, mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch đã được phê duyệt.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước nhằm phục vụ thực hiện mục tiêu ưu tiên đầu tư đã được xác định trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước căn cứ vào các chiến lược, kế hoạch này để sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn danh mục dự án đầu tư.

*Thứ ba*, khả năng huy động và cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước phải phù hợp với khả năng huy động và cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm kỷ luật tài khóa, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Cơ quan kế hoạch và đầu tư có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư trung hạn. Các cơ quan này có nhiệm vụ dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư; xây dựng cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; điều phối, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành và địa phương.

*Thứ tư*, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.



Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công là căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước. Các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước nhấn mạnh các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công... là căn cứ pháp lý quan trọng để xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

### ***2.2.1.2. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước***

*Thứ nhất*, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

Các dự án đầu tư không phân biệt các dự án quan trọng quốc gia, dự án có quy mô lớn hay nhỏ đều phải thực hiện hoạt động đầu tư công theo trình tự sau:

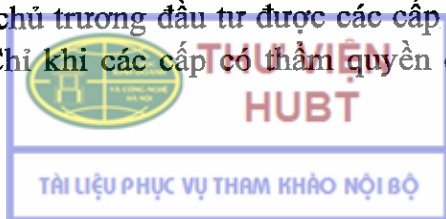
Xây dựng, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

Xây dựng, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công.

Xây dựng, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công.

Thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch đầu tư công.

Như vậy, xây dựng, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư là khâu đầu tiên của hoạt động đầu tư công, kết quả của khâu này là chủ trương đầu tư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chỉ khi các cấp có thẩm quyền quyết định chủ



trương đầu tư thì chương trình, dự án mới được bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

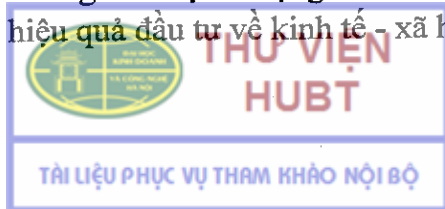
Tùy thuộc vào tầm quan trọng và quy mô của dự án, tổ chức công được giao chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án có trách nhiệm xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

*Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

*Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

*Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi có những nội dung chính sau:*

- Sự cần thiết đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.
- Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư.
- Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn.
- Phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư.
- Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.





- Dự kiến tiến độ thực hiện dự án, phân chia giai đoạn đầu tư.
- Các giải pháp tổ chức thực hiện.

Sau khi chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, các chương trình, dự án đầu tư công phải thực hiện bước tiếp theo là xây dựng, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công. Chỉ có những chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư mới đủ điều kiện để được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm. Báo cáo nghiên cứu khả thi là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của chương trình, dự án đầu tư công làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

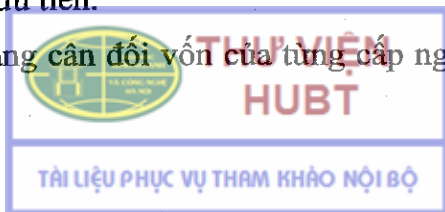
*Thứ hai, xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.*

Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn khi quyết định chủ trương đầu tư nhằm tránh tình trạng quyết định chủ trương đầu tư vượt quá khả năng cân đối vốn, dẫn đến hệ lụy nợ đọng, dàn trải, lãng phí, hiệu quả đầu tư công thấp.

Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của chương trình, dự án đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Sự phù hợp về mục đích, đối tượng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Khả năng bố trí vốn cho chương trình, dự án trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng ngành, lĩnh vực, chương trình, của từng bộ, ngành trung ương và địa phương theo thứ tự ưu tiên.

- Khả năng cân đối vốn của từng cấp ngân sách, vốn bổ



sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; mức vốn dự kiến bố trí cho dự án theo từng nguồn vốn và tiến độ thời gian bố trí vốn cụ thể.

*Thứ ba*, tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

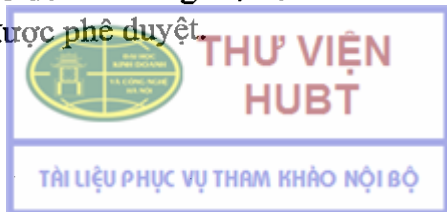
Các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thể hiện sự cụ thể hóa các ưu tiên chiến lược khi phân bổ ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối vốn.

Để bảo đảm hiệu quả phân bổ, bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cần tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Bố trí vốn cho chương trình, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư của ngân sách nhà nước theo đúng tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước.

- Tập trung vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.



### **2.2.1.3. Trình tự xây dựng, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước**

Trình tự xây dựng, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước tuân thủ theo trình tự xây dựng, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn; diễn ra trong năm thứ tư và năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước; gồm hai giai đoạn.

**Giai đoạn 1:** Hướng dẫn xây dựng, xây dựng và tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

Trong năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch, các cấp chính quyền, các đơn vị dự toán xây dựng và tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau.

#### **Bảng 2.2**

### **Hướng dẫn xây dựng, xây dựng và tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước**

**Bước 1:** Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.

*Trước ngày 31 tháng 3*

Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

*Trước ngày 15 tháng 5*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau.

*Trước ngày 15 tháng 6*

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành trung ương ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau.

**Bước 2:** Xây dựng và tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau.

*Trước ngày 15 tháng 9*

Cơ quan, đơn vị cấp trung ương và cấp tỉnh triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét.

Đối với cấp huyện và cấp xã, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thẩm định, hoàn chỉnh kế hoạch trình Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

*Trước ngày 15 tháng 10*

Các cơ quan, đơn vị ở trung ương gửi kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đến cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư để thẩm định.

Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định. Ủy ban nhân dân cấp dưới gửi Ủy ban nhân dân cấp trên kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc cấp mình quản lý, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đối với cấp huyện. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý cho cấp xã một số nguồn vốn đầu tư công của cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

*Trước ngày 15 tháng 11*

Tại trung ương, cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau.

Tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

*Trước ngày 30 tháng 11*

Căn cứ vào ý kiến thẩm định các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước trình các cấp có thẩm quyền cho ý kiến và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét.

*Trước ngày 31 tháng 12*

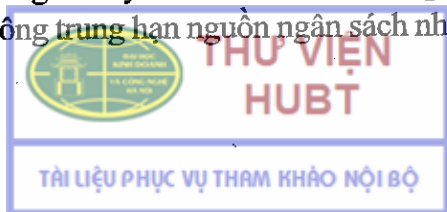
Tại trung ương, cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau, bao gồm chi tiết danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư ngân sách và mức vốn bố trí cho từng dự án; hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

*Nguồn:* Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

**Giai đoạn 2:** Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước trình Chính phủ.

Trong năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn trước, sau khi nhận được kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền thẩm định ở giai đoạn 1, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của cấp



mình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước báo cáo Chính phủ.

### Bảng 2.3

#### Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước

*Trước ngày 31 tháng 01*

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn sau bao gồm cả khả năng huy động nguồn vốn từ vay nợ như vốn trái phiếu Chính phủ.

*Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn trong đó có vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương.

*Trước ngày 31 tháng 5*

Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*Trước ngày 15 tháng 6*

Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

*Trước ngày 30 tháng 6*

Các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

*Trước ngày 31 tháng 7*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước báo cáo Chính phủ.

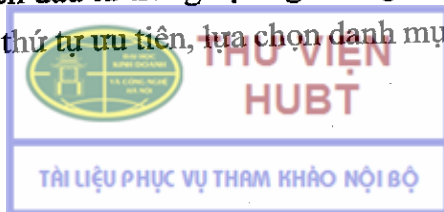
*Nguồn:* Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

#### **2.2.1.4. Nội dung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước**

Kế hoạch đầu tư công là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư công; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

Nội dung chính của kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước:

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư giai đoạn trước.
- Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; mục tiêu, định hướng đầu tư nhằm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn.
- Khả năng cân đối nguồn ngân sách nhà nước trong trung hạn với mức trần của kế hoạch tài chính trung hạn.
- Nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước.
- Sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn danh mục dự án và mức





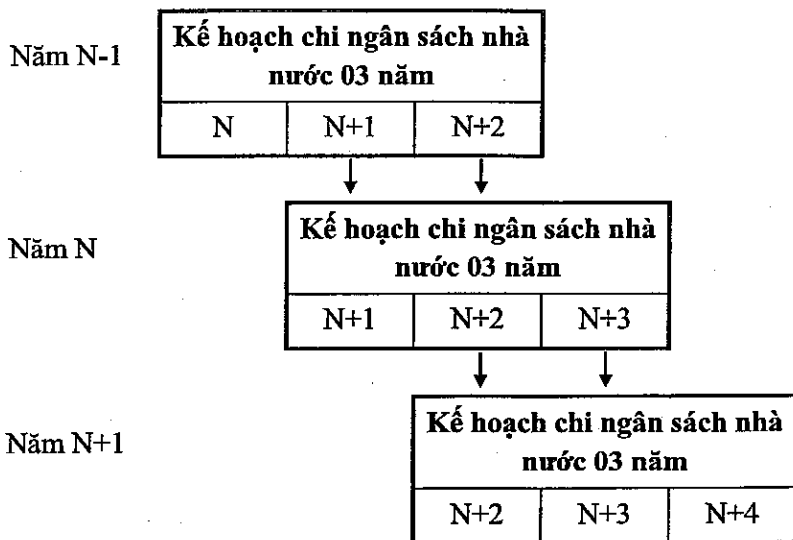
vốn bố trí cụ thể cho từng dự án. Nội dung danh mục dự án gồm: mức vốn đầu tư; địa điểm xây dựng; thời gian khởi công - hoàn thành; đơn vị chủ đầu tư; nguồn vốn; tình trạng dự án; hình thức bổ sung ngân sách.

- Giải pháp thực hiện và dự kiến kết quả đạt được sau đầu tư.

## 2.2.2. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm

### 2.2.2.1. Một số khái niệm

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm là bộ phận cấu thành của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, được xây dựng hằng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm, kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo.

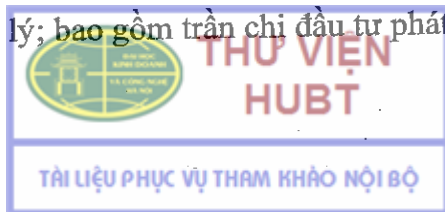


Sơ đồ 2.2

Phương thức cuốn chiếu xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm

*Phương thức cuốn chiếu* là việc hằng năm cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm thực hiện cập nhật, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước, làm rõ những vấn đề phát sinh để định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực trong trung hạn, tạo cơ sở cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. Nói cách khác, các cơ quan, đơn vị vừa tổ chức cập nhật đánh giá lại kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước, vừa xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 3 năm kế tiếp kể từ năm hiện hành. Ví dụ năm N-1, đơn vị xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 3 năm N, N+1 và N+2. Năm N, đơn vị rà soát, cập nhật tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước để xây dựng kế hoạch chi ngân sách cho 03 năm N+1, N+2 và N+3. Tương tự như vậy, năm N+1 đơn vị rà soát, cập nhật tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước để xây dựng kế hoạch chi ngân sách cho 03 năm N+2, N+3 và N+4.

*Trần chi ngân sách* là giới hạn chi ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền thông báo cho các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh cho thời gian 03 năm kế hoạch, chi tiết theo từng năm; trong đó, trần chi ngân sách của năm thứ nhất đồng thời là số kiểm tra dự toán chi ngân sách nhà nước. Trần chi ngân sách được giao cụ thể đến từng đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh. Mỗi đơn vị dự toán được thông báo nhiều loại trần chi ngân sách khác nhau cho các lĩnh vực mà đơn vị đó trực tiếp quản lý; bao gồm trần chi đầu tư phát triển, trần chi



thường xuyên, trần chi cho chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

*Chi tiêu cơ sở* là nhu cầu chi ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định và cam kết bố trí nguồn trong dự toán ngân sách của năm trước, đang triển khai và sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian 03 năm kế hoạch.

*Chi tiêu mới* là nhu cầu chi ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới cho từng lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện, bao gồm cả các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng chưa được bố trí nguồn và cần tiếp tục thực hiện trong thời gian 03 năm kế hoạch.

#### **2.2.2.2. Quy trình xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm**

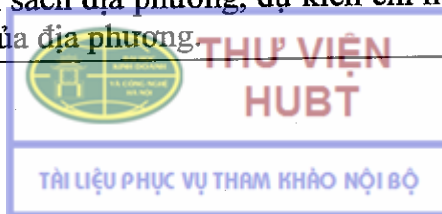
Quy trình xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm tuân thủ theo trình tự xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, gồm ba giai đoạn: (i) Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp với tình hình thực tế của các nội dung trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm xây dựng năm trước; (ii) Hướng dẫn và giao trần chi ngân sách nhà nước 03 năm chu kỳ cuốn chiếu tiếp theo; (iii) Xây dựng, tổng hợp kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.



## Bảng 2.4

### Quy trình xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm

<p><b>Giai đoạn 1:</b> Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp với tình hình thực tế của các nội dung trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm xây dựng năm trước.</p>
<p><i>Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm</i></p>
<p>Các đơn vị dự toán cấp 1 rà soát toàn bộ báo cáo kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm đã xây dựng năm trước; cập nhật, bổ sung số liệu gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư đồng cấp.</p> <p>Ở địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá mức độ phù hợp với tình hình thực tế của các nội dung kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm xây dựng năm trước để gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>
<p><b>Giai đoạn 2:</b> Hướng dẫn và giao trần chi ngân sách nhà nước 03 năm chu kỳ cuốn chiếu tiếp theo.</p>
<p><i>Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm</i></p>
<p>Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.</p>
<p><i>Trước ngày 01 tháng 6 hằng năm</i></p> <p>Bộ Tài chính hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm; thông báo trần chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán cấp 1 trung ương; dự kiến số chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tổng chi cân đối ngân sách địa phương, dự kiến chi một số lĩnh vực quan trọng của địa phương.</p>



Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước 03 năm; thông báo trần chi ngân sách cho đầu tư phát triển của các đơn vị dự toán cấp I trung ương và các địa phương, đồng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

*Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm*

Các bộ, cơ quan trung ương quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm đối với chương trình được giao quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh; thông báo số trần chi ngân sách đến đơn vị dự toán cấp I tỉnh.

**Giai đoạn 3:** Xây dựng, tổng hợp kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.

*Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm*

Trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức công xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.

Các bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

*Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia về chi đầu tư phát triển, chi tiết theo lĩnh vực đến từng bộ, cơ quan trung ương và số bổ sung có mục tiêu cho từng địa phương gửi Bộ Tài chính tổng hợp.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

*Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm*

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia.

*Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm*

Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia gửi đến các đại biểu Quốc hội để tham khảo khi quyết định dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

*Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm*

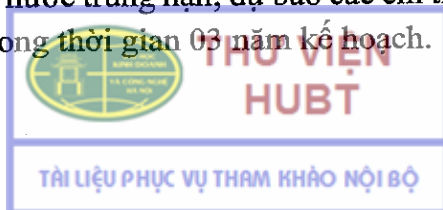
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh gửi đến các đại biểu Hội đồng nhân dân để tham khảo khi quyết định dự toán ngân sách địa phương hằng năm.

*Nguồn:* Nghị định số 45/2017/NĐ-CP quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

### **2.2.2.3. Nội dung kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm**

**Một là,** nội dung kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm hiện hành so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chi ngân sách nhà nước trung hạn; dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 03 năm kế hoạch.



Cập nhật những cơ chế, chính sách chi ngân sách nhà nước quan trọng dự kiến thực hiện trong thời kỳ kế hoạch 03 năm để đảm bảo chi ngân sách theo đúng mục tiêu, định hướng của kế hoạch chi trong kế hoạch tài chính 05 năm.

Xác định tổng chi và cơ cấu chi ngân sách; thuyết minh các yếu tố tác động đến chi ngân sách, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách chi và quản lý chi ngân sách.

Những định hướng lớn về bố trí cơ cấu chi, cân đối ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách; ưu tiên bố trí ngân sách theo từng lĩnh vực, chương trình, dự án, nhiệm vụ chi lớn.

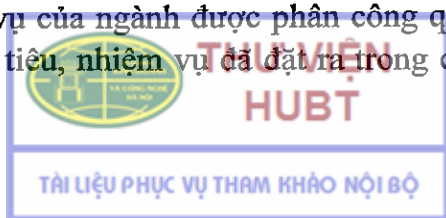
Trần chi ngân sách theo từng lĩnh vực chi và chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán cấp I; mức chi bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Dự báo những rủi ro tác động đến chi ngân sách nhà nước 03 năm.

Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.

**Hai là**, nội dung chính của kế hoạch chi ngân sách nhà nước 3 năm đơn vị dự toán cấp I.

Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện và những mục tiêu, nhiệm vụ của ngành được phân công quản lý, so sánh với các mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra trong chiến lược, quy



hoạch, kế hoạch phát triển; dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 03 năm kế hoạch.

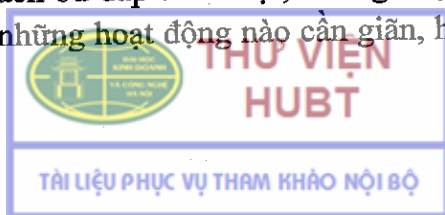
Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách của cơ quan, đơn vị năm hiện hành và năm liền trước; dự báo các nhu cầu chi ngân sách của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 03 năm kế hoạch trên cơ sở mô tả các xu hướng và vấn đề nổi bật nhất trong giai đoạn 03 năm, chỉ rõ tác động về mặt ngân sách đối với cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

Những định hướng lớn về cơ cấu thu, chi của cơ quan, đơn vị; nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; ưu tiên bố trí ngân sách và các nguồn lực tài chính khác cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ chủ yếu.

Dự kiến phân bổ chi tiết ngân sách nhà nước, khớp đúng cả về tổng mức và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi theo thứ tự ưu tiên, chi tiết theo chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới. Giải thích rõ sự cần thiết phải bảo đảm chi tiêu cơ sở cho những hoạt động đã cam kết và chi tiêu mới nếu được phê duyệt sẽ góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và ngành.

Dự báo các rủi ro phát sinh trong tổ chức thực hiện kế hoạch chi.

Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan, đơn vị. Trong trường hợp tổng chi lớn hơn trần chi do cơ quan có thẩm quyền thông báo cần phân tích rõ cách bù đắp thiếu hụt, những hoạt động nào sẽ được ưu tiên, những hoạt động nào cần giãn, hoãn hoặc hủy





bỏ, hệ quả của việc giãn, hoãn, hủy bỏ đến kết quả thực hiện nhiệm vụ.

#### **2.2.2.4. Phương pháp xác định nhu cầu chi tiêu cơ sở và chi tiêu mới**

**Một là, xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển.**

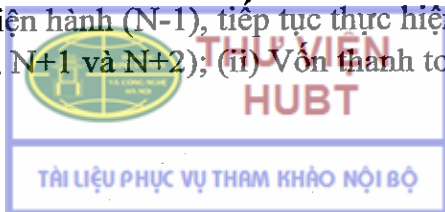
*Chi đầu tư phát triển cơ sở* là tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước; bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ, vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết và vốn vay nước ngoài theo quy định cho các chương trình, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí hoặc cam kết bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, đang triển khai và sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian 03 năm kế hoạch.

Các bước xác định:

- Xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước được xem là chi đầu tư phát triển cơ sở.

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn phân kỳ nguồn vốn đầu tư phát triển chi tiết từng danh mục công trình cho từng năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển cơ sở.

Danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước là chi đầu tư phát triển cơ sở bao gồm: (i) Các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới trong năm hiện hành (N-1), tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo (N, N+1 và N+2); (ii) Vốn thanh toán nợ đọng xây



dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán; vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện; vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định.

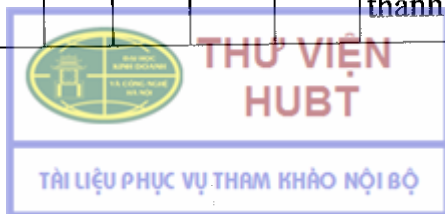
*Vi dụ 1:* Năm N-1 cơ quan A xây dựng kế hoạch chi ngân sách 03 năm. Dựa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước ở bảng 2.4 hãy xác định chi đầu tư cơ sở trong kế hoạch chi ngân sách 03 năm (N, N+1, N+2).

**Bảng 2.5**

**Kế hoạch đầu tư 05 năm nguồn ngân sách nhà nước của cơ quan A**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Dự án	Năm N-1	Năm				Tình trạng dự án đến năm N-1
		N	N+1	N+2	N+3	
Dự án 1	10	15	10	5	07	Chuyển tiếp từ năm N-2
Dự án 2	5	20	20	10		Khởi công năm N-1
Dự án 3		15				Thanh toán nợ khối lượng đầu tư hoàn thành từ năm N-2



Dự án 4		10	10	7		Khởi công năm N nhưng đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển nguồn từ năm N-1 sang năm N
Dự án 5		7				Khởi công và hoàn thành trong năm N

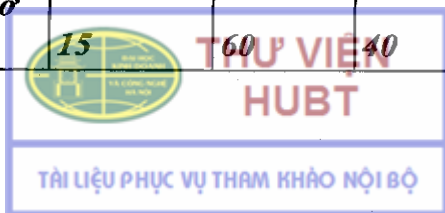
Với dữ liệu ở bảng 2.5 thì chi đầu tư phát triển cơ sở của cơ quan A trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm được thể hiện ở bảng 2.6.

**Bảng 2.6.**

**Chi đầu tư phát triển cơ sở 03 năm của cơ quan A**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Số TT	Dự án	Dự toán năm N-1	Dự toán năm N	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2
1	Dự án 1	10	15	10	5
2	Dự án 2	5	20	20	10
3	Dự án 3		15		
4	Dự án 4		10	10	7
5	<b>Chi đầu tư phát triển cơ sở</b>	15	60	40	22



*Chi đầu tư phát triển mới* là tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí hoặc cam kết bố trí trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bắt đầu thực hiện hay khởi công mới từ năm dự toán ngân sách hoặc 02 năm tiếp theo.

Các bước xác định: (i) Xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước được xem là chi đầu tư phát triển mới; (ii) Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn phân kỳ nguồn vốn đầu tư phát triển chi tiết từng danh mục công trình cho từng năm trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển mới.

Danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước là chi đầu tư phát triển mới bao gồm:

- Đối với các dự án đã được bố trí vốn để bắt đầu thực hiện năm hiện hành (N-1), nhưng chưa triển khai, không được chuyển nguồn nhưng được tiếp tục thực hiện trong dự toán (N) và các năm sau (N+1 và N+2).

- Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án.

- Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán (N), bao gồm cả các hoạt động mở rộng dự án, chương trình; vốn đối ứng cho các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn nhà nước đóng góp để đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công - tư (PPP).



- Vốn đầu tư cho các dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian chuyển tiếp giữa 02 kế hoạch đầu tư trung hạn, bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định và dự kiến được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn sau (ví dụ giai đoạn trung hạn 2021 - 2025), có nhu cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn sau (ví dụ năm 2021).

- Nghiên cứu khả thi cho các dự án sẽ được triển khai trong kế hoạch trung hạn sau (ví dụ giai đoạn 05 năm 2021 - 2025).

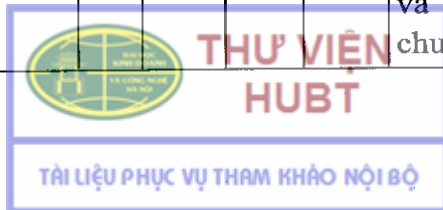
*Ví dụ 2:* Tiếp tục giả định năm N-1 cơ quan A xác định chi đầu tư phát triển mới trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm, biết rằng các thông tin về kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước ở bảng 2.7.

**Bảng 2.7**

**Kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước của cơ quan A**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Dự án	Năm N-1	Năm				Tình trạng dự án đến năm N-1
		N	N+1	N+2	N+3	
Dự án 6	12	12	10	5		Đã bố trí vốn năm N-1 nhưng không triển khai được và không được chuyển nguồn.



Dự án 7		10	15	20	5	Khởi công năm N.
Dự án 8			05	10	2	Dự án nghiên cứu khả thi để chuẩn bị cho Dự án 8.

Với dữ liệu ở bảng 2.7 thì chi đầu tư phát triển mới của cơ quan A trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm được thể hiện ở bảng 2.8.

**Bảng 2.8**

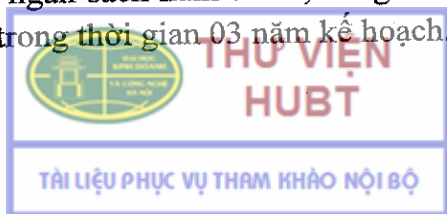
**Chi đầu tư phát triển mới 03 năm của cơ quan A**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Số TT	Dự án	Dự toán năm N-1	Dự toán năm N	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2
1	Dự án 6	12	12	10	5
2	Dự án 7		10	15	20
3	Dự án 8			05	10
4	<b>Chi đầu tư phát triển mới</b>	<b>12</b>	<b>22</b>	<b>30</b>	<b>35</b>

*Hai là, xác định nhu cầu chi thường xuyên.*

*Chi thường xuyên cơ sở là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã được bố trí trong dự toán ngân sách năm trước, đang triển khai và tiếp tục thực hiện trong thời gian 03 năm kế hoạch.*



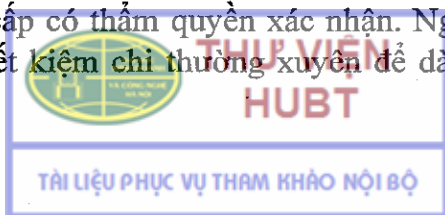
Chi thường xuyên cơ sở trong từng năm của kế hoạch 03 năm được xác định bằng kinh phí thường xuyên của năm liền trước năm kế hoạch cộng kinh phí tăng và trừ kinh phí giảm do các yếu tố điều chỉnh chi thường xuyên cơ sở của chính năm kế hoạch đó so với năm liền trước.

Các bước xác định:

*Thứ nhất*, xác định các nhu cầu chi được xem là chi thường xuyên cơ sở.

Chi được tính vào chi thường xuyên cơ sở các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã được bố trí trong dự toán ngân sách năm trước, đang triển khai và tiếp tục. Như vậy, nếu năm N-1 xây dựng kế hoạch trung hạn các năm N, N+1 và N+2, chỉ tính những nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách nào đã có trong dự toán ngân sách năm N-1, tiếp tục triển khai trong các năm tiếp theo. Năm N-1 là năm liền trước năm N; năm N là năm liền trước năm N+1; năm N+1 là năm liền trước năm N+2.

*Thứ hai*, chi thường xuyên cơ sở của từng năm trong kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm được tính bằng tổng số dự kiến kinh phí thường xuyên cơ sở của năm liền trước năm kế hoạch và cộng kinh phí tăng do các yếu tố biến động tăng, trừ kinh phí giảm do các yếu tố biến động giảm. Các yếu tố biến động tăng hoặc giảm về chế độ, chính sách, nhiệm vụ, hoạt động, lạm phát... làm thay đổi về đối tượng chi và mức chi so với năm liền trước chỉ được xem là chi thường xuyên cơ sở khi có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền ban hành, được cấp có thẩm quyền xác nhận. Ngoài ra, đối với các khoản tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn tăng



cho các nhu cầu chi tiêu mới (ví dụ như tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngoài lương để cải cách tiền lương) và các khoản điều chỉnh khác được xem là các khoản điều chỉnh đối với chi thường xuyên cơ sở.

*Ví dụ 3:* Tiếp tục giả định năm N-1 cơ quan A xây dựng chi thường xuyên cơ sở trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm, biết rằng các thông tin về chi thường xuyên tại thời điểm xây dựng kế hoạch như sau:

Dự kiến sự biến động kinh phí của các năm: (i) Quỹ lương tăng bình quân 3% bao gồm nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn; (ii) Năm N+1 có 1 người nghỉ hưu do đó quỹ lương giảm 130 triệu; (iii) Khoản xe công, điện thoại cho lãnh đạo từ năm N, dự kiến tiết kiệm được 50 triệu.

### Bảng 2.9

#### Dự toán chi lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan A năm N-1

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Năm N-1
1	Lương ngạch, bậc, chức vụ, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định	3.000
2	Chi khác ngoài lương tính theo biên chế	500
3	Chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù	300
	Trong đó:	
	- Tổ chức kỷ niệm thành xây dựng ngành	100
	- Mua sắm trang thiết bị văn phòng	200



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



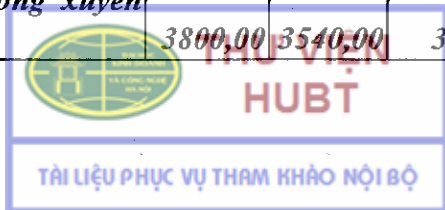
Với dữ liệu nêu trên thì chi thường xuyên cơ sở lĩnh vực chi quản lý hành chính của cơ quan A trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm được xác định như sau:

**Bảng 2.10**

**Chi thường xuyên cơ sở 03 năm của cơ quan A lĩnh vực chi quản lý hành chính**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Dự toán năm N	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2
1	Các khoản điều chỉnh tăng		90,00	92,70	95,50
	<i>Nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn</i>		90,00	92,70	95,50
2	Các khoản điều chỉnh giảm		350,00	130,00	
	<i>Giảm quỹ lương do nghỉ hưu</i>			130,00	
	<i>Tiết kiệm từ khoản xe công, điện thoại</i>		50,00		
	<i>Chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù</i>		300,00		
3	Các khoản điều chỉnh chi thường xuyên cơ sở (1-2)		40,00	-37,30	95,5
4	<b>Chi thường xuyên cơ sở</b>	<b>3800,00</b>	<b>3540,00</b>	<b>3502,7</b>	<b>3598,2</b>



*Chi thường xuyên mới* là nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới ban hành, hoặc đã ban hành trước đây nhưng chưa được bố trí nguồn và bắt đầu thực hiện từ năm dự toán ngân sách hoặc 02 năm tiếp theo.

Chi thường xuyên mới bao gồm: (i) Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây (từ trước năm hiện hành), nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai; (ii) Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và 02 năm tiếp theo; (iii) Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iv) Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền; (v) Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán; (vi) Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước.

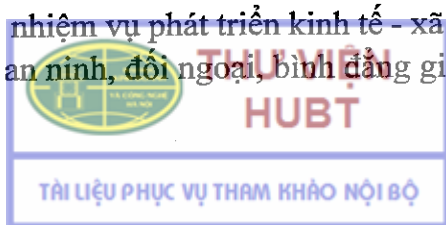
*Ví dụ 4:* Tiếp tục giả định năm N-1 cơ quan A xác định chi thường xuyên mới trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm với các thông tin tại thời điểm xây dựng kế hoạch ở bảng 2.11.

**Bảng 2.11****Đề xuất chi thường xuyên mới 03 năm của cơ quan A***Đơn vị: Triệu đồng*

Nội dung đề xuất	Năm				Tình trạng đề xuất đến năm N-1
	N-1	N	N+1	N+2	
Máy sắm trang phục thanh tra	50	50	50	50	Đề xuất chưa được phê duyệt
Kinh phí duy trì hoạt động trang web		100	110	120	Đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt thực hiện trong năm N.
Xử lý tài liệu kho lưu trữ 2010-2015	50	200			Mới bổ sung dự toán tháng 12/năm N-1
Kiểm tra đánh giá cơ sở sản xuất theo thông tư 45 của Bộ chủ quản		200	250	300	Bộ chủ quản yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn từ năm N-1
<b>Tổng chi đề xuất mới</b>		<b>550</b>	<b>410</b>	<b>470</b>	

**2.3. XÂY DỰNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM****2.3.1. Căn cứ xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm**

*Thứ nhất*, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới nói chung và



nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

*Thứ hai*, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, số kiểm tra dự toán ngân sách hàng năm.

*Thứ ba*, văn bản qui phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán chi ngân sách nhà nước năm sau.

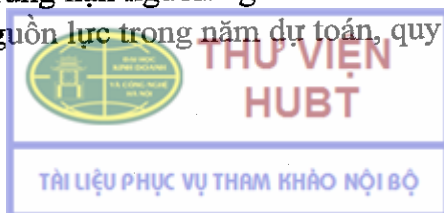
*Thứ tư*, tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước năm trước.

### **2.3.2. Yêu cầu xây dựng chi dự toán ngân sách nhà nước hằng năm**

Dự toán chi ngân sách nhà nước phải tổng hợp theo từng khoản chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách.

Dự toán chi ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp phải thể hiện đầy đủ các khoản chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:

- Dự toán chi đầu tư phát triển được xây dựng trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp



luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Dự toán chi thường xuyên được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

- Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được xây dựng căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia

- Dự toán chi trả nợ được xây dựng trên cơ sở bảo đảm trả các khoản nợ đến hạn của năm dự toán ngân sách.

- Dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào cân đối ngân sách nhà nước, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo nghị quyết của Quốc hội.

### **2.3.3. Quy trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm**

Quy trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước tuân thủ theo quy trình xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, gồm ba giai đoạn.



## Bảng 2.12

### Quy trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm

<p><b>Giai đoạn 1:</b> Hướng dẫn và giao số kiểm tra dự toán chi ngân sách nhà nước</p>
<p><i>Trước ngày 15 tháng 5</i></p>
<p>Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau.</p>
<p><i>Trước ngày 01 tháng 6</i></p>
<p>Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán chi ngân sách năm sau; thông báo số kiểm tra dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán cấp I trung ương (<i>từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương</i>) theo từng lĩnh vực, từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và tổng số chi ngân sách địa phương, một số lĩnh vực chi quan trọng đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm sau; thông báo số kiểm tra dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán cấp I trung ương, từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và từng tỉnh.</p>



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

*Trước ngày 15 tháng 6*

Các đơn vị dự toán cấp I trung ương hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau, thông báo số kiểm tra dự toán chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau; thông báo số kiểm tra chi ngân sách năm sau đến đơn vị dự toán cấp I tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo số kiểm tra chi ngân sách đến đơn vị dự toán cấp I huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Giai đoạn 2:** Xây dựng, tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước

*Trước ngày 20 tháng 7*

Trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức công xây dựng dự toán chi ngân sách hằng năm. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán chi ngân sách gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để xem xét, tổng hợp.

Các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán chi ngân sách năm sau. Dự toán chi ngân sách năm sau phải chi tiết theo từng lĩnh vực và từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách địa phương năm sau.

Đối với phần chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trong dự toán ngân sách năm sau gửi tới các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

<i>Trước ngày 15 tháng 8</i>
Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì xây dựng dự toán chi và phương án phân bổ năm sau của chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
<i>Trước ngày 31 tháng 8</i>
Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện phương án phân bổ chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương năm sau gửi Bộ Tài chính tổng hợp.
<i>Trước ngày 20 tháng 9</i>
Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp và xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến.
<i>Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm</i>
Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo phân bổ ngân sách trung ương năm sau trình Chính phủ để gửi đến các Đại biểu Quốc hội.
<b>Giai đoạn 3: Quyết định và giao dự toán chi ngân sách nhà nước</b>
<i>Trước ngày 15 tháng 11</i>
Quốc hội quyết định dự toán chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ chi ngân sách trung ương năm sau.



**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



*Trước ngày 20 tháng 11*

Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi ngân sách năm sau cho đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và từng tỉnh.

*Trước ngày 10 tháng 12*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau.

*Trước ngày 31 tháng 12*

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

Nguồn: *Luật ngân sách nhà nước 2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.*

#### **2.3.4. Nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm**

*Thứ nhất*, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước và các giải pháp chi ngân sách theo nghị quyết của cơ quan quyền lực nhà nước; việc điều chỉnh dự toán và xử lý biến động chi ngân sách, trong quá trình điều hành.

Tình hình phân bổ vốn, giao dự toán chi và thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm hiện hành theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện

các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách, chế độ chi tiêu và đề xuất biện pháp xử lý.

Giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết quý II năm hiện hành, gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư; dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm hiện hành chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm liền trước năm hiện hành, kế hoạch vốn và ước thực hiện năm hiện hành.

Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư nguồn ngân sách nhà nước chi tiết từng dự án, số vốn ngân sách nhà nước đã ứng trước cho các dự án đầu tư chưa có nguồn thu hồi.

Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành; trong đó nêu rõ số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm hiện hành và dự kiến đến hết năm hiện hành, nguyên nhân và giải pháp xử lý.

*Thứ hai*, kế hoạch phân bổ chi tiết ngân sách nhà nước theo cơ cấu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển; chi chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị dự toán và từng lĩnh vực chi.

Dự toán chi ngân sách nhà nước phải thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình dự toán chi gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước; kế hoạch chi ngân sách 03 năm, đặc biệt là phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm kế hoạch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; giải thích rõ sự cần thiết phải ưu



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

tiên chi tiêu cơ sở và chi tiêu mới.

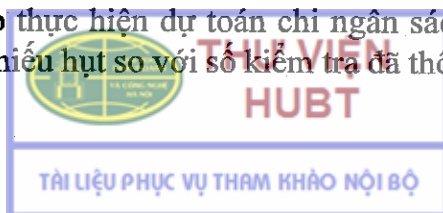
Dự toán chi đầu tư phát triển phải sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: Bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội; vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Đối với chi thường xuyên: Bảo đảm đúng chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, ưu tiên cho các các chính sách, chương trình, nhiệm vụ, hoạt động gắn với thực hiện mục tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm sau.

Đối với đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền giao thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì phải xây dựng riêng phần kinh phí này cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Việc xây dựng dự toán cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải căn cứ yêu cầu về kết quả, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian hoàn thành cụ thể cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm; định mức kỹ thuật kinh tế, chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương, cùng loại.

*Thứ ba*, những giải pháp nhằm thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước.

Giải pháp thực hiện dự toán chi ngân sách nhất là trong trường hợp thiếu hụt so với số kiểm tra đã thông báo cần làm



rõ các giải pháp bù đắp thiếu hụt từ đơn vị dự toán, không nên chỉ đơn giản là đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp thêm ngân sách. Các bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán phải rà soát tổng thể các chế độ, chính sách, nhất là các chính sách an sinh xã hội để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chéo, trùng lắp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ phải có những giải pháp cụ thể đối với từng nhiệm vụ được giao.

### 2.3.5. Phương pháp xác định dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm

#### 2.3.5.1. Phương pháp dựa trên định mức phân bổ

Dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm được xác định theo công thức:

$$C_{NS} = \sum_{i=1}^n (M_i \times D_i)$$

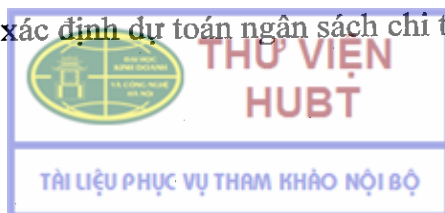
Trong đó:

Cns: Số chi ngân sách nhà nước.

M<sub>i</sub>: Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho đối tượng i.

D<sub>i</sub> : Số đối tượng i tính định mức phân bổ dự toán chi ngân sách.

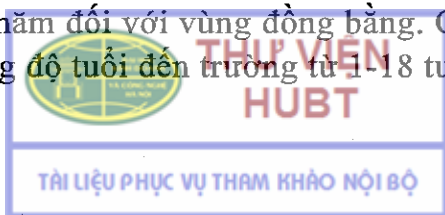
**Thứ nhất**, xác định dự toán ngân sách chi thường xuyên.



Trong công thức trên đối tượng tính định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước có thể được xác định theo lĩnh vực: (i) Lĩnh vực giáo dục đối tượng tính định mức phân bổ ngân sách có thể là dân số (định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cho các địa phương), số học sinh bình quân hoặc chỉ tiêu đào tạo của năm ngân sách (định mức phân bổ cho các cơ sở đào tạo); (ii) Lĩnh vực y tế đối tượng tính định mức phân bổ ngân sách có thể là dân số (định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế cho các địa phương), số giường bệnh hoặc theo ca bệnh (định mức phân bổ cho các cơ sở y tế); (iii) Đối tượng tính định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cơ quan quản lý nhà nước là số biên chế...

*Ví dụ 1:* Bộ X có số biên chế năm kế hoạch là 100 biên chế, số kinh phí chi quản lý hành chính năm kế hoạch của bộ X (chưa bao gồm tiền lương và các khoản chi đặc thù) được tính dựa trên định mức phân bổ chi quản lý hành chính cho các Bộ, cơ quan ở Trung ương là 54 triệu đồng/biên chế/năm. Vậy dự toán số chi ngân sách cho quản lý hành chính năm kế hoạch của bộ X là 5.400 triệu đồng (54 triệu đồng  $\times$  100 biên chế).

*Ví dụ 2:* Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho sự nghiệp giáo dục các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có đối tượng tính định mức là dân số trong độ tuổi đến trường từ 1-18 tuổi với định mức là 2,5272 triệu đồng/người dân/năm đối với vùng đồng bằng. Giả sử tỉnh Y có số dân trong độ tuổi đến trường từ 1-18 tuổi ở vùng đồng



bằng năm kế hoạch là 2.000 người. Vậy dự toán chi ngân sách cho sự nghiệp giáo dục đối với vùng đồng bằng của tỉnh Y là: 5.054,4 triệu đồng (2,5272 triệu đồng  $\times$  2.000 người).

**Thứ hai**, xác định dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển.

Định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương là mức vốn đầu tư phân bổ cho một điểm số. Định mức này được xác định bằng cách lấy tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu chuyển nguồn sử dụng đất) chia cho tổng số điểm phân bổ vốn đầu tư của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trong đó số điểm phân bổ vốn đầu tư của các tỉnh thành phố được tính dựa trên 5 tiêu chí: Dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính cấp huyện và các tiêu chí bổ sung.

*Ví dụ:* Tổng số điểm phân bổ vốn đầu tư của tỉnh Y là 15 điểm; tổng số điểm phân bổ vốn đầu tư của 63 tỉnh, thành phố là 300 điểm; tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển (không bao gồm nguồn từ thu chuyển nguồn sử dụng đất) là 30.000 tỷ đồng. Thì định mức phân bổ đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương là 100 tỷ đồng (30.000 tỷ đồng : 300 điểm) và số vốn đầu tư phát triển hay số chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước nguồn cân đối ngân sách nhà nước phân bổ cho tỉnh Y là 1.500 tỷ đồng (100 tỷ  $\times$  15 điểm).



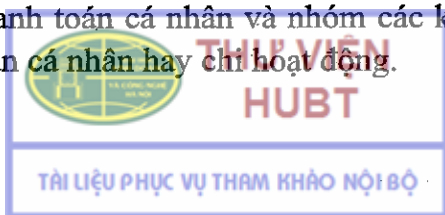
### **2.3.5.2. Phương pháp dựa trên định mức sử dụng ngân sách**

Định mức sử dụng ngân sách nhà nước chi thường xuyên thường được quy định cho từng mục chi cụ thể, như tiền lương; tiền công; phụ cấp; tiền thưởng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; công tác phí...

Định mức sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư phát triển được quy định cụ thể theo từng nội dung chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi đầu tư phát triển khác. Chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước: (i) Định mức dự toán công trình là các định mức chi phí trực tiếp liên quan đến công trình xây dựng cơ bản như định mức chi phí nguyên vật liệu, nhân công, định mức sử dụng máy móc thi công... được tính toán dựa trên các định mức kinh tế - kỹ thuật hay mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công, máy thi công... cho một đơn vị khối lượng công việc xây dựng. Định mức dự toán công trình là căn cứ để xác định đơn giá xây dựng công trình. (ii) Định mức chi phí dùng để xác định chi phí của một số loại công việc trong hoạt động xây dựng như chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí chung... Định mức chi phí được tính theo tỷ lệ phần trăm tính trên tổng chi phí trực tiếp hoặc chi phí nhân công trực tiếp... của công trình xây dựng cơ bản.

**Thứ nhất**, xác định dự toán ngân sách chi thường xuyên.

Xác định dự toán số ngân sách chi thường xuyên dựa trên định mức sử dụng ngân sách có thể chia thành hai nhóm: nhóm chi thanh toán cá nhân và nhóm các khoản chi ngoài chi thanh toán cá nhân hay chi hoạt động.



*Xác định chi thanh toán cá nhân:*

$$C_{cn} = W_t \times N_t$$

Trong đó :

$C_{cn}$  là chi thanh toán cá nhân.

$W_t$  là tiền lương chi trả cho một lao động.

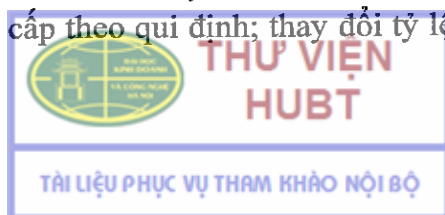
$N_t$  là số lao động trong đơn vị.

Trong công thức trên  $W_t$  được xác định căn cứ vào mức về tiền lương cơ sở hiện hành của Nhà nước, hệ số lương, hệ số phụ cấp của lao động và tính cho 12 tháng.

*Vi dụ:* Đơn vị A năm kế hoạch có 50 lao động, mức lương cơ sở hiện hành theo qui định của Nhà nước là 1.390.000 đồng/tháng. Hệ số lương, phụ cấp bình quân cho 50 lao động của đơn vị là 4,0. Vậy tổng quỹ tiền lương của năm kế hoạch của đơn vị A là 3.336 triệu đồng ( $1,39 \times 4,0 \times 50 \times 12$ ).

Trên thực tế, tiền lương chi trả cho một lao động cần phải tính đầy đủ cả các khoản chi phí theo lương như các khoản trích nộp theo lương bắt buộc: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp... Do đó  $W_t$  có thể phải tính thêm tỷ lệ % cho các khoản trích nộp.

Chi thanh toán cá nhân thay đổi khi  $W_t$ ,  $N_t$  thay đổi qua các năm. Như vậy, để dự toán chi phí thanh toán cá nhân cần phải xem xét và tính đến các yếu tố thay đổi của  $W_t$  và  $N_t$  trong năm kế hoạch như thay đổi mức lương cơ sở hiện hành theo lộ trình hoặc do yếu tố lạm phát; thay đổi các hệ số lương, phụ cấp theo qui định; thay đổi tỷ lệ % các khoản





trích nộp theo lương theo lộ trình qui định; thay đổi số lượng lao động theo kế hoạch.

*Xác định các khoản chi hoạt động:*

Ngoài chi thanh toán cá nhân trong đơn vị sử dụng ngân sách còn có các khoản chi hoạt động bao gồm chi mua hàng hoá, dịch vụ, vật tư... phục vụ cho hoạt động của đơn vị. Các khoản chi hoạt động được tính theo công thức:

$$O_t = P_t \times Q_t$$

Trong đó:

$O_t$  là chi hoạt động năm kế hoạch.

$P_t$  là đơn giá của mục chi thứ  $t$ .

$Q_t$  là số lượng hàng hoá, dịch vụ, vật tư của mục chi thứ  $t$ .

Việc xác định  $Q_t$  phụ thuộc vào nhiệm vụ mà đơn vị thực hiện trong năm kế hoạch;  $P_t$  được xác định dựa trên định mức qui định chung của Nhà nước như định mức chi hội nghị, hội thảo, công tác phí... hoặc được xác định theo định mức do đơn vị tự xây dựng quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị trong trường hợp đơn vị thực hiện tự chủ tài chính.

*Ví dụ:* Đơn vị A trong năm kế hoạch, theo nhiệm vụ được giao phải tổ chức 01 hội thảo diễn ra trong 2 ngày. Việc xây dựng dự toán cho nhiệm vụ này được xác định cho các nội dung chi theo công việc của hội thảo gồm chi phí thuê hội trường, thanh toán nhuận bút viết bài, chi phí mời báo cáo viên, tiền nước uống cho đại biểu, tiền in ấn tài liệu.



**Bảng 2.12. Dự toán chi phí cho hội thảo***Đơn vị: nghìn đồng*

<b>Nội dung chi</b>	<b>Định mức</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Tham chiếu</b>
Thuê hội trường	3.000	01	3.000	Dự kiến theo mức giá của năm báo cáo
Chi phí mời báo cáo viên	600/ buổi (tiến sỹ)	02	1.200	Theo qui định của Bộ Tài chính
	500/ buổi (thạc sỹ)	02	1.000	
Chi phí nhuận bút	115/hệ số theo bài viết	30 bài × 3 hệ số/ bài	10.350	Định mức một đơn vị hệ số nhuận bút theo qui định của Chính phủ Qui định hệ số/bài viết theo qui chế chi tiêu nội bộ của đơn vị
Tiền nước uống cho hội nghị	40/ngày/ đại biểu	50	4.000	Theo qui định của Bộ Tài chính
Tiền in ấn tài liệu	100/ quyển	60	6.000	Dự kiến theo mức giá năm báo cáo
<b>Tổng chi</b>			<b>25.550</b>	



*Nguồn:* Nghị định 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 qui định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/09/2010 qui định về việc lập dự toán quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ hội nghị hội thảo công tác phí.

**Thứ hai,** xác định dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển.

Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm được xây dựng dựa trên tổng mức đầu tư công trình và dự toán công trình được duyệt. Kỹ thuật để xây dựng dự toán cho từng hạng mục công trình, và của cả công trình được xây dựng dựa trên các định mức chi phí như định mức dự toán công trình gồm định mức dự toán xây dựng công trình phần xây dựng, lắp đặt, khảo sát, sửa chữa, thí nghiệm vật liệu...

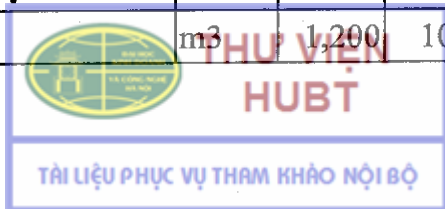
*Ví dụ:* Công trình xây dựng nhà ở dân dụng có phần dự toán hạng mục móng công trình với khối lượng xây dựng là 50m<sup>3</sup>; đơn giá xây dựng cho 1m<sup>3</sup> được tính toán dựa trên định mức kinh tế - kỹ thuật như chiều dày ≤ 60 cm, vữa xi măng mác 50 xác định theo bảng sau:

**Bảng 2.13**

**Đơn giá 1m<sup>3</sup> hạng mục xây dựng móng công trình**

*Đơn vị: nghìn đồng/m<sup>3</sup>*

Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
<b>Chi phí vật liệu</b>				<b>231,84</b>
Đá hộc	m <sup>3</sup>	1,200	100	120,00



Đá dăm	m3	0,057	120	6,84
Vữa xi măng mác 500	m3	0,420	250	105,00
<b>Nhân công</b>				<b>191,00</b>
Nhân công 3,5/7	công	1,910	100	191,00
<b>Tổng cộng</b>				<b>422,84</b>

Vậy dự toán chi phí cho hạng mục móng công trình là 21.142 nghìn đồng ( $422,84 \text{ nghìn đồng} \times 50 = 21.142$ ).

Định mức chi phí chung cho hạng mục móng công trình nhà ở dân dụng là 6,5% tính trên tổng giá xây dựng. Vậy định mức chi phí chung của hạng mục móng công trình là 1.374,23 nghìn đồng ( $6,5\% \times 21.142 \text{ nghìn đồng}$ ).

### Câu hỏi ôn tập:

1. Mỗi quan hệ giữa các kế hoạch chi ngân sách nhà nước.
2. Căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước.
3. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước.
4. Trình tự xây dựng, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước.
5. Nội dung của kế hoạch đầu tư công 05 năm nguồn ngân sách nhà nước.
6. Nội dung kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.
7. Quy trình xây dựng kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm.



8. Phương pháp xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển cơ sở và mới.

9. Phương pháp xác định nhu cầu chi thường xuyên cơ sở và mới.

10. Quy trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước.

11. Nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước.

12. Các phương pháp xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Campo Salvatore Schiavo and Tommasi Daniel (1999), *Quản lý chi tiêu công*, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) [Chương 2: Ngân sách và chuẩn bị ngân sách; Chương 4: Quá trình chuẩn bị ngân sách].

2. Richard Allen Richard Hemming Barry H. Potter (Edited 2013), *The International Handbook of Public Financial Management*, Part 1, chapter 10 and 11, London: Palgrave macmillan.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách nhà nước*.

4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Đầu tư công*.

5. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị định 77/2015/NĐ-CP kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm*.

6. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam



(2017), Nghị định 45/2017/NĐ-CP quy định chi tiết xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

7. Bộ Tài chính (2017), Thông tư số 69/2017/TT-BTC hướng dẫn xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.





**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## Chương 3

# TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

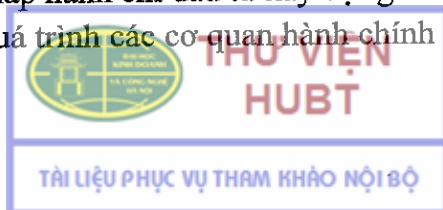
Chi đầu tư phát triển là một nội dung quan trọng của chi ngân sách nhà nước, nhằm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Chương này cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và nghiệp vụ về tổ chức chấp hành và quyết toán chi đầu tư phát triển ngân sách nhà nước hằng năm, bao gồm hai nội dung: (i) Tổ chức chấp hành và quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản; (ii) Tổ chức chấp hành và quyết toán chi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp.

### 3.1. TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

#### 3.1.1. Tổ chức chấp hành chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước

Tổ chức chấp hành chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước là quá trình các cơ quan hành chính nhà nước, bao





gồm Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước trong dự toán đã được cơ quan quyền lực nhà nước phê chuẩn.

Tổ chức chấp hành chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước bao gồm những nội dung sau: (1) Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản; (2) Kiểm soát cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản; (3) Kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; (4) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản; (5) Báo cáo chấp hành chi đầu tư xây dựng cơ bản;

### ***3.1.1.1. Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản***

*Một là*, thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước năm sau theo tổng mức vốn đã được Quốc hội quyết định, trong đó giao chi tiết danh mục và tổng mức vốn kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách trung ương cho các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (xem bảng 3.1).



**Bảng 3.1****Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước năm N***Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương/địa phương và danh mục dự án	Tổng số	Trong đó	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
	<b>TỔNG SỐ</b>	373.085	160.385	212.700
I	Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương	81.401	81.401	
1	Bộ Tài chính	209	209	
	- Dự án I			
	- Dự án II			
	...			
II	Địa phương	291.684	78.984	212.700
1	Thành phố Hà Nội	42.120	40.521	1.599
	- Dự án III			
	- Dự án IV			
	...			
2	Hòa Bình	10.000	9.100	900
	- Dự án V			
	- Dự án VI			

*Nguồn: Số liệu giả định*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết danh mục và mức vốn kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm sau vốn ngân sách trung ương của từng dự án cho các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (xem bảng 3.2).

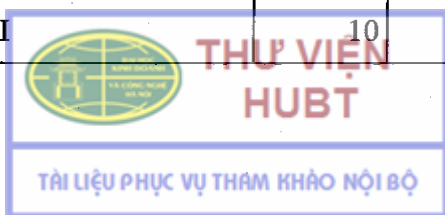
Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao hoặc thông báo kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách trung ương năm sau cho các đơn vị.

**Bảng 3.2**

**Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết danh mục, mức vốn kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm sau vốn ngân sách trung ương năm N**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Danh mục dự án	Tổng số	Trong đó	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
	<b>TỔNG SỐ</b>	373.085	160.385	212.700
I	Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương	81.401	81.401	
1	<i>Bộ Tài chính</i>	209	209	
	- Dự án I	10	10	



	- Dự án II	5	5	
	...			
II	Địa phương	291.684	78.984	212.700
1	<i>Thành phố Hà Nội</i>	42.121	40.521	1.599
	- Dự án III	4	2	
	- Dự án IV	5	0,5	
	...			

*Nguồn: Số liệu giả định*

Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm sau cho các đơn vị thực hiện sau khi Hội đồng nhân dân các cấp quyết định kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm sau của cấp mình, trong đó chi tiết danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn (xem bảng 3.3).

Bảng 3.3

Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm N do UBND tỉnh giao cho các đơn vị thực hiện

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến nay		Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước năm N	
	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh
<b>TỔNG SỐ</b>					<b>2.645.157</b>	<b>2.014.356</b>
<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					<i>200</i>	<i>200</i>
1 Dự án 1					200	200
<i>Các dự án chuyển tiếp sang năm N</i>	8.368.368	6.014.678	5.980.456	4.146.356	1.015.433	946.378
1 Dự án 2	72.684	72.684	48.000	48.000	24.684	24.684
...						
<i>Các dự án khởi công mới năm N</i>	3.467.968	3.025.589			1.629.524	1.067.978
1 Dự án 3	50.000	10.000			10.000	10.000
...						

Nguồn: Số liệu giả định



**Hai là,** yêu cầu phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư công; tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định; phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư. Chỉ phân bổ vốn cho các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định và nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án khẩn cấp theo quy định. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo nguyên tắc ưu tiên bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách nhà nước đã được phê duyệt theo thứ tự ưu tiên như sau: (i) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; (ii) Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; (iii) Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; (iv) Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; (v) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; (vi) Dự án



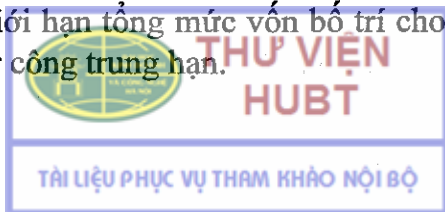
khởi công mới sau khi đã bố trí vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và đã hoàn thành các thủ tục đầu tư.

Nếu cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư chỉ bao gồm tổng mức vốn đầu tư, chưa chi tiết về danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án, các cơ quan được giao kế hoạch hoặc cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thực hiện chi tiết về danh mục, mức vốn đầu tư cho từng dự án đảm bảo các dự án phải nằm trong danh mục dự án, tổng mức vốn cho các dự án phải tuân thủ về tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao. Trường hợp cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư chi tiết về danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án, cơ quan được giao kế hoạch vốn đầu tư phải tuân thủ theo đúng nội dung kế hoạch vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao.

Sau khi nhận được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp gửi đến, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư theo nội dung sau:

- Kiểm tra sự phù hợp với kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, địa phương; danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn, ngành kinh tế.

- Kiểm tra sự phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn, cụ thể: (i) Dự án có nằm trong danh mục dự án của kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) Mức vốn bố trí cho từng dự án có nằm trong giới hạn tổng mức vốn bố trí cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.



- Kiểm tra việc đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định của các dự án được giao vốn.

- Kiểm tra sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Kiểm tra việc lựa chọn dự án trong kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm có đảm bảo phù hợp với thứ tự ưu tiên theo quy định. Trong đó, kiểm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm có đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước vốn kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết.

**Ba là,** quy trình phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

(1) Quốc hội quyết định kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước năm sau, trong đó có tổng mức vốn cho từng đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(2) Thủ tướng giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước năm sau, chi tiết danh mục và tổng mức vốn cho từng đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách trung ương, chi tiết danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



THƯ VIỆN  
HUBT

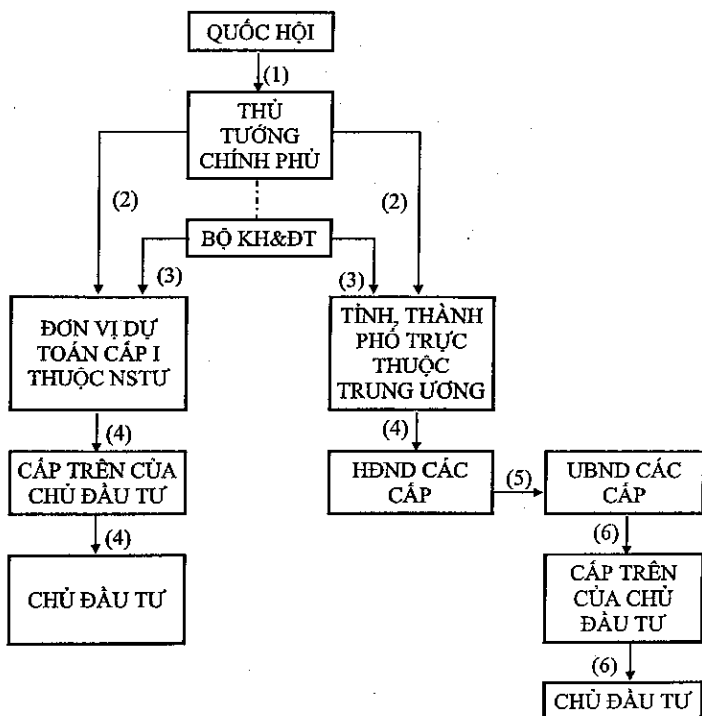
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



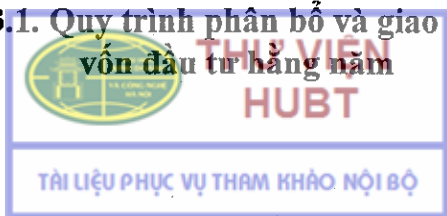
(4) Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao hoặc thông báo kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách trung ương năm sau cho các đơn vị.

(5) Hội đồng nhân dân các cấp quyết định kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

(6) Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm sau cho các đơn vị thực hiện.



Sơ đồ 3.1. Quy trình phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư hằng năm



### **3.1.1.2. Kiểm soát cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản**

**Thứ nhất**, khái niệm kiểm soát cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản.

Cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản là việc các chủ đầu tư cam kết sử dụng một phần hoặc toàn bộ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được giao hằng năm để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa chủ đầu tư với nhà thầu. Giá trị của khoản cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng số kinh phí dự kiến bố trí cho từng hợp đồng trong năm, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm được duyệt và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.

Cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản trở thành nghĩa vụ thanh toán nghĩa vụ nợ khi và chỉ khi nhà cung cấp đã tuân thủ các điều khoản của hợp đồng. Nếu hàng hóa, dịch vụ không được bàn giao hoặc không được thực hiện theo hợp đồng đã được ký, cam kết chi sẽ không trở thành nghĩa vụ nợ.

Tác dụng của cam kết chi:

- Đảm bảo kiểm soát chi tiêu của đơn vị chủ đầu tư, ngăn chặn tình trạng nợ đọng trong thanh toán xây dựng cơ bản, đảm bảo an ninh tài chính. Cam kết chi đảm bảo kế hoạch vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích để thanh toán cho nhà thầu theo đúng hợp đồng đã ký kết, tránh tình trạng chủ đầu tư sử dụng kế hoạch vốn đầu tư vào các mục đích khác và không còn vốn để thanh toán cho hợp đồng, phát sinh nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản.

- Cho phép theo dõi và quản lý các hợp đồng nhiều năm theo một số thông tin chủ yếu như: tổng giá trị hợp đồng,

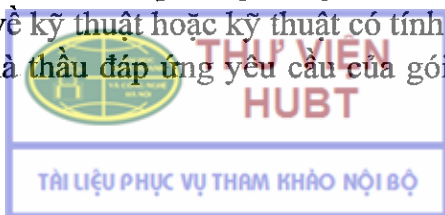


giá trị hợp đồng đã thực hiện cam kết chi, giá trị hợp đồng đã được thanh toán, giá trị hợp đồng còn phải thanh toán,.... Những thông tin này giúp cho cơ quan tài chính các cấp, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và các địa phương lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

- Căn cứ cho việc dự báo luồng tiền để quản lý ngân quỹ an toàn, hiệu quả.

Chủ đầu tư là đơn vị được cấp có thẩm quyền giao quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ bản. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư. Để đảm bảo kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được sử dụng đúng mục đích, Kho bạc Nhà nước là trung gian giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thực hiện giữ lại một phần kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản tương ứng với giá trị hợp đồng đã được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu để Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản của chủ đầu tư.

Trong đầu tư xây dựng cơ bản, hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị, nhà thầu tư vấn thông qua quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng thi công xây dựng, cung cấp thiết bị, tư vấn. Lựa chọn nhà thầu xây lắp bao gồm các hình thức sau: (i) Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự; (ii) Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu; (iii) Chỉ

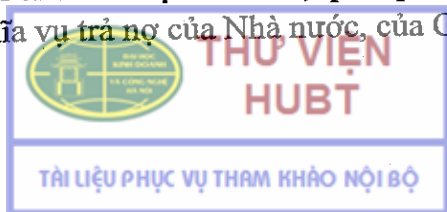


định thầu là hình thức chọn trực tiếp nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu để thương thảo hợp đồng; (iv) Chào hàng cạnh tranh áp dụng đối với gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, có giá gói thầu trong hạn mức; (v) Tự thực hiện được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án trong trường hợp tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu; (vi) Tham gia thực hiện của cộng đồng: Cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu đó.

Quy trình lựa chọn nhà thầu được xác định đối với từng hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu. Quy trình lựa chọn nhà thầu bao gồm các bước cơ bản sau: (i) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; (ii) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; (iii) Đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất và thương thảo hợp đồng; (iv) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; (v) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

**Thứ hai**, nguyên tắc kiểm soát cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản.

Tất cả các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao kế hoạch vốn (gồm cả dự toán ứng trước), có hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ có giá trị hợp đồng theo quy định thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước trừ một số khoản chi theo quy định, ví dụ như: Các khoản chi cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng; Các khoản thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Nhà nước, của Chính phủ; Các



khoản chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ chương trình, dự án; Chi viện trợ trực tiếp; Các khoản chi vốn đối ứng của các dự án ODA; Các khoản chi theo hình thức lệnh chi tiền của cơ quan tài chính các cấp; Các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; Các khoản chi ngân sách nhà nước bằng hiện vật và ngày công lao động...

Đối với những hợp đồng nhỏ có giá trị thấp hơn mức quy định, chủ đầu tư không phải thực hiện kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước nhằm giảm chi phí và thủ tục hành chính trong kiểm soát cam kết chi, tăng tính chủ động và trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý, sử dụng tiền ngân sách nhà nước.

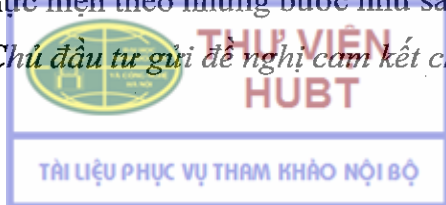
**Thứ ba, nội dung và quy trình kiểm soát cam kết chi.**

Khi có nhu cầu tạo mới hoặc điều chỉnh cam kết chi, chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị tạo mới, điều chỉnh cam kết chi và hợp đồng mua sắm hàng hoá, dịch vụ đến Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ kiểm soát cam kết chi.

Trường hợp không có nhu cầu chi tiếp đối với các khoản đã cam kết chi, chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị huỷ cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước. Trường hợp các khoản cam kết chi bị phát hiện sai chế độ quy định thì căn cứ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước thực hiện huỷ cam kết chi của chủ đầu tư.

Quy trình tạo mới, điều chỉnh cam kết chi đầu tư và hợp đồng được thực hiện theo những bước như sau:

**Bước 1: Chủ đầu tư gửi đề nghị cam kết chi hoặc đề nghị**



*điều chỉnh cam kết chi và các tài liệu liên quan đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.*

Sau khi hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa chủ đầu tư với nhà thầu có hiệu lực, trên cơ sở số vốn đã bố trí cho từng hợp đồng chi đầu tư trong năm, chủ đầu tư phải gửi hợp đồng kèm theo đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

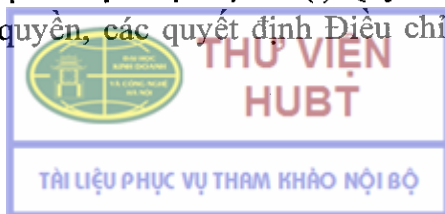
Đối với hợp đồng nhiều năm, kể từ năm thứ 2 trở đi, sau khi chủ đầu tư nhận được văn bản giao kế hoạch vốn của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc.

Nếu chủ đầu tư nhận được văn bản bổ sung hoặc điều chỉnh dự toán của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh giá trị hợp đồng, chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi (bổ sung hoặc điều chỉnh) đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu gửi 1 lần cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch bao gồm:

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: (i) Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư; (ii) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; (iii) Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

- Đối với dự án thực hiện dự án: (i) Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định Điều chỉnh dự án kèm

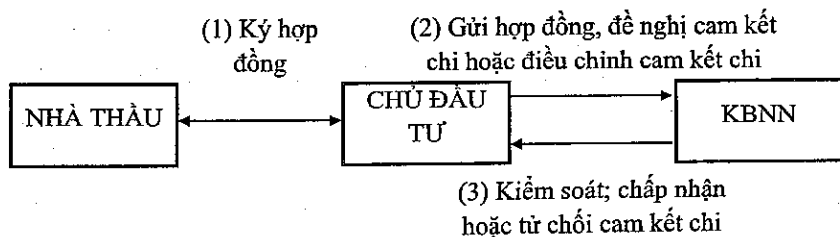


theo dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật. (ii) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đối với tự thực hiện là văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án trong trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền. (iii) Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng; đối với tự thực hiện là văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ. (iv) Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu hằng năm cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch bao gồm: Kế hoạch vốn đầu tư năm do cấp có thẩm quyền thông báo; các hồ sơ, tài liệu bổ sung, điều chỉnh.

Khi có nhu cầu cam kết chi, ngoài các hồ sơ, tài liệu gửi 1 lần và gửi hằng năm theo chế độ quy định, chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước các hồ sơ, tài liệu có liên quan gồm: (i) Hợp đồng có giá trị đến mức phải thực hiện kiểm soát cam kết chi gửi lần đầu khi đề nghị cam kết chi hoặc gửi khi có điều chỉnh hợp đồng; (ii) Đề nghị cam kết chi hoặc đề nghị điều chỉnh cam kết chi.





### Sơ đồ 3.2. Quy trình tạo mới, điều chỉnh cam kết chi và hợp đồng

Hằng năm, chủ đầu tư có trách nhiệm xác định số vốn đầu tư bố trí cho từng hợp đồng; đồng thời, được quyền chủ động điều chỉnh tăng, giảm số vốn đầu tư bố trí cho từng hợp đồng, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch vốn năm đã được cơ quan có thẩm quyền giao và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi của dự án đó.

Trường hợp hợp đồng được thực hiện trong 1 năm ngân sách, thì số vốn bố trí trong năm cho hợp đồng đúng bằng giá trị của hợp đồng đó.

Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ có nhiều loại tiền, thì chủ đầu tư có trách nhiệm xác định số vốn đầu tư trong năm bố trí cho hợp đồng chi tiết theo từng loại tiền.

Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ có nhiều loại nguồn vốn, thì chủ đầu tư có trách nhiệm xác định số vốn đầu tư trong năm bố trí cho hợp đồng chi tiết theo từng nguồn vốn.

*Bước 2: Kho bạc Nhà nước kiểm soát cam kết chi, thông báo số cam kết chi hoặc từ chối cam kết chi cho chủ đầu tư.*

Căn cứ hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ do chủ đầu





tư gửi đến, KBNN kiểm soát tính pháp lý của hợp đồng và các điều kiện thực hiện cam kết chi đầu tư, nếu phù hợp thì thông báo số cam kết chi cho chủ đầu tư được biết để quản lý và thanh toán cam kết chi. Trường hợp không chấp nhận cam kết chi, trong thời hạn quy định, Kho bạc Nhà nước phải thông báo ý kiến từ chối cam kết chi bằng văn bản cho chủ đầu tư được biết trong phạm vi 02 ngày làm việc.

Sau khi nhận được đề nghị cam kết chi của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ, tài liệu của chủ đầu tư như sau: (i) Kiểm soát, đối chiếu đảm bảo khoản đề nghị cam kết chi nằm trong mức kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm đã giao cho dự án và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi; (ii) Kiểm soát, đối chiếu đề nghị cam kết chi của chủ đầu tư, đảm bảo đầy đủ các chi tiêu thông tin và được gửi trong thời hạn theo quy định.

Cam kết chi của chủ đầu tư chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Đề nghị cam kết chi của chủ đầu tư phải đầy đủ các chi tiêu thông tin theo mẫu quy định và đảm bảo tính pháp lý, cụ thể: (i) Dấu, chữ ký của chủ đầu tư trên hồ sơ phải phù hợp với mẫu dấu, chữ ký đã đăng ký với Kho bạc Nhà nước; (ii) Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ tuân thủ quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Đấu thầu; (iii) Nội dung thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ phải đảm bảo có trong dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Số tiền đề nghị cam kết chi không vượt quá dự toán còn được phép sử dụng.



Dự toán còn được phép sử dụng	=	Kế hoạch vốn đã giao trong năm	-	Tổng giá trị các khoản đã cam kết chi trong năm chưa được thanh toán	-	Tổng số tiền đã thực hiện thanh toán trong năm (gồm cả số đã thanh toán và đang tạm ứng)
---	---	--	---	--	---	---

Trường hợp chi ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát cam kết chi trên cơ sở dự toán ứng trước của chủ đầu tư.

- Đề nghị cam kết chi năm ngân sách hiện hành của chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước sau tối đa 10 ngày làm việc khi hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu có hiệu lực, đảm bảo nằm trong thời gian kế hoạch vốn đầu tư năm có hiệu lực.

Sau khi kiểm soát hồ sơ, tài liệu của chủ đầu tư, trường hợp đảm bảo đủ các điều kiện, Kho bạc Nhà nước ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS. Trường hợp không đảm bảo đủ các điều kiện quy định, Kho bạc Nhà nước từ chối ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư biết đề nghị cam kết chi của chủ đầu tư được chấp nhận hay không được chấp nhận và giải thích rõ lý do không được chấp nhận.

*Ví dụ 1:* Dự án A có một hợp đồng tư vấn có giá trị là 500 triệu đồng chỉ thực hiện trong năm N. Dự án được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư trong năm N là 2.000 triệu đồng. Chủ đầu tư đã bố trí vốn để thực hiện hợp đồng này là 500 triệu



đồng. Chủ đầu tư không phải làm thủ tục cam kết chi với Kho bạc Nhà nước. Vì theo quy định hiện hành về quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, những hợp đồng có giá trị dưới 1.000 triệu đồng không phải làm thủ tục cam kết chi.

*Ví dụ 2:* Dự án B chỉ có một hợp đồng thi công xây dựng có giá trị là 1.000 triệu đồng. Năm đầu tiên, dự án B được phân bổ kế hoạch vốn là 500 triệu đồng; chủ đầu tư đã bố trí vốn để thực hiện hợp đồng này là 200 triệu đồng và đã làm thủ tục cam kết chi cho hợp đồng này với Kho bạc Nhà nước. Khi có nhu cầu điều chỉnh tăng số tiền của khoản cam kết chi đối với hợp đồng này, thì số tiền điều chỉnh tăng không được lớn giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi là 800 triệu đồng ( $1.000 - 200$ ) và kế hoạch vốn còn được phép sử dụng là 300 triệu đồng ( $500 - 200$ ).

### ***3.1.1.3. Kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản***

***Một là, kiểm soát tạm ứng và thu hồi tạm ứng.***

Tạm ứng vốn đầu tư là việc Kho bạc Nhà nước thanh toán vốn cho công trình của chủ đầu tư khi chưa có khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành nhằm tạo điều kiện về vốn cho các nhà thầu thực hiện đúng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản theo hợp đồng kinh tế (hợp đồng xây dựng, hợp đồng lắp đặt thiết bị, hợp đồng mua sắm thiết bị, hợp đồng tư vấn...) đã ký kết với chủ đầu tư hoặc để chủ đầu tư trang trải những chi phí (chi phí cho ban quản lý dự án, chi phí đền bù...) trong quá trình đầu tư xây dựng công trình do chính chủ đầu tư thực hiện.



Tạm ứng, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

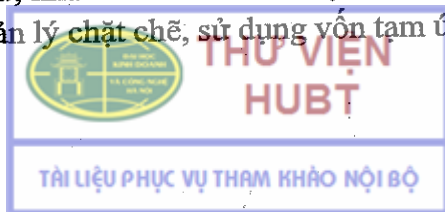
- Tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư đối với các nhà thầu thực hiện các hợp đồng của dự án đầu tư thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư và các nhà thầu. Các quy định về tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư sau khi đã được chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo phải được quy định rõ trong hợp đồng. Hợp đồng phải quy định cụ thể về mức tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định.

- Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực, riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

- Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu, thì phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

- Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và mức vốn tạm ứng tối thiểu, tối đa theo quy định; trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức vốn tạm ứng theo hợp đồng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

- Chủ đầu tư, nhà thầu có trách nhiệm tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục



đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm đảm bảo hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng phù hợp với tiến độ thanh toán khối lượng hoàn thành của từng hợp đồng hoặc từng chi phí do chủ đầu tư thực hiện.

- Tạm ứng vốn được thực hiện trong thời hạn của kế hoạch vốn đầu tư năm và có thể tạm ứng một hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt kế hoạch vốn hằng năm đã bố trí cho gói thầu hoặc từng chi phí do chủ đầu tư thực hiện.

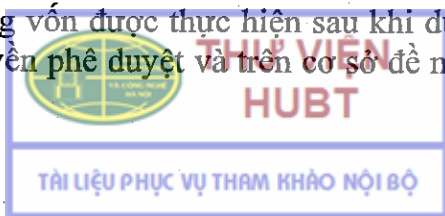
- Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng hoặc sử dụng vào việc khác, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi trả đủ cho NSNN. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch vốn đầu tư năm sau.

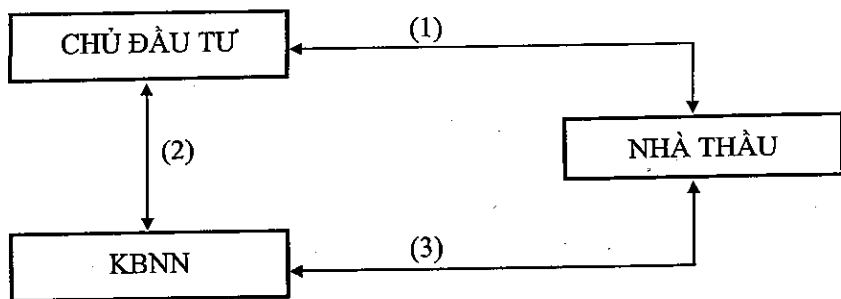
- Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng có giá trị lớn yêu cầu có bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ, để đảm bảo sử dụng vốn tạm ứng an toàn và có hiệu quả, chủ đầu tư tùy theo điều kiện cụ thể được quyền yêu cầu nhà thầu bảo lãnh tạm ứng vốn.

- Kế hoạch vốn đầu tư năm của dự án chỉ được tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

- Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng, việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở đề nghị của chủ đầu



tư. Có thể tạm ứng một lần hoặc nhiều lần nhưng không quá 50% dự toán



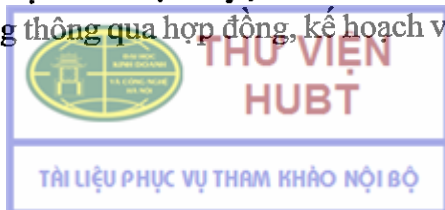
### Sơ đồ 3.3. Quy trình tạm ứng vốn đầu tư

(1) Đơn vị chủ đầu tư ký kết các hợp đồng thuê tư vấn, thiết kế, xây dựng, mua sắm và lắp đặt thiết bị với các nhà thầu. Việc ký kết các hợp đồng phải tuân thủ theo các qui định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, đầu tư... Khi ký kết hợp đồng, chủ đầu tư phải tạm ứng vốn cho các nhà thầu

(2) Chủ đầu tư gửi Đề nghị tạm ứng vốn đầu tư, gửi các hồ sơ đề nghị tạm ứng đến Kho bạc nhà nước. Để được cấp phát tạm ứng vốn đầu tư, ngoài tài liệu cơ sở của dự án theo quy định, khi tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến KBNN các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.
- Chứng từ chuyển tiền.
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu đối với các trường hợp phải bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

(3) Khi nhận đủ hồ sơ tạm ứng của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, kế hoạch vốn đầu tư năm



và số tiền tạm ứng theo đề nghị của chủ đầu tư, KBNN kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn đầu tư, nếu hồ sơ đủ các điều kiện theo qui định, Kho bạc làm các thủ tục chuyển khoản tiền tạm ứng cho các nhà thầu, chủ đầu tư (trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện) theo số tiền chủ đầu tư yêu cầu.

Tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư đối với từng nhà thầu thực hiện các hợp đồng của dự án đầu tư được xác định dựa vào những căn cứ sau: giá trị hợp đồng, tính chất và giá trị của từng gói thầu; kế hoạch vốn đầu tư năm của từng gói thầu; tiến độ thực hiện trong kế hoạch của hợp đồng và trong kế hoạch của gói thầu; loại giá hợp đồng và tiến độ thanh toán khối lượng hoàn thành; thương hiệu và nhu cầu tạm ứng của nhà thầu...

Tạm ứng và thu hồi tạm ứng đối với các chi phí do chủ đầu tư thực hiện được xác định căn cứ vào từng chi phí; tiến độ trong kế hoạch thực hiện công việc; kế hoạch vốn đầu tư năm và dự toán chi phí được duyệt.

Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng không chờ đến khi toàn bộ các hộ dân trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã nhận tiền mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.



Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho Bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

Đối với chi phí quản lý dự án: Khi có khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán, chủ đầu tư lập Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành gửi Kho Bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho Bạc Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Trường hợp các Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực quản lý nhiều dự án, định kỳ 6 tháng và hết năm kế hoạch, chủ đầu tư phân bổ chi phí quản lý dự án (khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán) cho từng dự án gửi Kho Bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

Kho Bạc Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Hằng quý Kho Bạc Nhà nước có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn của các Bộ, ngành và địa phương gửi cơ quan tài chính đồng cấp, trong báo cáo phân loại rõ số dư tạm ứng đến từng thời kỳ.

Chủ đầu tư có trách nhiệm hằng quý báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn gửi Kho





Bạc Nhà nước và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho Bạc Nhà nước để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước theo quy định.

Đối với dự án do đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương quản lý, Bộ Tài chính có văn bản gửi các đơn vị dự toán cấp I để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi. Đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi.

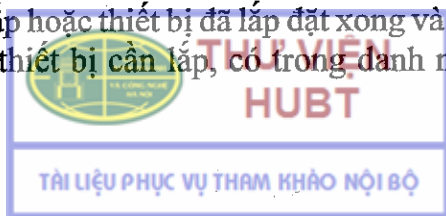
*Hai là*, kiểm soát thanh toán khối lượng hoàn thành.

Thanh toán khối lượng hoàn thành là việc Kho Bạc Nhà nước thanh toán vốn cho công trình của chủ đầu tư khi có khối lượng xây dựng cơ bản của công trình hoàn thành đã được nghiệm thu đủ điều kiện được cấp phát vốn thanh toán.

*Khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành được cấp phát vốn thanh toán:*

Khối lượng xây dựng hoàn thành được cấp phát vốn thanh toán là khối lượng đã thực hiện đến một mức độ nhất định phù hợp với kết cấu kỹ thuật của công trình, thực hiện đúng trình tự đầu tư và xây dựng, đúng thiết kế và dự toán, có trong kế hoạch đầu tư năm, có trong hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu, đã được nghiệm thu và bàn giao.

Khối lượng thiết bị hoàn thành được cấp phát vốn thanh toán là thiết bị đã nhập kho của chủ đầu tư đối với thiết bị không cần lắp hoặc thiết bị đã lắp đặt xong và đã được nghiệm thu đối với thiết bị cần lắp, có trong danh mục thiết bị phù



hợp với quyết định đầu tư, có trong kế hoạch đầu tư được giao, có trong hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

Các công việc thuê tư vấn như khảo sát, lập dự án, thiết kế, giám sát xây dựng... là khối lượng thực hiện được nghiệm thu, có trong hợp đồng và kế hoạch đầu tư năm được giao;

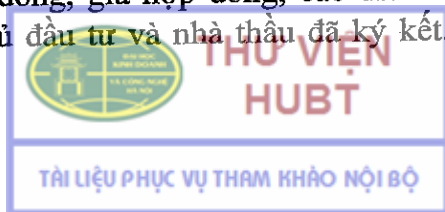
Các công việc giải phóng mặt bằng là khối lượng đền bù đã thực hiện có biên bản xác nhận, có trong kế hoạch năm được giao; mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng đã bàn giao, có trong hợp đồng kinh tế, có trong kế hoạch được năm được giao, có biên bản bàn giao nhà; các công việc tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng đã được thực hiện, có trong kế hoạch năm hoặc dự toán được duyệt...

Các công việc khác như tổ chức khởi công, nghiệm thu, chạy thử, khánh thành, quản lý dự án, thẩm tra phê duyệt quyết toán là khối lượng công việc đã thực hiện, có trong kế hoạch hoặc dự toán được duyệt...

*Nguyên tắc cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành:*

Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và”kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng.

Cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công việc, nhóm công việc hoặc toàn bộ công việc lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, mua sắm thiết bị, giám sát và các loại hoạt động xây dựng khác phải căn cứ theo giá trị khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu và phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng, các điều kiện trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết. Số lần thanh



toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và điều kiện thanh toán phải được ghi rõ trong hợp đồng.

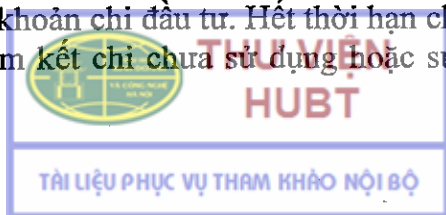
Trường hợp các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện..., việc cấp phát thanh toán phải phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc.

Số vốn cấp phát thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu. Tổng số vốn cấp phát thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

Số vốn thanh toán cho dự án trong năm bao gồm tạm ứng chưa thu hồi và thanh toán khối lượng hoàn thành không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Lũy kế số vốn thanh toán cho dự án không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

Cam kết chi đầu tư chỉ được thanh toán khi số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng số tiền chưa được thanh toán của khoản cam kết chi đó. Trường hợp số tiền đề nghị thanh toán lớn hơn số tiền còn lại chưa được thanh toán của khoản cam kết chi, thì trước khi làm thủ tục thanh toán cam kết chi, chủ đầu tư phải đề nghị KBNN nơi giao dịch điều chỉnh số tiền của khoản cam kết chi đó phù hợp với số tiền đề nghị thanh toán.

Các khoản đã cam kết chi thuộc năm ngân sách nào chỉ được chi trong năm ngân sách đó, thời hạn thanh toán đối với các khoản đã cam kết chi phù hợp với thời hạn chi quy định đối với các khoản chi đầu tư. Hết thời hạn chi ngân sách nhà nước, số cam kết chi chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết



phải huỷ bỏ, trừ các trường hợp ngoại lệ theo quy định.

Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết thời gian chính lý quyết toán (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng). Trường hợp các dự án cần thiết phải kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau, phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

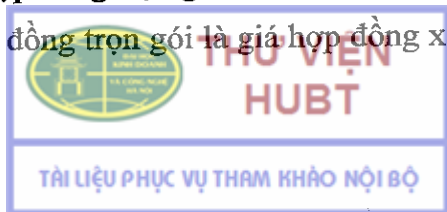
Quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được quy định riêng theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi, nếu điều ước quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có những quy định về quản lý thanh toán, quyết toán vốn khác thì thực hiện theo các quy định tại điều ước quốc tế.

Dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, nếu có nhu cầu vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, được phép ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch trung hạn 5 năm bố trí cho dự án.

*Cấp phát thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành:*

Đối với hợp đồng trọn gói:

- Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng xây dựng không



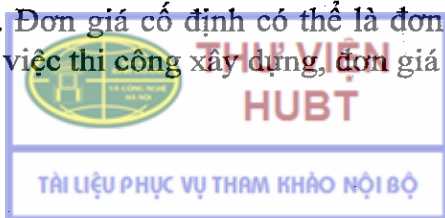
thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết.

- Giá hợp đồng trọn gói áp dụng cho các công trình hoặc gói thầu đã xác định rõ về khối lượng, chất lượng, thời gian thực hiện hoặc trong một số trường hợp không xác định được khối lượng và bên nhận thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, tài liệu để tính toán, xác định giá trọn gói và chấp nhận các rủi ro liên quan đến việc xác định giá trọn gói. Tất cả các loại hợp đồng xây dựng đều có thể áp dụng giá hợp đồng trọn gói khi đủ điều kiện xác định giá hợp đồng trước khi ký kết, kể cả hình thức giá hợp đồng xác định theo tỷ lệ phần trăm giá trị công trình hoặc khối lượng công việc tư vấn thông thường.

- Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá nếu có.

Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng theo đơn giá cố định là giá hợp đồng xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng công việc tạm tính và đơn giá từng công việc trong hợp đồng là cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, trừ các trường hợp được phép điều chỉnh qui định trong hợp đồng nếu có. Đơn giá cố định có thể là đơn giá đầy đủ đối với các công việc thi công xây dựng, đơn giá nhân công theo



thời gian như tháng, tuần, ngày hoặc giờ đối với một số công việc tư vấn.

- Giá hợp đồng theo đơn giá cố định áp dụng cho các công trình hoặc gói thầu không đủ điều kiện xác định chính xác về khối lượng nhưng đủ điều kiện xác định về các đơn giá thực hiện công việc và nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, tài liệu để tính toán, xác định đơn giá xây dựng công trình cố định và các rủi ro liên quan đến việc xác định đơn giá.

- Cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành, kể cả khối lượng phát sinh được duyệt theo thẩm quyền nếu có, được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá tương ứng với các công việc đó đã ghi trong hợp đồng hoặc phụ lục bổ sung hợp đồng.

Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh là giá hợp đồng xây dựng mà khối lượng công việc và đơn giá cho công việc trong hợp đồng được phép điều chỉnh trong các trường hợp được quy định tại hợp đồng xây dựng. Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh tại thời điểm ký kết giá hợp đồng chỉ là tạm tính sẽ được điều chỉnh thay đổi khi có đủ điều kiện xác định khối lượng, đơn giá thực hiện theo quy định trong hợp đồng.

- Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh áp dụng cho các công trình hoặc gói thầu mà ở thời điểm ký kết hợp đồng xây dựng không đủ điều kiện xác định chính xác về khối lượng công việc cần thực hiện hoặc các yếu tố chi phí để xác định đơn giá thực hiện các công việc.



- Cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành, kể cả khối lượng phát sinh được duyệt theo thẩm quyền nếu có, được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng theo thời gian:

- Hợp đồng theo thời gian là hợp đồng áp dụng cho các nhà thầu mà công việc của họ liên quan nhiều đến thời gian làm việc trong công trình xây dựng, như mức thù lao chuyên gia...

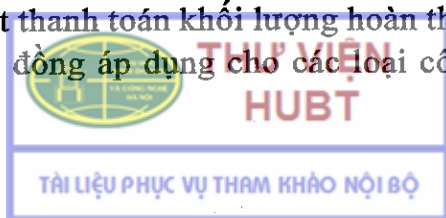
- Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

- Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng kết hợp:

- Hợp đồng kết hợp áp dụng cho các công trình hoặc gói thầu có qui mô lớn, kỹ thuật phức tạp và thời gian thực hiện kéo dài. Chủ đầu tư và nhà thầu căn cứ vào các loại công việc trong hợp đồng để thỏa thuận, xác định các loại công việc áp dụng theo giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định hay giá hợp đồng theo giá điều chỉnh cho phù hợp.

- Cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo giá hợp đồng áp dụng cho các loại công việc trong



hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Từng loại công việc của công trình hoặc gói thầu trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu áp dụng theo giá hợp đồng nào thì cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành theo giá hợp đồng đó.

*Vi dụ 1:* Chủ đầu tư X tổ chức thực hiện đấu thầu rộng rãi gói thầu thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đã chọn được nhà thầu trúng thầu A. Căn cứ nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, chủ đầu tư X và nhà thầu A đã ký kết hợp đồng trọn gói gói thầu thi công xây dựng có giá trị là 4 tỷ đồng, thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá trị công trình, chia làm hai lần thanh toán: Lần 1 khi nhà thầu hoàn thành 40% và lần 2 khi hoàn thành 100% giá trị công trình. Trong quá trình thực hiện, khối lượng công việc nhà thầu thực hiện lớn hơn so với khối lượng được ký kết trong hợp đồng. Khi hoàn thành 40% và 100% giá trị công trình và được nghiệm thu, nhà thầu A được thanh toán số tiền lần lượt là 1,6 tỷ đồng và 2,4 tỷ đồng. Nhà thầu A không được thanh toán thêm cho khối lượng tăng thêm so khối lượng công việc đã ký kết trong hợp đồng.

Đối với khối lượng công việc phát sinh:

- Đối với hợp đồng trọn gói, khi phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho



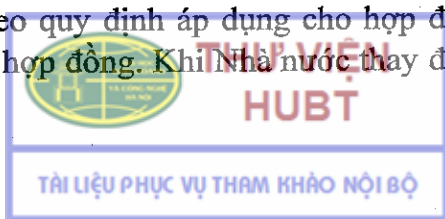


khối lượng công việc phát sinh, bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng; khối lượng chưa có đơn giá trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, khi bổ sung khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, khi khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng công việc này để thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận điều chỉnh đơn giá (toàn bộ hoặc một số đơn giá) cho những công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Đơn giá điều chỉnh được xác định theo phương pháp hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Đối với hợp đồng theo thời gian, khi thời gian thực tế hoàn thành được nghiệm thu tăng hoặc giảm lớn hơn 20% thời gian tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khi bổ sung chuyên gia chưa có mức thù lao cho chuyên gia trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định mức thù lao mới cho chuyên gia theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về mức thù lao mới cho chuyên gia. Mức thù lao mới cho chuyên gia được xác định theo quy định áp dụng cho hợp đồng và các thỏa thuận trong hợp đồng. Khi Nhà nước thay đổi chính sách về

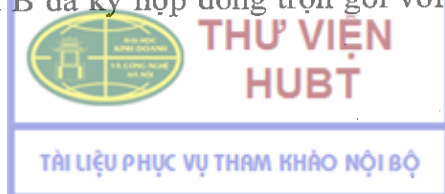


thuế, tiền lương làm thay đổi mặt bằng tiền lương chuyên gia ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng, thì các bên thực hiện điều chỉnh mức thù lao cho chuyên gia theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng và các quy định có liên quan.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện. Khi ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, các bên cần xác định rõ khối lượng công việc bổ sung, phát sinh và đơn giá áp dụng. Khối lượng công việc bổ sung, phát sinh phải được các bên thống nhất trước khi thực hiện.

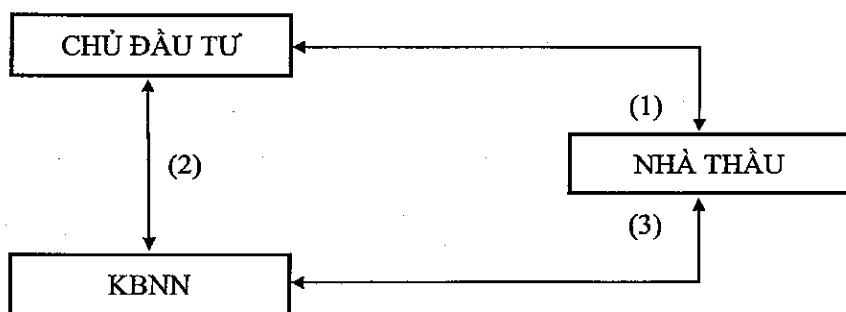
Các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng: Các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm,... Kiểm soát thanh toán vốn đầu tư đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng căn cứ vào Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư. Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

*Ví dụ 2:* Chủ đầu tư Y tổ chức thực hiện đấu thầu rộng rãi gói thầu thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đã chọn được nhà thầu trúng thầu B. Chủ đầu tư Y và nhà thầu B đã ký hợp đồng trọn gói với giá trị là 1 tỷ



đồng. Trong quá trình thi công có sự điều chỉnh về thiết kế dẫn đến khối lượng công việc tăng lên. Chủ đầu tư Y đã có văn bản đồng ý thực hiện công việc bổ sung này. Khối lượng công việc tăng thêm này được xác định là khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng. Chủ đầu tư Y và nhà thầu B thực hiện thống nhất đơn giá cho công việc này trước khi thực hiện, xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh là 100 triệu đồng. Khi hoàn thành hợp đồng, nhà thầu B được thanh toán số tiền là 1 tỷ đồng và số tiền cho khối lượng công việc phát sinh là 100 triệu đồng.

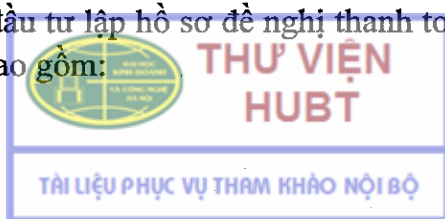
*Quy trình thanh toán khối lượng hoàn thành:*



### Sơ đồ 3.4. Quy trình thanh toán khối lượng hoàn thành

(1) Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu phải xác nhận các khối lượng xây dựng cơ bản thực tế hoàn thành, làm căn cứ để thanh toán cho nhà thầu.

(2) Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:



- Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

- Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng: Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Bảng xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện; Hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng); Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành;

- Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyên tiền.



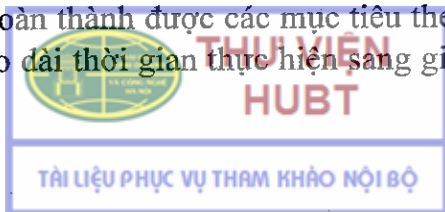
(3) Kho bạc Nhà nước kiểm soát, cấp vốn cho dự án, đồng thời thanh toán trực tiếp cho các nhà thầu, thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện dự án), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, trường hợp phát hiện sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn quy định kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, KBNN kiểm soát, thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

#### ***3.1.1.4. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản***

Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nếu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được giao đầu năm không còn phù hợp với tình hình thực tế thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản thì kế hoạch vốn sẽ được điều chỉnh trong năm. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm kế hoạch nhằm đảm bảo cho các dự án hoàn thành được các mục tiêu theo kế hoạch, hạn chế việc kéo dài thời gian thực hiện sang giai đoạn sau, đẩy



nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tránh tình trạng nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản.

**Một là**, các trường hợp điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều chỉnh mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, địa phương.

Thay đổi đột biến về cân đối ngân sách nhà nước hoặc khả năng huy động các nguồn vốn.

Dự án đã được giao kế hoạch vốn đầu tư trong năm nhưng không có khả năng tiếp tục thực hiện; dự án thực hiện chậm tiến độ; dự án không còn nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn trong năm.

Dự án cấp bách, dự án quan trọng cần ưu tiên bố trí vốn để thực hiện khởi công mới hoặc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và các cấp chính quyền địa phương thực hiện giải ngân chậm kế hoạch vốn đầu tư năm.

**Hai là**, nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Thực hiện điều chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án có khả năng thực hiện trong kỳ kế hoạch.

Thực hiện điều chuyển vốn từ các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, các địa phương thực hiện giải ngân chậm kế hoạch vốn đầu tư sang các các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, các địa phương có khả năng thực hiện vượt tiến độ.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Đảm bảo kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản sau điều chỉnh của từng dự án không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định cho dự án đó.

Đảm bảo cho kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn KBNN đã thanh toán.

*Ví dụ:* Có tài liệu giả định về kế hoạch vốn đầu tư năm N của một số dự án và tình hình thực hiện các dự án trong năm N.

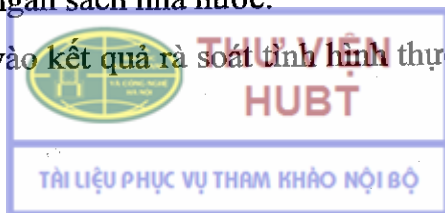
- Dự án I được giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách trung ương năm N là 5.000 triệu đồng. Trong năm N, dự án được điều chỉnh giảm quy mô dự án nên nhu cầu sử dụng vốn đầu tư giảm xuống còn 3.000 triệu đồng.

- Dự án II được giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách trung ương năm N là 9.000 triệu đồng. Trong năm N, dự án có khả năng thực hiện nhanh tiến độ dự án và có nhu cầu tăng sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước.

- Dự án III được giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách tỉnh năm N là 500 triệu đồng. Trong năm N, dự án gặp khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng nên không có khả năng thực hiện trong năm N.

- Dự án IV được giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách tỉnh năm N là 1.000 triệu đồng. Trong năm N, dự án được điều chỉnh tăng quy mô dự án nên có nhu cầu tăng sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào kết quả rà soát tình hình thực hiện các dự án



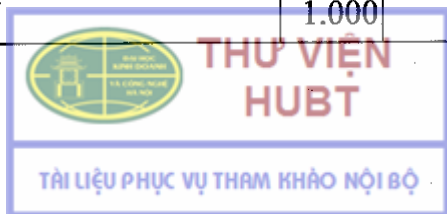
đầu tư xây dựng cơ bản, cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước năm N như sau:

**Bảng 3.4**

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm N vốn ngân sách nhà nước**

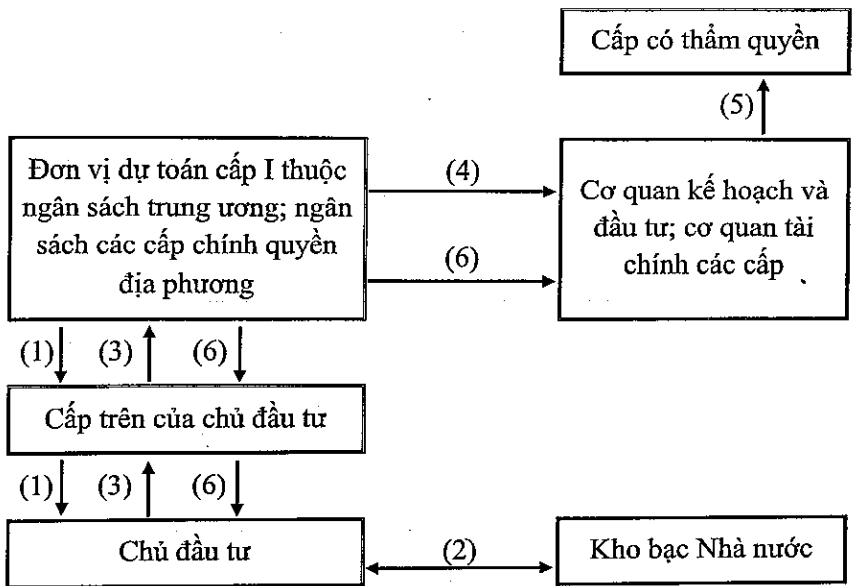
*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Dự án	Kế hoạch năm N	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
A	VỐN NSTW			
	Điều chỉnh giảm		-2.000	
1	Dự án I	5.000	-2.000	3.000
	Điều chỉnh tăng		2.000	
1	Dự án II	9.000	2.000	11.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH			
	Điều chỉnh giảm		-500	
1	Dự án III	500	-500	0
	Điều chỉnh tăng		500	
1	Dự án IV	1.000	500	1.500





**Ba là,** quy trình điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư.



**Sơ đồ 3.5. Quy trình điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

(1) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong kỳ kế hoạch.

(2) Chủ đầu tư xác định số liệu thanh toán đến thời điểm điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kỳ kế hoạch đã thanh toán cho dự án.

(3) Chủ đầu tư báo cáo tiến độ tình hình thực hiện các dự án trong kỳ kế hoạch

(4) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương

và Ủy ban nhân dân các cấp gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư có chi tiết từng dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương.

(5) Đối với dự án thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương, cơ quan kế hoạch và đầu tư tổng hợp kế hoạch dự kiến báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Cấp có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư của từng dự án đối với từng loại nguồn vốn.

(6) Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư cho chủ đầu tư, gửi công văn phân bổ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư cho cơ quan tài chính và kế hoạch đồng cấp. Việc kiểm tra điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư thực hiện như kiểm tra phân bổ vốn đầu tư.

**Bốn là**, thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hằng năm.



Quốc hội quyết định điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước trong trường hợp: (i) Điều chỉnh mục tiêu của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia; (ii) Thay đổi đột biến về cân đối ngân sách nhà nước hoặc khả năng huy động các nguồn vốn.

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước giữa các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm đã được Quốc hội quyết định.

Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhưng không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp: (i) Điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (ii) Thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương; (iii) Thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.



Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này.

### **3.1.1.5. Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư trong năm**

Báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công giúp kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong giao kế hoạch, thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thanh toán vốn các dự án đầu tư, xử lý những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ.

Số liệu và báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công của các chương trình, dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

Hằng quý, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư. Báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và lý do, đề xuất biện pháp xử lý.

Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công trong năm thuộc phạm vi quản lý; gồm các báo cáo sau:

*Thứ nhất*, báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công các dự

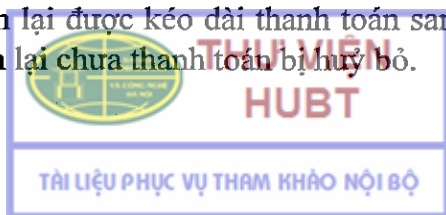


án thuộc phạm vi quản lý trong năm, trong đó báo cáo tình hình giao kế hoạch vốn chi tiết từng dự án theo từng nguồn vốn cụ thể. Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau: Tổng mức đầu tư, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, quỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm trước năm báo cáo, kế hoạch năm phân bổ chi tiết cho các đơn vị, kế hoạch vốn bổ sung trong năm hoặc điều chỉnh, kế hoạch vốn năm trước kéo dài sang năm sau.

*Thứ hai*, định kỳ hằng quý báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công các dự án thuộc phạm vi quản lý trong năm, trong đó báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn chi tiết dự án theo từng nguồn vốn cụ thể. Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau: Tổng mức đầu tư, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, quỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm trước năm báo cáo, kế hoạch vốn đầu tư trong năm, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư trong năm, kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm sau, kế hoạch vốn còn lại chưa thanh toán bị hủy bỏ.

Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh định kỳ hằng tháng, hằng quý lập báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công trong năm; gồm các báo cáo sau:

*Thứ nhất*, định kỳ hằng tháng và hằng quý báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, vốn bổ sung ngoài kế hoạch và vốn khác thuộc ngân sách nhà nước. Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau: Tổng mức đầu tư, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, quỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm trước năm báo cáo, kế hoạch vốn đầu tư trong năm, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư trong năm, kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm sau, kế hoạch vốn còn lại chưa thanh toán bị hủy bỏ.



*Thứ hai*, định kỳ hằng tháng báo cáo nhanh tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công đến ngày 15 hằng tháng. Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau: Kế hoạch vốn đầu tư được giao, vốn đã thanh toán từ đầu tháng đến ngày 15 của tháng báo cáo, lũy kế vốn đã thanh toán từ đầu năm đến ngày 15 của tháng báo cáo, ước tổng số vốn đã thanh toán từ đầu tháng đến hết tháng báo cáo, ước lũy kế vốn đã thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo.

*Thứ ba*, hằng quý báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư, trong đó phân loại rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi.

Bộ Tài chính định kỳ sáu tháng tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán các nguồn vốn đầu tư công của các cơ quan đơn vị. Trên cơ sở kết quả báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán các nguồn vốn đầu tư công của các cơ quan đơn vị, Bộ Tài chính thực hiện phân tích đánh giá kết quả thực hiện thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công để đề xuất các giải pháp giải quyết những khó khăn vướng mắc.

### **3.1.2. Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước**

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước là việc tổng hợp, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện chi đầu tư xây dựng cơ bản trong năm, rút kinh nghiệm nhằm tăng cường công tác quản lý đầu tư và xây dựng. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư khi kết thúc năm ngân sách hoặc khi công trình, hạng mục công trình, dự án đầu tư đã hoàn thành được bàn giao đưa vào sử dụng. Quyết toán



chi đầu tư xây dựng cơ bản là để xác định số vốn đầu tư cấp phát trong năm hoặc số vốn đầu tư cấp phát cho hạng mục công trình, công trình, dự án kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành.

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm những nội dung sau: (1) Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm; (2) Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản dự án hoàn thành.

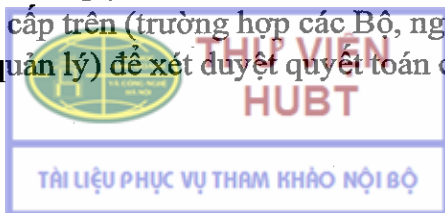
### ***3.1.2.1. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm***

***Thứ nhất***, báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm.

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trong năm thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán, gồm: Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước được Nhà nước giao kế hoạch trong năm; Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm quyết toán thực hiện và thanh toán.

Đối với vốn đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép ứng trước kế hoạch vốn năm sau thì không yêu cầu lập báo cáo quyết toán năm, nhưng lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện và thanh toán vốn trong năm để cơ quan tài chính các cấp theo dõi và quản lý.

Đối với vốn do các Bộ, ngành trung ương quản lý: Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán năm, gửi Bộ, ngành trung ương hoặc cơ quan cấp trên (trường hợp các Bộ, ngành trung ương đã phân cấp quản lý) để xét duyệt quyết toán của các chủ đầu



tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm gửi Bộ Tài chính.

Đối với vốn do địa phương quản lý, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán năm, gửi các sở, ban, ngành được phân cấp quản lý để xét duyệt quyết toán của các chủ đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Chủ đầu tư, các Bộ, ngành trung ương (đối với vốn do Bộ, ngành trung ương quản lý), các sở, ban, ngành của địa phương (đối với vốn do địa phương quản lý), phải đối chiếu, rà soát số liệu với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, đảm bảo số liệu của đơn vị và Kho bạc Nhà nước đã được đối chiếu đầy đủ và khớp đúng, có Bảng xác nhận đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư cho từng dự án về số thanh toán trong năm và lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước, trước khi gửi báo cáo quyết toán niên độ ngân sách năm cho cơ quan tài chính cùng cấp.

Báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm phải phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong năm, các vấn đề khó khăn tồn tại, kiến nghị các giải pháp giải quyết và phải phản ánh được các nội dung chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư của dự án với các chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư năm.

- Giá trị khối lượng thực hiện và giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu trong năm và lũy kế từ khởi công. Giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện cấp phát vốn thanh toán chưa được thanh toán

- Số vốn thanh toán trong năm và lũy kế từ khởi công về tổng số và tạm ứng, chi tiết theo vốn quy hoạch, vốn chuẩn bị

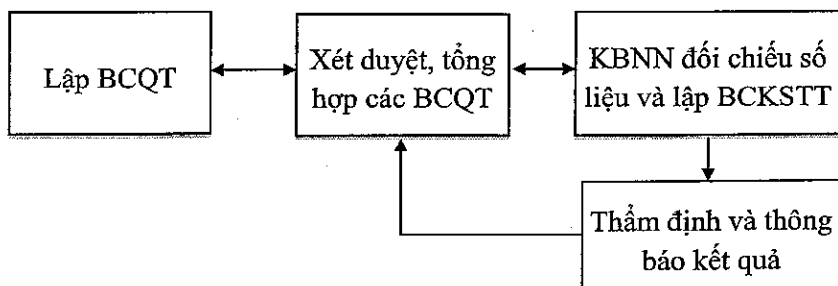




đầu tư và vốn thực hiện đầu tư; chi tiết theo thành phần vốn, chi tiết theo các nhóm dự án A, B, C.

*Thứ hai*, quy trình quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm.

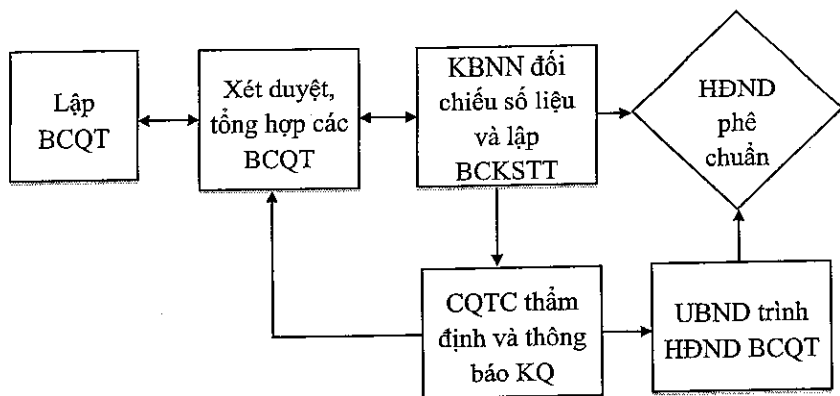
**Chủ đầu tư**                      **Bộ, ngành trung ương**                      **Bộ Tài chính, KBNN**



### Sơ đồ 3.6. Quy trình quyết toán vốn đầu tư các dự án trung ương quản lý

Đối với vốn đầu tư được giao cho các Bộ quản lý: Kết thúc năm ngân sách, chủ đầu tư công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách giao cho các Bộ quản lý lập báo cáo quyết toán năm gửi cho các Bộ chủ quản, cơ quan ngang Bộ xét duyệt. Căn cứ trên báo cáo quyết toán năm của các chủ đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang bộ tổng hợp báo cáo, đối chiếu số liệu báo cáo với Kho bạc nhà nước sau đó gửi Bộ Tài chính thẩm định. Sau khi xem xét báo cáo quyết toán của các Bộ, báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư năm của Kho bạc nhà nước, Bộ Tài chính ra quyết định thẩm định quyết toán vốn đầu tư năm và thông báo kết quả thẩm định gửi các Bộ, cơ quan ngang bộ.





### Sơ đồ 3.7. Quy trình quyết toán vốn đầu tư các dự án địa phương quản lý

Đối với vốn đầu tư được giao cho địa phương quản lý: Kết thúc năm ngân sách chủ đầu tư các công trình, dự án lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm gửi các sở, ban, phòng cấp tỉnh, cấp huyện được phân cấp quản lý. Các sở, ban, phòng có trách nhiệm xét duyệt, tổng hợp báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp sau khi đã đối chiếu các số liệu thanh quyết toán vốn đầu tư với Kho bạc nhà nước. Cơ quan tài chính có trách nhiệm thẩm định các báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm và thông báo kết quả thẩm định cho các sở, ban, phòng; đồng thời tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm báo cáo với Ủy ban nhân dân để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn. Riêng đối với các dự án đầu tư thuộc cấp xã, phường quản lý, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định trình tự lập, gửi,



xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm.

**Thứ ba,** kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi các báo cáo quyết toán cho Kiểm toán nhà nước trước khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Quốc hội ra quyết định phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương và ngân sách nhà nước. Sau khi Kiểm toán nhà nước có các Báo cáo kiểm toán, cơ quan quyền lực nhà nước mới xem xét để đưa ra quyết định phê chuẩn báo cáo quyết toán. Sở dĩ quy trình quyết toán đòi hỏi trước khi cơ quan quyền lực ra quyết định phê chuẩn quyết toán phải có báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước để đảm bảo các báo cáo quyết toán chi thường xuyên được kiểm tra bởi một cơ quan độc lập và có chuyên môn về các khía cạnh: (i) tính đúng đắn, hợp pháp, trung thực, chính xác về các thông tin trong báo cáo quyết toán; (ii) sự tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ngân sách nói chung và chi thường xuyên nói riêng; (iii) tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của các hoạt động thường xuyên của đơn vị sử dụng ngân sách, các cấp ngân sách. Từ đó giúp cho các quyết định phê chuẩn quyết toán của cơ quan quyền lực nhà nước chính xác và hiệu quả hơn.

Đối với các báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm, Kiểm toán nhà nước sẽ kiểm tra, đánh giá tại Kho bạc nhà nước, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư và các đơn vị chủ đầu tư.

Tại Kho bạc nhà nước, kiểm toán nhà nước xem xét nghiệp



vụ kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm ngân sách (kiểm soát cam kết chi, kiểm soát tạm ứng, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư) do Kho bạc nhà nước thực hiện gồm: xem xét quy trình Kho bạc nhà nước thực hiện, hồ sơ, chứng từ, số tiền được kiểm soát có đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Tại cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư kiểm toán nhà nước kiểm tra: công tác lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư năm; công tác theo dõi tiến độ giải ngân vốn cũng như tiến độ triển khai công trình; hồ sơ thủ tục, trình tự cấp phát bằng lệnh chi tiền...

Tại các đơn vị chủ đầu tư, kiểm toán nhà nước kiểm tra: công tác đầu thầu; thực hiện đầu tư; báo cáo tiến độ công trình...

### ***3.1.2.2. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản dự án hoàn thành***

***Một là, đánh giá dự án hoàn thành.***

Sau khi dự án đầu tư xây dựng cơ bản được hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, việc đánh giá về kết quả thực hiện đầu tư xây dựng đóng vai trò quan trọng để đưa ra các nhận định một cách có hệ thống và khách quan về dự án đầu tư trên các khía cạnh: tính hiệu quả, hiệu lực, tác động và tính bền vững của công trình tới hoạt động kinh tế xã hội.

Đánh giá hiệu quả là xem xét mối quan hệ giữa tiền vốn bỏ ra và kết quả thu được. Kết quả của các công trình đầu tư được xem xét gồm cả kết quả trước mắt khi đưa công trình vào vận hành sử dụng cũng như kết quả phát triển lâu dài mà công trình mang lại.



Đánh giá tác động là xem xét mức độ ảnh hưởng dài hạn của công trình, dự án đối với hoạt động kinh tế - xã hội gồm cả các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực.

Nội dung đánh giá hiệu quả dự án đầu tư:

- Đánh giá tiến độ thực hiện và kết quả công trình đầu tư từ đó đưa ra các nhận định về tình hình thực hiện dự án đầu tư từ khi bắt đầu đến kết thúc. Xem xét mối quan hệ giữa vốn đầu tư được giải ngân và tiến độ thực hiện dự án; tổng vốn đầu tư theo quyết định đầu tư và tổng vốn đầu tư quyết toán.

- Đánh giá hiệu quả công trình trên góc độ xem xét công trình hoàn thành đáp ứng được mục tiêu phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, quản lý nhà nước đã đề ra trong chủ trương đầu tư.

- Đánh giá tác động của công trình, dự án đầu tư sau khi công trình đã đưa vào vận hành, sử dụng một thời gian, đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực của công trình trên các góc độ: chính trị, kinh tế, xã hội. Đặc biệt để đảm bảo các yêu cầu của phát triển bền vững, các công trình phải được đánh giá tác động khi vận hành công trình đối với môi trường xung quanh bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Để đảm bảo đánh giá được thực hiện khoa học và có hiệu quả, cần thiết phải xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá theo khung logic kết quả phát triển gồm: chỉ số đầu vào; chỉ số hoạt động, chỉ số đầu ra, chỉ số kết quả làm căn cứ để đánh giá công trình dự án đầu tư.

**Hai là, báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.**

Khi các hạng mục công trình, tiểu dự án, dự án thành phần và dự án đầu tư hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư gửi cơ quan chủ quản cấp trên để báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành có vai trò quan trọng giúp các cơ quan quản lý nhà nước đánh giá kết quả quá trình đầu tư, xác định năng lực thực hiện công việc của chủ đầu tư cũng như những giá trị tài sản mới tăng thêm do đầu tư mang lại. Thông qua quyết toán vốn đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước nắm được các điểm mạnh, điểm yếu của chính sách đầu tư hiện hành qua đó giúp hoàn thiện cơ chế chính sách của Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn đầu tư của NSNN.

Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành cần đảm bảo các điều kiện sau:

- Vốn đầu tư chỉ được quyết toán nhỏ hơn hoặc bằng tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh nếu có.

- Các chi phí được đưa vào quyết toán phải là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền.

- Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu hợp pháp liên quan đến đầu tư xây dựng công trình. Các hồ sơ, tài liệu đều đã được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.



Nội dung chính của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành:

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, chi tiết theo từng nguồn.

- Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, chi tiết theo cơ cấu chi bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác.

- Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư; chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản.

- Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

*Thứ ba*, quy trình quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

*Bước 1*: Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành gửi cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán.

Hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đảm bảo đầy đủ các nội dung:

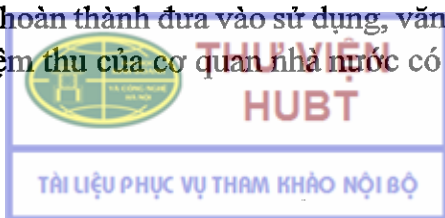
- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư. Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập;

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định;

- Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan;

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng;

- Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;



- Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán;

- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

*Bước 2: Cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán thực hiện công việc thẩm tra, lập hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.*

Theo quy định hiện hành, cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước địa phương là cơ quan tài chính như Sở Tài chính; Phòng Tài chính kế hoạch. Đối với các dự án còn lại Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

Cơ quan thẩm tra thực hiện các nội dung thẩm tra sau:

- Thẩm tra hồ sơ pháp lý.
- Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án.
- Thẩm tra chi phí đầu tư.
- Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.

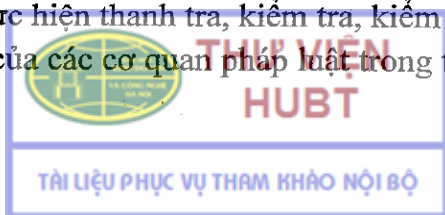




- Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.
- Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.
- Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án.

Sau khi hoàn thành các công việc thẩm tra như nêu trên, cơ quan thẩm tra báo cáo khái quát kết quả thẩm tra quyết toán, lập hồ sơ thẩm tra trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm có các nội dung:

- Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.
- Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và các tài liệu do chủ đầu tư trình.
- Các tài liệu do chủ đầu tư trình.
- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.
- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của dự án.
- Báo cáo kiểm toán nếu có.
- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ



đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; văn bản báo cáo tình hình chấp hành của chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với các kết luận trên.

*Bước 3:* Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành được phân cấp theo trách nhiệm quản lý dự án, quy mô dự án.

Các dự án quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư; Người đứng đầu Bộ, ngành trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt

Đối với các dự án còn lại: Người phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành là người quyết định đầu tư. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền hoặc phân cấp phê duyệt quyết toán đối với các dự án nhóm B, C cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

*Bước 4:* Gửi quyết định phê duyệt quyết toán cho đơn vị chủ quản của chủ đầu tư.

Sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị như: chủ đầu tư; cơ quan nhận tài sản; cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư; cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán; cơ quan quyết định đầu tư dự án.



Riêng đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì bên cạnh việc gửi quyết định phê duyệt quyết toán cho các cơ quan nêu trên, cơ quan phê duyệt quyết toán còn phải gửi Bộ Tài chính

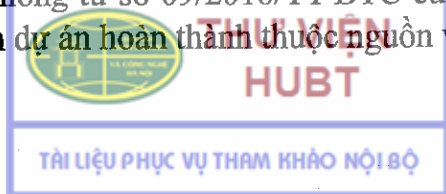
*Thứ tư*, thời hạn quyết toán.

Thời hạn quyết toán vốn đầu tư hoàn thành gồm có hai giai đoạn: thời gian nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa công trình của dự án vào sử dụng; Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán theo quy định.

**Bảng 3.4. Thời hạn quyết toán vốn đầu tư hoàn thành**

Loại dự án	Thời gian nộp hồ sơ	Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán
Dự án quốc gia quan trọng	Không quá 9 tháng	Không quá 7 tháng
Dự án nhóm A	Không quá 9 tháng	Không quá 4 tháng
Dự án nhóm B	Không quá 6 tháng	Không quá 2 tháng
Dự án nhóm C	Không quá 3 tháng	Không quá 1 tháng

*Nguồn:* Thông tư số 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.



## **3.2. TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **3.2.1. Chi ngân sách nhà nước cấp vốn cho các doanh nghiệp nhà nước**

Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, việc đầu tư thành lập các doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực, ngành nghề cần thiết nhằm thực hiện vai trò dẫn dắt, điều chỉnh và định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân của Nhà nước.

Doanh nghiệp nhà nước bao gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nhà nước đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

#### **3.2.1.1. Đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp nhà nước**

Phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp



nhà nước: (i) Doanh nghiệp nhà nước cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội; (ii) Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ; (iii) Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; (iv) Doanh nghiệp nhà nước ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế.

*Trình tự, thủ tục đề nghị đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp nhà nước:* Cơ quan đại diện chủ sở hữu lập hồ sơ đề nghị đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đảm bảo theo quy định để thực hiện các thủ tục đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp nhà nước.

*Trình tự, thủ tục đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp nhà nước:*

Đối với doanh nghiệp nhà nước được đầu tư thành lập mới không có dự án đầu tư xây dựng công trình hình thành tài sản cố định, căn cứ mức vốn điều lệ ghi trong Quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ vào kế hoạch nguồn vốn đầu tư đã được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo hoặc nguồn vốn đầu tư từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan tài chính thực hiện cấp vốn cho doanh nghiệp nhà nước.

Đối với doanh nghiệp nhà nước được đầu tư thành lập



mới trên cơ sở bàn giao tài sản từ dự án đầu tư xây dựng công trình đã hoàn thành, căn cứ Quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước và quyết toán công trình xây dựng hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, chủ đầu tư hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu tiến hành bàn giao tài sản, xác định nguồn và mức vốn nhà nước đã đầu tư của dự án công trình bàn giao cho doanh nghiệp nhà nước để hoàn thành thủ tục cấp vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhà nước.

Trường hợp quyết toán công trình đã hoàn thành nhưng chưa được cấp cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ mức vốn nhà nước ghi trong dự toán để giao cho doanh nghiệp nhà nước hạch toán; sau khi quyết toán công trình đã hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp nhà nước tiến hành điều chỉnh phần chênh lệch giữa mức vốn nhà nước đã hạch toán và mức vốn nhà nước đã được phê duyệt.

Đối với doanh nghiệp nhà nước thành lập mới để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước, việc cấp vốn nhà nước để thanh toán trong quá trình thực hiện và quyết toán vốn nhà nước đầu tư khi dự án hoàn thành, doanh nghiệp nhà nước tuân thủ trình tự, thủ tục cấp vốn theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý, sử dụng đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Các nguồn vốn nhà nước đầu tư để thành lập doanh nghiệp được xác định là vốn điều lệ do nhà nước đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước khi thành lập. Trường hợp mức vốn điều lệ



thực tế thấp hơn mức vốn điều lệ đã đăng ký khi thành lập doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bằng mức vốn thực góp.

### **3.2.1.2. Đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp nhà nước**

Phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động: (i) Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động có hiệu quả được đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động có mức vốn điều lệ hiện tại không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; (ii) Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh nhưng vốn điều lệ hiện tại không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao.

*Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ:*

Doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào mức vốn điều lệ xác định lại và vốn còn thiếu cần bổ sung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền đầu tư bổ sung vốn cho doanh nghiệp.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đảm bảo theo quy định, thẩm định các nội dung báo cáo, đánh giá, giải trình liên quan đến bổ sung vốn trong hồ sơ của doanh nghiệp và có văn bản đề nghị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để phối hợp thẩm định, hoàn chỉnh phương án trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ



Cơ quan tài chính cùng cấp phải có ý kiến bằng văn bản về việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định hoặc tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mức vốn đầu tư bổ sung trong năm tài chính cho doanh nghiệp theo thẩm quyền quy định

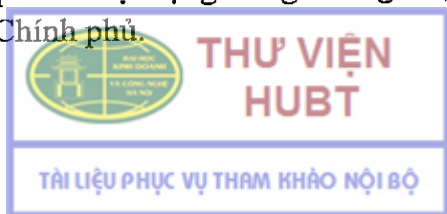
*Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ:*  
Cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản, đề nghị cơ quan tài chính thực hiện cấp vốn đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp. Cơ quan tài chính thực hiện cấp vốn từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **3.2.1.3. Đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

Phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

- Nhà nước đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Không thu hút được các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài đối với doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; (ii) Cần thiết phải duy trì để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Doanh nghiệp được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước thuộc các một trong các trường hợp trên hoạt động trong các ngành, lĩnh vực theo quy định của Chính phủ.





*Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn nhà nước:*

Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi người đại diện phần vốn nhà nước tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội nghị thành viên.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đảm bảo theo quy định và gửi văn bản đề nghị đến cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm định trước khi hoàn chỉnh phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước để duy trì tỷ lệ vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo thẩm quyền quy định.

Cơ quan tài chính cùng cấp phải có ý kiến bằng văn bản về việc bổ sung vốn nhà nước để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp tại doanh nghiệp.

*Trình tự thủ tục cấp vốn đầu tư bổ sung vốn nhà nước:*

Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ mức vốn và nguồn vốn sử dụng để đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có văn bản đề nghị cơ quan tài chính thực hiện thủ tục cấp bổ sung vốn nhà nước đầu tư vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.



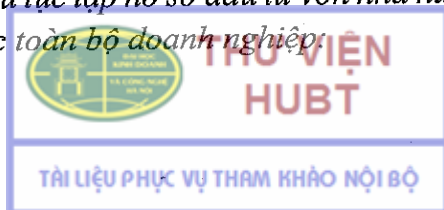
Cơ quan tài chính cùng cấp, căn cứ vào thời hạn góp vốn theo thông báo của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và văn bản đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, thực hiện cấp bổ sung vốn nhà nước cho công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan tài chính thực hiện cấp vốn từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **3.2.1.4. Đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp**

Phạm vi đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp: (i) Thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế thông qua việc thực hiện tái cơ cấu lại những doanh nghiệp hoạt động ở một số ngành, lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phục vụ công nghiệp quốc phòng, doanh nghiệp hoạt động tại địa bàn chiến lược, biên giới đất liền, hải đảo; (iii) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội.

Các trường hợp được Nhà nước đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt.

*Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp:*



Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì lập phương án đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định và hoàn thiện phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp theo thẩm quyền.

Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện thẩm định các nội dung của phương án và có ý kiến bằng văn bản về việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

*Trình tự, thủ tục cấp vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp:*

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản đề nghị và gửi phương án đầu tư mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề nghị cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện thủ tục cấp vốn thanh toán cho người bán để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.

Cơ quan tài chính cùng cấp căn cứ quyết định phê duyệt mức vốn và nguồn vốn sử dụng để đầu tư mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền để tiến hành cấp vốn đầu tư thanh toán cho người bán một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp. Cơ quan tài chính thực hiện trình tự, thủ tục cấp vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **3.2.2. Chi ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với doanh nghiệp**

Đối tượng được chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là các



doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khi tham gia thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước.

Các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước được xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải đảm bảo các điều kiện:

- Được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước.

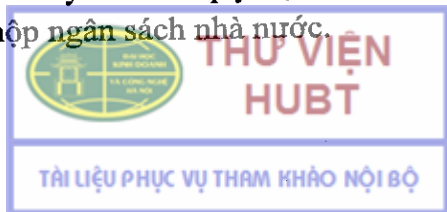
- Mặt hàng, dịch vụ thuộc danh mục hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo số lượng, chất lượng, thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc đặt hàng của Nhà nước.

- Tổ chức hạch toán riêng doanh thu và chi phí thực hiện nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là chênh lệch số tiền được thanh toán thấp hơn chi phí thực tế tính theo số lượng và khối lượng hàng hóa, dịch vụ và phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ quản lý tài chính và thu nộp ngân sách nhà nước.



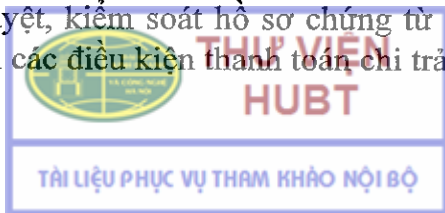
Hàng năm, căn cứ vào quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính, nhiệm vụ sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ Nhà nước giao; các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch thu chi tài chính, trong đó có kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách nhà nước gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp chung vào dự toán của các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với kinh phí ngân sách trung ương ủy quyền cho ngân sách địa phương quản lý để thực hiện, căn cứ các nhiệm vụ ủy quyền cho các địa phương quản lý, thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ, ngành lập dự toán ngân sách hỗ trợ cho từng địa phương và tổng hợp gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm lập dự toán chi ngân sách trung ương hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm được duyệt, cơ quan chủ quản của doanh nghiệp có trách nhiệm thẩm tra và trình cơ quan cấp có thẩm quyền xem xét quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng doanh nghiệp.

Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được phê duyệt, cơ quan tài chính thẩm định hồ sơ, phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ. Cơ quan tài chính căn cứ dự toán ngân sách được phê duyệt, kiểm soát hồ sơ chứng từ của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo



quy định; ra lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả cho doanh nghiệp.

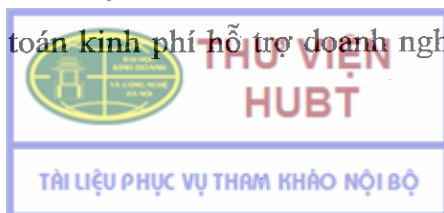
Kết thúc toàn bộ công việc hoặc kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách nhà nước với cơ quan giao kế hoạch hoặc đặt hàng và cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan giao kế hoạch hoặc đặt hàng và cơ quan tài chính có trách nhiệm kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện về số lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội của sản phẩm hoặc dịch vụ được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Nếu doanh nghiệp không đảm bảo số lượng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo kế hoạch thì cơ quan tài chính sau khi trao đổi với cơ quan giao kế hoạch hoặc đặt hàng sẽ quyết định thu hồi số tiền chi không đem lại hiệu quả và số tiền thừa nộp ngân sách nhà nước hoặc chuyển thành khoản cấp phát năm sau.

Nếu doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo kế hoạch mà vẫn còn thiếu thì cơ quan tài chính cấp phát bổ sung bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước số còn thiếu trong kế hoạch dự toán được duyệt.

Các trường hợp có biến động về giá và nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch được giao thì cơ quan tài chính cùng cơ quan giao kế hoạch hoặc đặt hàng xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể trong tổng mức hỗ trợ ngân sách đã bố trí trong kế hoạch hoặc đưa vào dự toán năm sau.

Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện



theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Trình bày nội dung thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư.

2. Trình bày các yêu cầu trong phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư.

3. Trình bày quy trình phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư.

4. Kiểm soát cam kết chi là gì? Kiểm soát cam kết chi có tác dụng gì? Nêu nội dung và quy trình kiểm soát cam kết chi.

5. Trình bày các nguyên tắc tạm ứng và thu hồi tạm ứng trong chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước.

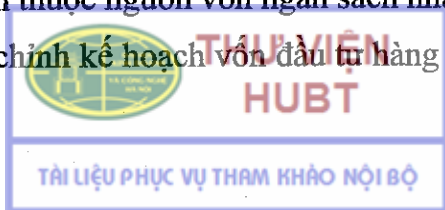
6. Trình bày quy trình tạm ứng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

7. Trình bày nguyên tắc cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành.

8. Mức cấp phát thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước được xác định như thế nào?

9. Trình bày quy trình thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

10. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm được thực



hiện theo những nguyên tắc nào? Trình bày quy trình điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư.

11. Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư trong năm bao gồm những nội dung cơ bản nào?

12. Trình bày nội dung và quy trình quyết toán vốn đầu tư năm.

13. Trình bày nội dung và quy trình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

14. Trình bày nội dung chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước cấp vốn cho các doanh nghiệp nhà nước.

15. Trình bày nội dung chấp hành và quyết toán chi ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với doanh nghiệp.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Richard Allen, Richard Hemming và Barry H. Potter (2013), *Sổ tay về Quản lý tài chính công*, (Phần 3, Quản lý việc chấp hành ngân sách)

2. Michel Bouvier, Marie-Christine Esclassan và Jean-Pierre Lassale (2005), *Tài chính công*, (Tiểu phần 2, Chương 3: Thực hiện dự toán ngân sách hàng năm).

3. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 108/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước*.

4. Bộ Tài chính (2017), *Thông tư 85/2017/TT-BTC quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn*





vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

5. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 09/2016/TT-BTC quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

6. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 349/2016/TT-BTC quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

7. Bộ Tài chính (2017), Thông tư số 82/2017/TT-BTC quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

8. Bộ Tài chính (2008), Thông tư số 113/2008/TT-BTC hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

9. Bộ Tài chính (2016), Thông tư 40/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 113/2008/TT-BTC hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

10. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

11. Bộ Tài chính (2018), Thông tư số 52/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC và Thông tư số 108/2016/TT-BTC

12. Bộ Xây dựng (2016), Thông tư số 07/2016/TT-BXD quy định về Hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng.



13. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị định số 77/2015/NĐ-CP về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.*

14. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.*

15. Kho bạc Nhà nước (2016), *Quyết định số 5657/QĐ-KBNN ban hành Quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.*

16. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.*

17. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Đấu thầu.*

18. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Đầu tư công.*

19. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách nhà nước.*





**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## Chương 4

# TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI KHÁC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổ chức chấp hành, quyết toán chi thường xuyên và chi khác ngân sách nhà nước gồm hai nội dung chính: (i) Tổ chức chấp hành và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước; (ii) Tổ chức chấp hành và quyết toán các khoản chi khác của ngân sách nhà nước. Mục đích của chương này nhằm giúp người học tiếp cận và hiểu rõ những vấn đề lý luận và nghiệp vụ về phân bổ và giao dự toán, kiểm soát cam kết chi, kiểm soát tạm ứng và kiểm soát thanh toán, bổ sung và điều chỉnh dự toán, báo cáo thực hiện chi, quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước; tổ chức chấp hành và quyết toán chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ vay và các khoản chi khác của ngân sách nhà nước.

## 4.1. TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 4.1.1. Tổ chức chấp hành chi thường xuyên ngân sách nhà nước

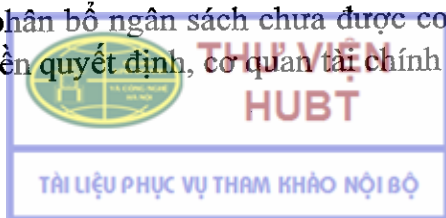
#### 4.1.1.1. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước



Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được thực hiện sau khi Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước. Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị dự toán cấp I trực thuộc ngân sách trung ương trước ngày 20 tháng 11 năm trước. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp mình; Ủy ban nhân dân giao dự toán chi thường xuyên ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp dưới và đơn vị dự toán cấp I cùng cấp chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách. Các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

Dự toán chi thường xuyên giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi; đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi. Trường hợp dự toán có các nhiệm vụ chi được quản lý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì dự toán giao phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm.

Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chấp hành chi thường xuyên ngân sách nhà nước sau khi nhận được quyết định giao dự toán ngân sách của cấp có thẩm quyền. Trường hợp ở thời điểm đầu năm ngân sách khi dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho

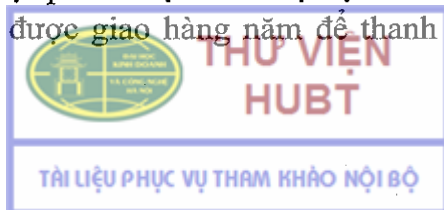


bạc Nhà nước các cấp theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi thường xuyên không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định. Mức tạm cấp hàng tháng tối đa cho các nhiệm vụ không quá vượt quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước. Tạm cấp ngân sách phải hoàn trả khi đơn vị nhận được quyết định giao dự toán ngân sách chi thường xuyên của cấp có thẩm quyền.

*Ví dụ 4.1:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh X nhận được dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm N do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao vào ngày 15/02/N. Trong trường hợp này, Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước tỉnh X thực hiện tạm cấp ngân sách chi thường xuyên cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện những nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được như chi lương và các khoản có tính chất tiền lương; chi công tác phí cho cán bộ đi công tác; chi thanh toán các khoản tiền điện, nước, điện thoại... phát sinh cho đến ngày 15/02/N với mức tạm cấp tối đa không vượt quá mức chi bình quân 01 tháng của năm N-1. Số tạm cấp ngân sách chi thường xuyên đầu năm N cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được hoàn trả khi Sở nhận được quyết định giao dự toán của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X vào ngày 15/02/N.

#### **4.1.1.2. Kiểm soát cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

Cam kết chi thường xuyên là việc các đơn vị dự toán cam kết sử dụng một phần hoặc toàn bộ dự toán chi ngân sách thường xuyên được giao hàng năm để thanh toán cho hợp



đồng đã được ký giữa đơn vị dự toán với nhà cung cấp.

Giá trị của khoản cam kết chi đối với hợp đồng được thực hiện trong một năm ngân sách là số tiền nêu trong hợp đồng. Giá trị của khoản cam kết chi đối với hợp đồng được thực hiện trong nhiều năm ngân sách là số tiền dự kiến bố trí cho hợp đồng đó trong năm, đảm bảo trong phạm vi dự toán năm được duyệt và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi của hợp đồng đó. Giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi là chênh lệch giữa giá trị của hợp đồng với tổng giá trị của các khoản đã cam kết chi cho hợp đồng đó.

Nguyên tắc kiểm soát cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước:

- Tất cả các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán, có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ theo chế độ quy định và có giá trị hợp đồng từ mức ngưỡng theo quy định trở lên thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước. Mức ngưỡng giá trị hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ phải làm thủ tục kiểm soát cam kết chi với Kho bạc Nhà nước được xem xét điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ.

- Cam kết chi chỉ được thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách chi thường xuyên còn được phép sử dụng. Dự toán ngân sách chi thường xuyên còn được phép sử dụng là chênh lệch giữa dự toán ngân sách đã giao trong năm cho đơn vị với tổng số tiền của các khoản đã cam kết chi chưa được thanh toán và số tiền đã thanh toán trong năm, bao gồm cả số đã thanh toán và số đang tạm ứng.

- Các khoản cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải được hạch toán bằng đồng Việt Nam; các khoản cam kết chi bằng ngoại tệ được theo dõi theo nguyên tệ; đồng thời, được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ để hạch toán cam kết chi.

- Trường hợp khoản cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước có nhiều nguồn vốn thì được hạch toán chi tiết theo số tiền được cam kết chi của từng nguồn vốn.

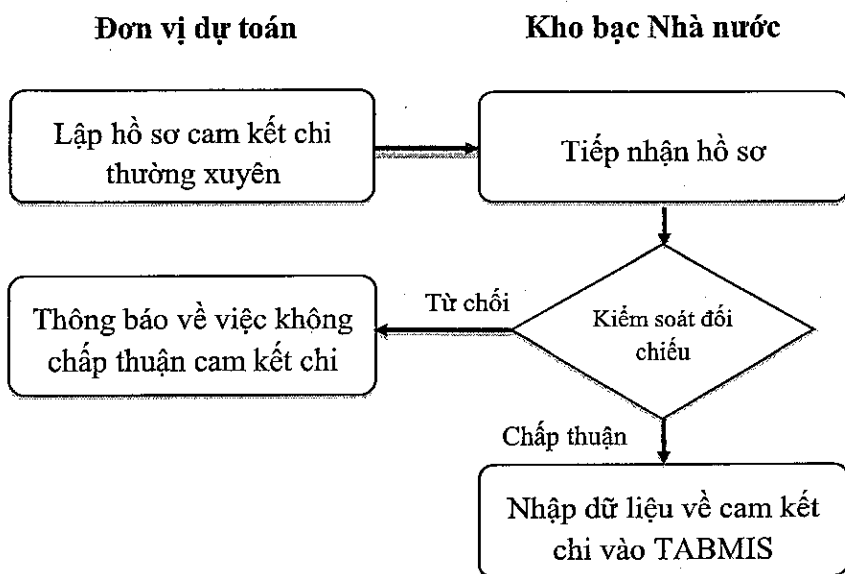
- Cam kết chi chỉ được thanh toán khi số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng số tiền chưa được thanh toán của khoản cam kết chi đó. Trường hợp số tiền đề nghị thanh toán lớn hơn số tiền còn lại chưa được thanh toán của khoản cam kết chi thì trước khi làm thủ tục thanh toán cam kết chi, đơn vị dự toán phải đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch điều chỉnh số tiền của khoản cam kết chi đó phù hợp với số tiền đề nghị thanh toán

- Các khoản cam kết chi sai chế độ quy định hoặc các khoản dự toán để cam kết chi không được chuyển nguồn sang năm sau hoặc đơn vị dự toán không có nhu cầu sử dụng tiếp, thì khoản cam kết chi sẽ được huỷ bỏ. Kho bạc Nhà nước thực hiện huỷ các khoản cam kết chi của đơn vị dự toán theo chế độ quy định đối với các khoản cam kết chi không được phép chuyển năm sau sử dụng tiếp hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các khoản cam kết chi sai quy định hoặc đề nghị của đơn vị dự toán đối với các khoản cam kết chi mà đơn vị không có nhu cầu sử dụng tiếp.

Quy trình và nội dung kiểm soát cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước:







**Sơ đồ 4.1**

**Quy trình và nội dung kiểm soát cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

(1) Khi có nhu cầu cam kết chi đơn vị dự toán lập hồ sơ cam kết chi gửi Kho bạc Nhà nước. Ngoài dự toán chi ngân sách nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước 1 lần vào đầu năm, đơn vị dự toán gửi Kho bạc Nhà nước các hồ sơ, tài liệu có liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ mức ngưỡng trở lên (gửi lần đầu hoặc khi có điều chỉnh hợp đồng).
- Đề nghị cam kết chi hoặc đề nghị điều chỉnh cam kết chi.

(2) Kho bạc Nhà nước tiếp nhận và kiểm soát hồ sơ, tài liệu của đơn vị:



- Kiểm soát, đối chiếu cam kết chi so với dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo khoản đề nghị cam kết chi không được vượt quá dự toán còn được phép sử dụng của đơn vị.

- Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo phù hợp với dự toán được giao của đơn vị.

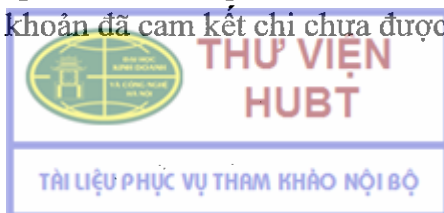
- Kiểm soát, đối chiếu đề nghị cam kết chi của đơn vị, đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu thông tin và được gửi đúng thời hạn theo quy định.

(3) Sau khi kiểm soát hồ sơ, tài liệu của đơn vị dự toán:

- Trường hợp đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định, Kho bạc Nhà nước ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo số cam kết chi được quản lý trên TABMIS cho đơn vị dự toán biết để quản lý và thanh toán cam kết chi.

- Trường hợp không đảm bảo đủ các điều kiện quy định, Kho bạc Nhà nước từ chối chấp thuận ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo cho đơn vị dự toán được biết.

*Ví dụ 4.2:* Ngày 05/02/N, Trường Đại học công lập Hoa Ban ký hợp đồng mua văn phòng phẩm với công ty văn phòng phẩm Hồng Hà, tổng giá trị hợp đồng là 210 triệu đồng, văn phòng phẩm mua về để sử dụng cho hoạt động quản lý và giảng dạy của nhà trường. Ngày 07/02/N trường gửi Hợp đồng mua văn phòng phẩm và đề nghị cam kết chi tới Kho bạc Nhà nước nơi trường mở tài khoản dự toán. Biết rằng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm N được cấp có thẩm quyền giao cho trường là 400.000 triệu đồng; tổng số tiền của các khoản đã cam kết chi chưa được thanh toán là



50.000 triệu đồng; số tiền đã thanh toán trong năm, bao gồm cả số đã thanh toán và số đang tạm ứng là 25.000 triệu đồng.

Sau khi nhận được hồ sơ, Kho bạc Nhà nước thực hiện các nghiệp vụ kiểm soát cam kết chi như sau:

(1) Đối chiếu đề nghị cam kết chi của trường với dự toán còn được phép sử dụng của trường cho thấy số cam kết chi trong phạm vi dự toán ngân sách còn được sử dụng của trường.

(2) Kiểm tra tính hợp pháp của hợp đồng mua hàng của trường.

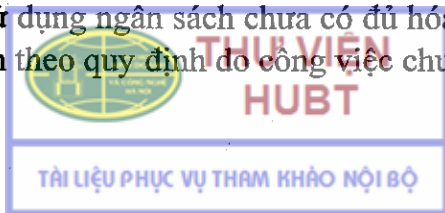
(3) Xem xét thời gian trường gửi cam kết chi cho Kho bạc Nhà nước theo đúng thời hạn quy định. (Quy định hiện hành trong vòng 10 ngày kể từ ngày trường ký hợp đồng mua hàng phải gửi hồ sơ đề nghị cam kết chi tới Kho bạc Nhà nước).

(4) Sau khi kiểm tra các điều kiện nói trên, Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị cam kết chi, ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS, thông báo cho trường số cam kết chi được chấp thuận, quản lý trên TABMIS là 210 triệu đồng.

#### ***4.1.1.3. Kiểm soát tạm ứng và kiểm soát thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước***

***Thứ nhất***, tạm ứng chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Tạm ứng chi thường xuyên ngân sách nhà nước là việc chi trả các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp khoản chi của đơn vị sử dụng ngân sách chưa có đủ hóa đơn, chứng từ để thanh toán theo quy định do công việc chưa hoàn thành.



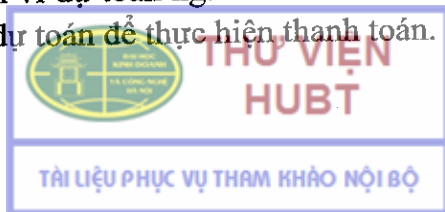
Mức tạm ứng đối với những khoản chi thanh toán cho hợp đồng theo quy định tại hợp đồng đã ký kết của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhưng tối đa không vượt quá ngưỡng quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Ngưỡng tạm ứng theo hợp đồng là mức tối đa được tạm ứng cho hợp đồng và quy định bằng tỷ lệ phần trăm so với giá trị hợp đồng.

Mức tạm ứng đối với những khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước không có hợp đồng được thực hiện theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, phù hợp với tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao.

**Thứ hai**, thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Thanh toán các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước bao gồm thanh toán tạm ứng và thanh toán trực tiếp. Thanh toán tạm ứng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước là việc chuyển từ tạm ứng sang thanh toán khi khoản chi đã hoàn thành và có đủ hồ sơ chứng từ và bảo đảm đủ điều kiện thanh toán. Thanh toán trực tiếp các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước là phương thức chi trả ngân sách trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hoặc cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ khi công việc đã hoàn thành, có đủ các hồ sơ chứng từ và bảo đảm đủ điều kiện thanh toán.

Mức thanh toán căn cứ vào hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ; trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao và còn đủ số dư dự toán để thực hiện thanh toán.



**Thứ ba**, quy trình, nội dung kiểm soát tạm ứng và kiểm soát thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Để được tạm ứng hoặc thanh toán các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải gửi đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định tạm ứng hoặc thanh toán đối với từng khoản chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, chứng từ tạm ứng hoặc thanh toán các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo các nội dung chủ yếu sau:

- Đối chiếu các khoản chi so với dự toán ngân sách nhà nước, bảo đảm các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, số dư tài khoản dự toán của đơn vị còn đủ để chi.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, chứng từ theo quy định đối với từng khoản chi; kiểm tra, đối chiếu mẫu dấu, chữ ký của đơn vị sử dụng ngân sách với mẫu dấu và chữ ký đăng ký giao dịch tại Kho bạc Nhà nước.

- Kiểm tra các khoản chi, bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; đối với các khoản chi chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước thì căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao để kiểm soát.

Sau khi kiểm soát hồ sơ, chứng từ của đơn vị sử dụng ngân sách:



- Đối với kiểm soát tạm ứng, nếu các khoản chi đủ các điều kiện tạm ứng quy định thì Kho bạc Nhà nước chấp thuận tạm ứng và chuyển khoản số tiền tạm ứng cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng hoặc cho phép đơn vị rút tiền mặt về quỹ của đơn vị để chi.

- Đối với kiểm soát thanh toán tạm ứng, nếu các khoản chi đủ các điều kiện thanh toán tạm ứng quy định thì Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách. Nếu số đề nghị thanh toán lớn hơn số đã tạm ứng, căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán của đơn vị, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán số đã tạm ứng; đồng thời, đơn vị lập thêm giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán bổ sung cho đơn vị số chênh lệch giữa số Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán và số đã tạm ứng. Nếu số đề nghị thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng số đã tạm ứng, căn cứ giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán bằng số Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán tạm ứng; đồng thời, số chênh lệch sẽ được theo dõi để thu hồi hoặc thanh toán vào tháng sau, kỳ sau.

- Đối với kiểm soát thanh toán trực tiếp, nếu các khoản chi đủ các điều kiện thanh toán trực tiếp quy định thì Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán trực tiếp cho các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc qua đơn vị sử dụng ngân sách.

- Trường hợp các khoản chi không đảm bảo đủ các điều kiện tạm ứng, thanh toán tạm ứng hoặc thanh toán trực tiếp quy định, Kho bạc Nhà nước từ chối tạm ứng, thanh toán tạm ứng hoặc thanh toán trực tiếp kinh phí ngân sách cho các



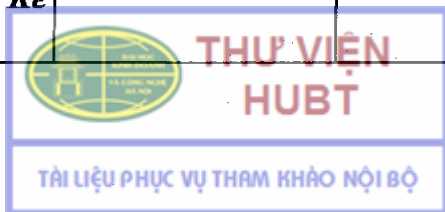
khoản chi và thông báo cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Quy trình các bước Kho bạc Nhà nước kiểm soát tạm ứng và kiểm soát thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được mô tả ở Bảng 4.1.

**Bảng 4.1**

**Quy trình Kho bạc Nhà nước kiểm soát tạm ứng, thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

<b>Người thực hiện</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Thời gian xử lý</b>
<b>Bộ phận KSC</b>		
Chuyên viên KSC	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị tạm ứng hoặc thanh toán. Kiểm soát, kiểm tra hồ sơ, chứng từ; kiểm soát cam kết chi.	Đối với các khoản tạm ứng và thanh toán trực tiếp thời gian xử lý tối đa là 1 ngày. Đối với các khoản thanh toán tạm ứng thời gian xử lý tối đa là 2 ngày.
Phụ trách KSC	Kiểm tra bộ hồ sơ, chứng từ.	
Giám đốc KBNN	Ký duyệt trên chứng từ tạm ứng, thanh toán.	
<b>Bộ phận Kế toán</b>		



Kế toán viên	Kiểm soát, đối chiếu chứng từ trên hệ thống; ký chứng từ.	Đối với các khoản tạm ứng và thanh toán trực tiếp thời gian xử lý tối đa là 1 ngày.
Kế toán trưởng	Kiểm soát, đối chiếu chứng từ trên hệ thống; ký chứng từ; phê duyệt bút toán trên hệ thống.	Đối với các khoản thanh toán tạm ứng thời gian xử lý tối đa là 1 ngày.
Kế toán viên	Thanh toán theo quy định hiện hành; đóng dấu “KẾ TOÁN” lên các liên chứng từ; bàn giao chứng từ cho bộ phận KSC lưu trữ.	

*Ví dụ 4.3:* Ngày 10/02/N, Trường đại học công lập Hoa Ban gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước Thanh Bình đề nghị rút dự toán tạm ứng cho công ty văn phòng phẩm Hồng Hà theo hợp đồng mua văn phòng phẩm ký ngày 05/02/N với giá trị hợp đồng là 210 triệu đồng. Số tiền đề nghị tạm ứng 63 triệu đồng.

Hồ sơ tạm ứng gồm:

- Giấy rút dự toán (tạm ứng) trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng cho công ty văn phòng phẩm Hồng Hà theo hợp đồng ký ngày 05/02/N, số tiền 63 triệu đồng.





- Hợp đồng mua văn phòng phẩm ký ngày 05/02/N.

Quy trình Kho bạc Nhà nước kiểm soát tạm ứng như sau:

(1) Chuyên viên kiểm soát chi của Kho bạc tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

- Kiểm tra Giấy rút dự toán (tạm ứng): đúng mẫu, hạch toán đúng Mục lục ngân sách, có đầy đủ chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng đơn vị.

- Kiểm tra cam kết chi của hợp đồng ngày ký ngày 05/02/n đối chiếu với hợp đồng được gửi đến.

- Kiểm tra số dư tài khoản dự toán của đơn vị.

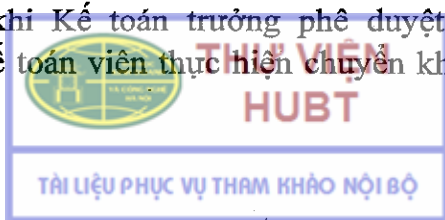
Sau khi kiểm tra, chuyên viên kiểm soát chi xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp của các hồ sơ nêu trên, chuyển hồ sơ tới phụ trách kiểm soát chi. Nếu hồ sơ không đúng, đủ theo quy định sẽ được chuyển lại và thông báo cho đơn vị.

(2) Phụ trách kiểm soát chi tiếp nhận hồ sơ, kiểm soát lại; nếu hồ sơ đúng, đủ, xác nhận hồ sơ và chuyển cho giám đốc Kho bạc.

(3) Giám đốc Kho bạc ký duyệt Giấy rút dự toán (tạm ứng) chuyển bộ phận kế toán của Kho bạc.

(4) Kế toán viên nhận bộ hồ sơ, kiểm soát đối chiếu chứng từ trên hệ thống. Nếu hồ sơ đúng, đủ theo quy định thì ký trên chứng từ chuyển cho Kế toán trưởng, đồng thời thực hiện bút toán hạch toán tạm ứng trên TABMIS.

(5) Sau khi Kế toán trưởng phê duyệt bút toán trên TABMIS, Kế toán viên thực hiện chuyển khoản số tiền 63



triệu vào tài khoản thụ hưởng của công ty văn phòng phẩm Hồng Hà.

*Ví dụ 4.4:* Ngày 07/03/N, trường đại học công lập Hoa Ban gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước Thanh Bình đề nghị rút dự toán thanh toán chi trả tiền lương tháng 2 và các khoản trích nộp theo lương cho cán bộ, viên chức và các lao động hợp đồng của trường. Cán bộ, viên chức và các lao động hợp đồng của Trường có tài khoản cá nhân mở tại BIDV.

Hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc gồm:

- Giấy rút dự toán (thanh toán).
- Bảng lương tháng 2 có điều chỉnh tăng, giảm so với bảng lương tháng 1.
- Danh sách những người hưởng tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng có điều chỉnh so với tháng 1.

Quy trình Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán tiền lương như sau:

(1) Chuyên viên kiểm soát chi của Kho bạc tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

- Kiểm tra Giấy rút dự toán (thanh toán): đúng mẫu, hạch toán đúng Mục lục ngân sách, có đầy đủ chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng đơn vị.

- Kiểm tra số dư tài khoản dự toán.

Sau khi kiểm tra, chuyên viên kiểm soát chi xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp của các hồ sơ nêu trên; chuyển hồ sơ tới



Phụ trách kiểm soát chi. Nếu hồ sơ không đúng, đủ theo quy định sẽ được chuyển lại và thông báo cho đơn vị.

(2) Phụ trách kiểm soát chi tiếp nhận hồ sơ, kiểm soát lại; nếu hồ sơ đúng, đủ, xác nhận hồ sơ và chuyển cho Giám đốc Kho bạc.

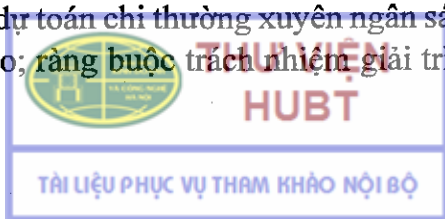
(3) Giám đốc Kho bạc ký duyệt Giấy rút dự toán (thanh toán) chuyển Bộ phận kế toán của Kho bạc.

(4) Kế toán viên nhận bộ hồ sơ, kiểm soát đối chiếu chứng từ trên hệ thống. Nếu hồ sơ đúng, đủ theo quy định thì ký trên chứng từ chuyển cho Kế toán trưởng, đồng thời thực hiện bút toán hạch toán thanh toán trên TABMIS.

(5) Sau khi Kế toán trưởng phê duyệt bút toán trên TABMIS, Kế toán viên thực hiện chuyển khoản số tiền lương thực nhận vào tài khoản của cán bộ viên chức, người lao động hợp đồng của trường tại BIDV, chuyển khoản số tiền phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn tới cơ quan bảo hiểm, công đoàn.

#### ***4.1.1.4. Bổ sung và điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước***

Trong quá trình tổ chức chấp hành chi ngân sách nhà nước nói chung và chi thường xuyên ngân sách nhà nước nói riêng, Luật Ngân sách nhà nước cho phép bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách so với dự toán đầu năm trong một số trường hợp cần thiết. Tuy nhiên cần hạn chế việc bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách trong quá trình chấp hành ngân sách nhằm thúc đẩy lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước có độ tin cậy cao; ràng buộc trách nhiệm giải trình của các cấp



có thẩm quyền trong quyết định và tổ chức chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước; bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài khóa.

Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước có thể được điều chỉnh tổng thể hoặc điều chỉnh các nhiệm vụ chi của các Bộ, cơ quan ngang bộ và một số địa phương. Điều chỉnh tổng thể dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong trường hợp có biến động về ngân sách so với dự toán đã phân bổ. Quốc hội có thẩm quyền quyết định điều chỉnh tổng thể dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh tổng thể dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp mình. Điều chỉnh nhiệm vụ chi thường xuyên của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các trường hợp:

- Dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi thường xuyên.

- Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh.

- Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán chi ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh,



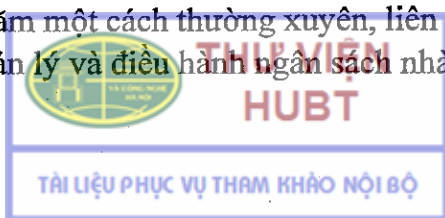
thành phố trực thuộc trung ương. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Tại các đơn vị sử dụng ngân sách, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đã giao xảy ra trong các trường hợp Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định điều chỉnh ngân sách tổng thể hoặc điều chỉnh các nhiệm vụ chi trong đó có nhiệm vụ chi thường xuyên.

Việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu về phân bổ và giao dự toán quy định. Sau khi thực hiện điều chỉnh dự toán, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.

#### ***4.1.1.5. Báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước***

Trong quá trình chấp hành chi thường xuyên ngân sách nhà nước, việc theo dõi các giao dịch chi ngân sách đóng vai trò quan trọng để đảm bảo trách nhiệm giải trình và kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách nhằm đưa ra các điều chỉnh kịp thời đảm bảo hiệu quả chi ngân sách nhà nước. Báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước nhằm cung cấp thông tin tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách trong năm một cách thường xuyên, liên tục phục vụ cho quá trình quản lý và điều hành ngân sách nhà nước.



Hệ thống báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước gồm báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo giữa năm và báo cáo ước thực hiện chi thường xuyên ngân sách năm.

Các báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải trình bày thống nhất các nội dung chi tiêu được phân loại theo các tiêu chí nhất định, bao quát được các bước của quy trình chấp hành ngân sách từ cam kết chi đến thanh toán.

Theo quy định hiện hành, báo cáo tình hình chi thường xuyên ngân sách nhà nước được thực hiện bởi các đơn vị dự toán cấp I định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan; cơ quan tài chính các cấp ở địa phương định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan; Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan tài chính cấp trên; Bộ Tài chính định kỳ báo cáo Chính phủ; Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội.

Các loại báo cáo và kỳ báo cáo chấp hành chi thường xuyên ngân sách nhà nước thể hiện ở bảng 4.2.

Báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước được công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

*Nội dung công khai bao gồm:* số liệu và báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước; tình hình thực hiện chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách.



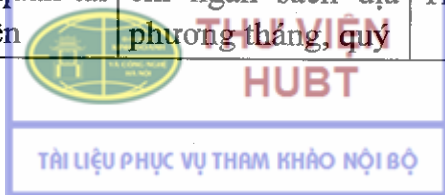
*Thời hạn công khai:* báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

*Hình thức công khai:* công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Bảng 4.2**

**Báo cáo tình hình thực hiện chi thường xuyên nhà nước**

<b>Cơ quan, đơn vị</b>	<b>Loại báo cáo</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>
Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính	Thực hiện dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước quý	Quý
Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp	Ước thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước tháng	Tháng, quý
Ủy ban nhân tỉnh báo cáo cơ quan tài chính cấp trên	Ước thực hiện chi ngân sách địa phương tháng, quý	Tháng, quý



Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ	Ước thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước tháng	Tháng, quý
Ủy ban nhân dân Hội đồng nhân dân cùng cấp	Ước thực hiện chi thường xuyên ngân sách địa phương	Theo kỳ họp của Hội đồng nhân dân
Chính phủ báo cáo Quốc hội	Ước thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước	Theo kỳ họp của Quốc hội

*Nguồn:* Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13

#### **4.1.2. Quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

Khi năm ngân sách kết thúc, các đơn vị sử dụng ngân sách và các cấp ngân sách có trách nhiệm lập Báo cáo quyết toán ngân sách trong đó có Báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thông tin kịp thời và đầy đủ về tình hình thực hiện ngân sách trong năm. Dựa trên hệ thống báo cáo quyết toán, cơ quan quyền lực nhà nước và người dân có được những thông tin cần thiết để đánh giá, giám sát hoạt động của cơ quan hành pháp; từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong các quyết định ngân sách cho năm ngân sách kế tiếp nhằm mang lại hiệu quả chi ngân sách, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đã định.





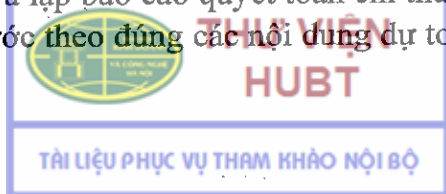
#### **4.1.2.1. Báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

Báo cáo quyết toán là một hệ thống các báo cáo chi tiết, tổng hợp về tình hình chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các đơn vị sử dụng ngân sách, các cấp ngân sách, của nhà nước được lập theo các tiêu chí, mẫu biểu thống nhất theo quy định của Nhà nước. Báo cáo quyết toán được lập dựa trên căn cứ các báo cáo tình hình chấp hành ngân sách trong năm, được tổng hợp đầy đủ, toàn diện theo các nội dung quản lý.

Các khoản chi thường xuyên về cơ bản diễn ra và kết thúc gọn trong năm ngân sách, đảm bảo tính thường niên của ngân sách. Vì vậy các báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách đóng vai trò quan trọng trong đánh giá hoạt động quản lý chi thường xuyên của đơn vị sử dụng ngân sách hoặc các cấp ngân sách.

Nguồn dữ liệu dùng để lập báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải là nguồn dữ liệu đáng tin cậy, nhất quán, chính xác và trung thực trong cả quá trình ghi chép kế toán của các đơn vị sử dụng ngân sách, các cấp ngân sách. Báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước là căn cứ cung cấp thông tin cho cơ quan quyền lực nhà nước, người dân giám sát ngân sách; đồng thời là căn cứ đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan hành pháp.

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến chi thường xuyên ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo đúng các nội dung dự toán được giao và



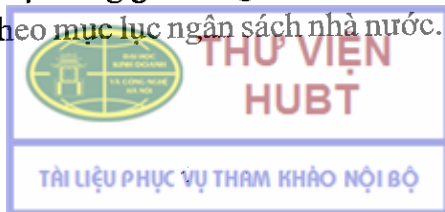
đúng mục lục ngân sách nhà nước. Khóa sổ kế toán phải bảo đảm thực hiện các yêu cầu sau:

- Các khoản dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, chưa thực hiện hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện sau khi hết thời gian chính lý quyết toán ngân sách.

- Các khoản đã tạm ứng trong dự toán được thanh toán đến hết thời gian chính lý quyết toán; nếu hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn chưa đủ thủ tục thanh toán thì được chuyển nguồn sang năm sau thực hiện theo đúng quy định các trường hợp được phép chuyển nguồn hoặc nộp lại ngân sách nhà nước trước ngày 15 tháng 2 năm sau. Sau thời hạn này, đơn vị chưa nộp, Kho bạc Nhà nước thực hiện thu hồi số tạm ứng bằng cách trừ vào lĩnh vực chi tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau của đơn vị; nếu dự toán năm sau không bố trí lĩnh vực chi đó hoặc có bố trí nhưng ít hơn số phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý.

- Số dư tài khoản tiền gửi các khoản ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12 được tiếp tục thanh toán trong thời gian chính lý quyết toán. Đến hết thời gian chính lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước. Báo cáo quyết



toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.

Số liệu quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Số liệu quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

#### ***4.1.2.2. Quy trình quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước***

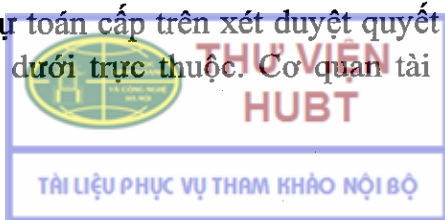
Quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tuân thủ quy trình quyết toán ngân sách nhà nước bao gồm các bước: lập, xét duyệt, thẩm định, tổng hợp, thẩm tra và phê chuẩn báo cáo quyết toán.

***Bước một***, lập báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Các đơn vị sử dụng ngân sách, các cấp ngân sách lập báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp xét duyệt; đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp xét duyệt hoặc thẩm định.

***Bước hai***, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc. Cơ quan tài chính xét duyệt



quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I cùng cấp đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách. Kết thúc việc xét duyệt quyết toán năm, đơn vị dự toán cấp trên ra thông báo duyệt quyết toán gửi đơn vị dự toán cấp dưới; cơ quan tài chính ra thông báo xét duyệt quyết toán đối với các đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách. Xét duyệt quyết toán năm được thực hiện theo các nội dung sau:

- Xét duyệt từng khoản chi phát sinh tại đơn vị.
- Các khoản chi phải bảo đảm các điều kiện chi quy định.
- Các khoản chi phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán nhà nước, đúng mục lục ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách.
- Các chứng từ chi phải hợp pháp, số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc Nhà nước.

Thẩm định quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước là việc cơ quan tài chính xem xét, đánh giá các báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp 1 cùng cấp không đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách và ngân sách cấp dưới. Khi thẩm định quyết toán, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu bổ sung thông tin và số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán; cơ quan có trách nhiệm xuất toán, thu hồi các khoản chi không đúng chế độ; cơ quan xét duyệt quyết toán điều chỉnh lại số liệu quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách nếu có sai sót. Kết thúc quá trình thẩm định, cơ quan tài chính ra thông báo thẩm định quyết toán kèm theo các nhận xét gửi đơn vị được thẩm định. Nội dung thẩm định quyết toán gồm:



- Kiểm tra tính đầy đủ và chính xác giữa các số liệu quyết toán theo quy định; bảo đảm khớp đúng giữa số liệu quyết toán của đơn vị dự toán cấp I với các thông báo duyệt quyết toán của cơ quan, đơn vị trực thuộc và xác nhận số liệu của Kho bạc Nhà nước.

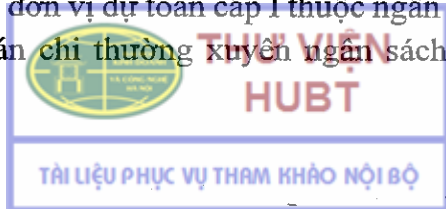
- Xem xét, xác định tính trung thực và hợp pháp của số liệu quyết toán của các khoản tăng, giảm so với dự toán được giao.

- Nhận xét về quyết toán năm.

**Bước ba, tổng hợp báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.**

Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả xét duyệt, thẩm định đối với quyết toán chi thường xuyên ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình và báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, cơ quan tài chính ở địa phương tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương đến ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra; đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương để cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân.

Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đã



được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán Nhà nước. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho ý kiến trước khi trình Quốc hội.

**Bước bốn**, thẩm tra và phê chuẩn quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Thẩm tra quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước là việc xem xét, đánh giá và đưa ra các nhận xét, kiến nghị, đề xuất về báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp và Chính phủ trình Quốc hội.

Ban Kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã và Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn thẩm tra báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp. Ủy ban Tài chính - ngân sách của Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn thẩm tra báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước do Chính phủ trình Quốc hội.

Nội dung thẩm tra quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước gồm:

- Kết quả chi và cân đối ngân sách địa phương và ngân sách nhà nước so với dự toán được Hội đồng nhân dân và Quốc hội quyết định, bao gồm cả dự toán điều chỉnh trong quá trình điều hành.



- Số dự toán chi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

- Tính chính xác, tính hợp pháp, đầy đủ của quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, ngân sách nhà nước.

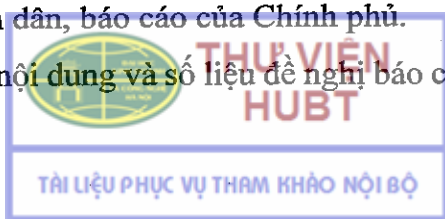
Đối với ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm tra của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, hoàn chỉnh các báo cáo để trình Thường trực Hội đồng nhân dân. Ban Kinh tế - ngân sách hoặc Ban Kinh tế - xã hội tổng hợp ý kiến của các Ban khác có liên quan lập báo cáo thẩm tra để trình Thường trực Hội đồng nhân dân.

Đối với ngân sách nhà nước, Chính phủ tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ủy ban Tài chính - ngân sách của Quốc hội và các cơ quan khác của Quốc hội, hoàn chỉnh các báo cáo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban Tài chính - ngân sách của Quốc hội tổng hợp các ý kiến của Hội đồng dân tộc và các cơ quan liên quan, báo cáo tiếp thu hoặc giải trình của Chính phủ, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo thẩm tra đối với báo cáo của Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Báo cáo thẩm tra quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và ngân sách nhà nước là một trong những căn cứ quan trọng để Hội đồng nhân dân, Quốc hội chuẩn quyết toán ngân sách. Nội dung báo cáo thẩm tra quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và ngân sách nhà nước phải nêu rõ:

- Những nội dung và số liệu thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân, báo cáo của Chính phủ.

- Những nội dung và số liệu đề nghị báo cáo rõ thêm hoặc



còn có ý kiến khác với báo cáo của Ủy ban nhân dân, báo cáo của Chính phủ.

- Ý kiến nhận xét về báo cáo của Ủy ban nhân dân, báo cáo của Chính phủ.

- Những kiến nghị, đề xuất.

Báo cáo quyết toán chi thường xuyên ngân sách trước khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Quốc hội phê chuẩn phải được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán. Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước là căn cứ để Hội đồng nhân dân và Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán chi thường xuyên ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình. Quốc hội phê chuẩn quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước do Chính phủ trình.

**Bảng 4.3. Thời hạn quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời hạn</b>
<b>Đối với các đơn vị dự toán ngân sách</b>	
Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới lập báo cáo quyết toán gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp.	Đơn vị dự toán cấp I quy định.
<b>Đối với ngân sách địa phương</b>	





Đơn vị dự toán cấp I lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính đồng cấp.	
Cơ quan tài chính lập báo cáo quyết toán trình Ủy ban nhân dân đồng cấp	
Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán đến Ban Kinh tế - xã hội hoặc Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân cùng cấp, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định
Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân.	
Báo cáo quyết toán ngân sách của Ủy ban nhân dân và báo cáo thẩm tra của ban của Hội đồng nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.	Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.
Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện phê chuẩn báo cáo quyết toán	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định
Ủy ban nhân dân gửi Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp báo cáo quyết toán đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.	Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn.

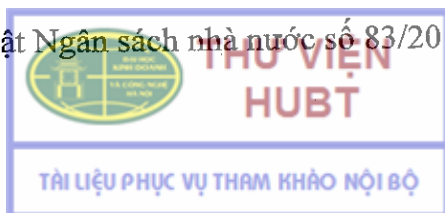


**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn báo cáo quyết toán	Trước ngày 31 tháng 12 năm sau.
Đối với ngân sách nhà nước	
Các đơn vị dự toán cấp I lập báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.	Trước ngày 01 tháng 10 năm sau.
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân.	
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn.	Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn.
Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách trình Chính phủ và gửi Kiểm toán Nhà nước.	Chậm nhất 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.
Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách cho ý kiến trước khi trình Quốc hội.	Chậm nhất 16 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.
Báo cáo quyết toán ngân sách của Chính phủ được gửi đến các đại biểu Quốc hội.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Quốc hội.
Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách.	Chậm nhất 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

Nguồn: Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.



## 4.2. TỔ CHỨC CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN CHI KHÁC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

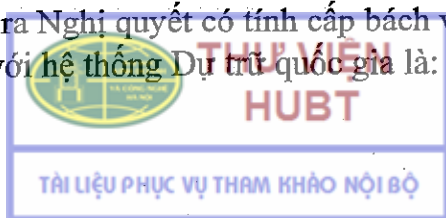
### 4.2.1. Chi dự trữ quốc gia

#### 4.2.1.1. Khái niệm và nội dung chi dự trữ quốc gia

Chính phủ phải thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh trong phạm vi cả nước. Điều đó luôn đúng với mọi chính phủ, mọi quốc gia ở mọi thời kỳ của quá trình phát triển. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ trên của mỗi chính phủ không phải ở lúc nào, ở đâu cũng đều diễn ra theo đúng kế hoạch và đạt được kết quả như nhau. Nguyên nhân dẫn đến sự sai lệch giữa kế hoạch với thực hiện, giữa thực hiện ở nơi này với nơi khác thì rất nhiều; nhưng trong đó có nguyên nhân từ những yếu tố bất khả kháng, như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, và chiến tranh.

Để chính phủ có đủ nguồn lực ứng phó với những yếu tố khách quan, bất ngờ có thể xảy ra, tiếp tục duy trì sự hoạt động bình thường của nền kinh tế quốc dân, các nhà kinh tế khuyến cáo các chính phủ cần có các quỹ dự trữ phù hợp; trong đó có Quỹ dự trữ quốc gia.

Ở Việt Nam sau năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, hoà bình được lập lại trên nửa đất nước, toàn Đảng, toàn dân ta phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tháng 9 năm 1955, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp, ra Nghị quyết có tính cấp bách và mang ý nghĩa lịch sử đối với hệ thống Dự trữ quốc gia là: *“Phải xây dựng*



*được một lực lượng dự trữ hùng hậu để ứng phó với mọi tình huống bất trắc xảy ra”.*

Để thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, ngày 13 tháng 01 năm 1956, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 663/TTg, về tổ chức lực lượng dự trữ vật tư của quốc gia, với danh mục 27 loại hàng hoá thiết yếu; đồng thời Thủ tướng Chính phủ tạm giao cho Ủy ban Kế hoạch quốc gia theo dõi, đôn đốc hoạt động dự trữ này và giao cho các Bộ: Công nghiệp, Thương nghiệp, Quốc phòng, Y tế trực tiếp bảo quản 27 loại hàng dự trữ quốc gia nói trên; chỉ được xuất kho theo lệnh của Thủ tướng Chính phủ.

Để thống nhất tổ chức bộ máy quản lý lực lượng dự trữ quốc gia, ngày 07 tháng 8 năm 1956, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 997/TTg, về việc thành lập “Cục Quản lý dự trữ vật tư Nhà nước, trực thuộc Thủ tướng Chính phủ” - tiền thân của Tổng cục dự trữ nhà nước ngày nay.

*“Dự trữ quốc gia là dự trữ vật tư, thiết bị, hàng hóa do Nhà nước quản lý, nắm giữ.”* Nguồn tài chính chủ yếu đáp ứng cho nhu cầu chi dự trữ quốc gia là từ ngân sách nhà nước. Từ đó hình thành khoản chi dự trữ quốc gia.

*Chi dự trữ quốc gia là quá trình phân phối, sử dụng một phần nguồn vốn ngân sách nhà nước để đáp ứng cho nhu cầu mua vật tư, thiết bị, hàng hóa dự trữ do Nhà nước quản lý, nắm giữ, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.*

Tuy nhiên, danh mục hàng dự trữ quốc gia lại không cố định. Theo thời gian, danh mục chủng loại và quy mô hàng



dự trữ quốc gia sẽ bị thay đổi do các diễn biến về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các dự liệu của Nhà nước.

Ở nước ta, có một số hàng hóa luôn được lựa chọn đưa vào danh mục hàng dự trữ quốc gia, như: lương thực, dược phẩm, vũ khí và các trang thiết bị của lực lượng vũ trang,... Căn cứ vào các diễn biến thực tế và dự báo xu hướng thay đổi về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia, khu vực và Thế giới, hằng năm Quốc hội sẽ quyết định trong dự toán chi ngân sách nhà nước một khoản để mua bổ sung hàng dự trữ quốc gia. Trong quá trình chấp hành ngân sách, Bộ Tài chính và các Bộ chức năng được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia thực hiện mua và bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

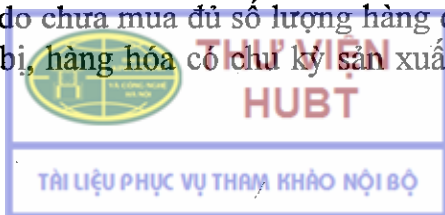
#### ***4.2.1.2. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi dự trữ quốc gia***

***Thứ nhất***, chấp hành chi mua hàng dự trữ quốc gia.

Căn cứ vào kế hoạch dự trữ quốc gia và dự toán chi cho dự trữ quốc gia được giao, Bộ Tài chính cấp kinh phí cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia để mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định.

Trường hợp mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất thì bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán bổ sung gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ.

Dự toán ngân sách nhà nước giao cho bộ, ngành để mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch chưa sử dụng hết do chưa mua đủ số lượng hàng dự trữ quốc gia; vật tư, thiết bị, hàng hóa có chủ ký sản xuất vượt quá năm



ngân sách, có tính chất thời vụ; hàng hóa đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định chuyển nguồn sang năm sau trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.

**Thứ hai**, quyết toán và tổng hợp quyết toán năm.

Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính thẩm định, tổng hợp quyết toán về dự trữ quốc gia, báo cáo Chính phủ.

Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

#### **4.2.2. Chi trả nợ vay**

Hiện tượng khá phổ biến ở các quốc gia những năm gần đây là mức dư nợ công tăng nhanh. Đóng góp vào mức dư nợ công quốc gia có dư nợ chính phủ, dư nợ chính quyền địa phương, và các khoản dư nợ khác có liên quan đến chính phủ và chính quyền địa phương - tùy theo quan niệm về phạm vi nợ công ở mỗi quốc gia. Nhưng điểm giống nhau giữa các quốc gia là khi đã mắc nợ, thì chính phủ và chính quyền địa phương đều phải lo bố trí sắp xếp trả nợ để giữ uy tín với các chủ nợ. Vì thế, chi trả nợ trở thành một trong các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước. Được tính vào chi trả nợ, bao gồm nợ gốc, lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ việc vay.



#### **4.2.2.1. Chi trả nợ của Chính phủ**

Chi trả nợ của Chính phủ có thể phát sinh từ 2 nghĩa vụ nợ: (i) Nợ Chính phủ; và (ii) Nợ được Chính phủ bảo lãnh.

Nợ Chính phủ là khoản nợ phát sinh từ các khoản vay trong nước, nước ngoài, được ký kết, phát hành nhân danh Nhà nước, nhân danh Chính phủ.

Nợ Chính phủ bao gồm: (i) nợ do Chính phủ phát hành công cụ nợ; (ii) nợ do Chính phủ ký kết thỏa thuận vay trong nước, nước ngoài; (iii) nợ của ngân sách trung ương vay từ quỹ dự trữ tài chính của Nhà nước, ngân quỹ nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

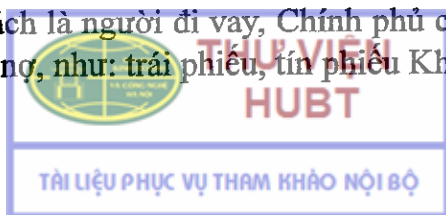
Nợ được Chính phủ bảo lãnh là khoản nợ do doanh nghiệp, ngân hàng chính sách của Nhà nước vay, được Chính phủ bảo lãnh.

Nợ được Chính phủ bảo lãnh, bao gồm: (i) nợ của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh; (ii) nợ của ngân hàng chính sách của Nhà nước được Chính phủ bảo lãnh.

Như vậy, nếu các khoản nợ được Chính phủ bảo lãnh đến hạn thanh toán hoàn trả nợ nhưng tổ chức kinh tế được Chính phủ bảo lãnh không có khả năng hoàn trả nợ, thì Chính phủ phải là người trả nợ thay cho các tổ chức kinh tế mà mình đã bảo lãnh.

**Thứ nhất**, đối với nợ phát sinh từ phát hành các công cụ nợ.

Với tư cách là người đi vay, Chính phủ có thể phát hành các công cụ nợ, như: trái phiếu, tín phiếu Kho bạc, công trái



xây dựng Tổ quốc, và được gọi chung là trái phiếu Chính phủ. Việc sử dụng các công cụ nợ làm phát sinh khoản chi có liên quan đến nợ, như: lãi, gốc trái phiếu. Ngân sách trung ương phải bố trí nguồn để đảm bảo nhu cầu thanh toán cho các khoản chi này. Theo sự phân cấp quản lý nhà nước hiện hành, trách nhiệm quản lý, thanh toán trái phiếu Chính phủ thuộc về Kho bạc nhà nước.

Ngân sách trung ương đảm bảo nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn. Trường hợp ngày thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, lãi, gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày làm việc liền kề tiếp theo. Quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn phải được thực hiện phù hợp với từng phương thức phát hành.

Đối với phương thức đấu thầu phát hành hoặc bảo lãnh phát hành, quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn phải được thực hiện như sau:

- Chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho Kho bạc nhà nước số tiền lãi, gốc trái phiếu cần thanh toán trong tháng tiếp theo và ngày thanh toán;

- Chậm nhất vào 11 giờ 30 phút ngày thanh toán lãi gốc trái phiếu, Kho bạc nhà nước đảm bảo toàn bộ tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu trong ngày thanh toán được chuyển và ghi có vào tài khoản do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo;

- Trong ngày thanh toán lãi, gốc trái phiếu, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, thông qua thành viên lưu ký, thực





hiện chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho chủ sở hữu trái phiếu xác định tại ngày đăng ký cuối cùng;

- Trường hợp Kho bạc Nhà nước chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu vào tài khoản thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chậm, Kho bạc Nhà nước sẽ phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Số tiền lãi chậm thanh toán sẽ được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phân bổ để chuyển vào tài khoản của người sở hữu trái phiếu theo tỷ lệ trái phiếu sở hữu.

Số tiền lãi chậm thanh toán được xác định theo công thức sau:

$$P = MG \times N \times \frac{Lo}{k} \times 150\% \times \frac{n}{E}$$

Trong đó:

P là số tiền lãi chậm thanh toán.

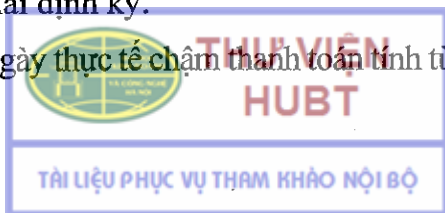
MG là mệnh giá trái phiếu.

N là số lượng trái phiếu đã phát hành nhưng chậm thanh toán.

Lo là lãi suất qua đêm do Ngân hàng Nhà nước thông báo tại ngày đầu tiên chậm thanh toán (%/năm).

K là số lần thanh toán lãi trong 1 năm đối với trái phiếu thanh toán lãi định kỳ; hoặc bằng 1 đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ.

N là số ngày thực tế chậm thanh toán tính từ ngày thanh toán.



E là số ngày thực tế của 1 kỳ trả lãi mà việc chậm thanh toán phát sinh đối với trái phiếu thanh toán lãi định kỳ; hoặc bằng số ngày thực tế trong năm phát hành trái phiếu đối với trái phiếu không thanh toán lãi định kỳ.

- Trường hợp Kho bạc Nhà nước đã thực hiện chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu vào tài khoản thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đúng thời gian quy định, nhưng Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chuyển tiền thanh toán lãi, gốc trái phiếu vào tài khoản của người sở hữu trái phiếu sau ngày thanh toán lãi, gốc trái phiếu, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ phải trả tiền lãi chậm thanh toán cho người chủ sở hữu trái phiếu. Số tiền lãi chậm thanh toán mà Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phải trả cũng được xác định theo công thức trên.

Đối với phương thức đại lý phát hành, quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn được thực hiện như sau:

- Đối với trái phiếu được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu được thực hiện như phương thức đấu thầu hoặc bảo lãnh phát hành;

- Đối với trái phiếu không được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu được thực hiện theo hợp đồng đại lý giữa Kho bạc Nhà nước và tổ chức đại lý.

Đối với phương thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn được thực hiện như sau:



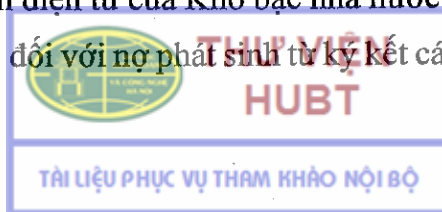
- Đối với trái phiếu được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, quy trình thanh toán lãi, gốc trái phiếu được thực hiện như phương thức đấu thầu hoặc bảo lãnh phát hành;

- Đối với trái phiếu không được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu được thực hiện theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước.

Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ có liên quan đến thanh toán trái phiếu theo quy định. Chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, Kho bạc nhà nước báo cáo Bộ Tài chính tình hình thanh toán trái phiếu của tháng trước bao gồm: (i) Tổng khối lượng gốc, lãi trái phiếu thanh toán trong tháng báo cáo; (ii) Tổng khối lượng gốc, lãi trái phiếu dự kiến thanh toán trong tháng tiếp theo.

Đối với các trái phiếu được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong năm tiếp theo trên trang tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Đối với các trái phiếu phát hành theo phương thức đại lý hoặc bán lẻ và không được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Kho bạc nhà nước công bố thông tin về thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong năm tiếp theo trên trang tin điện tử của Kho bạc nhà nước.

**Thứ hai,** đối với nợ phát sinh từ ký kết các thỏa thuận vay.



Huy động vốn cho đầu tư phát triển, ngoài việc phát hành các công cụ nợ, Chính phủ còn có thể sử dụng các hình thức ký kết các thỏa thuận vay với các chủ nợ thông qua hoạt động của tín dụng nhà nước. Điển hình trong ký kết các thỏa thuận vay nợ của Chính phủ là ký kết các thỏa thuận hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi. Từ đó làm phát sinh nghĩa vụ nợ Chính phủ thông qua ký kết các thỏa thuận vay. Kéo theo đó ngân sách nhà nước, mà trực tiếp là ngân sách trung ương phải bố trí chi trả khoản nợ này.

Các khoản Chính phủ đi vay theo thỏa thuận phải trả cho bên cho vay tiền lãi phải trả hàng năm và nợ gốc khi đáo hạn.

Theo cơ chế phân cấp quản lý ở Việt Nam hiện hành, Bộ Tài chính được giao trách nhiệm là đại diện “Bên vay” của Chính phủ và Nhà nước Việt Nam đối với các khoản vay nước ngoài. Nên Bộ Tài chính có nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch bố trí nguồn vốn trả nợ và thực hiện thanh toán hoàn trả nợ nước ngoài của Chính phủ và Nhà nước Việt Nam. Do vậy, trong từng năm ngân sách, căn cứ vào kế hoạch trả nợ nước ngoài đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, Bộ Tài chính thực hiện việc chi trả nợ lãi, nợ gốc của các khoản vay này theo đúng mức, đúng thời gian đã được quy định trong các hợp đồng vay vốn mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với chính phủ các nước cho vay.

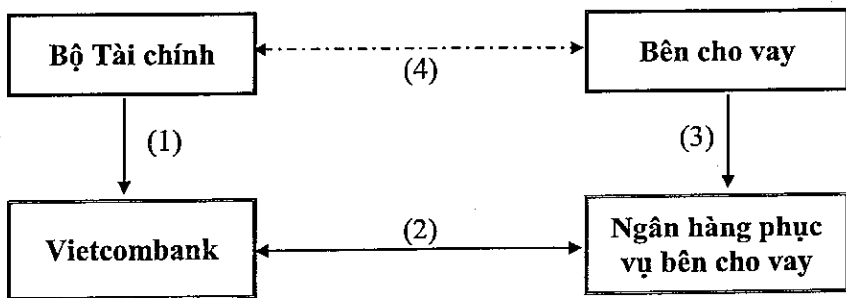
Chi trả nợ được thực hiện theo hình thức Lệnh chi tiền. Căn cứ Lệnh chi tiền của Bộ Tài chính - “Bên vay”, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) sẽ trích chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi của ngân sách trung



ương để chuyển vào tài khoản tiền gửi của “Bên cho vay” ở ngân hàng đã được ghi trong hiệp định vay vốn.

Căn cứ vào các nghiệp vụ chi trả nợ thực tế phát sinh, Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán các khoản chi trả lãi hạch toán vào chi ngân sách nhà nước; các khoản chi trả nợ gốc hạch toán giảm số dư nợ ngân sách nhà nước.

Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tài chính các cấp có thể độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi về việc chấp hành các quy định quản lý tài chính hiện đang có hiệu lực thi hành.



### Sơ đồ 4.3. Quy trình thanh toán trả nợ nước ngoài

- (1) Lệnh chi tiền từ Bộ Tài chính - Bên vay.
- (2) Vietcombank thực hiện giao dịch thanh toán với ngân hàng phục vụ bên cho vay.
- (3) Ngân hàng phục vụ Bên cho vay gửi Giấy báo Có cho Bên cho vay.



(4) Trao đổi thông tin giữa Bên vay và Bên cho vay.

#### 4.2.2.2. Chi trả nợ của chính quyền địa phương

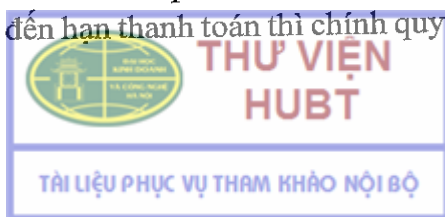
Nợ chính quyền địa phương là khoản nợ phát sinh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay. Chính quyền địa phương cấp tỉnh có thể vay nợ theo các hình thức: (i) phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường vốn trong nước; (ii) vay lại từ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; (iii) vay từ các nguồn tài chính khác trong nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Khi chính quyền địa phương cấp tỉnh đi vay sẽ làm phát sinh nghĩa vụ nợ của chính quyền địa phương cấp tỉnh. Nên ngân sách cấp tỉnh ở các địa phương có dư nợ vay phải bố trí để thanh toán chi trả các khoản có liên quan đến khoản nợ này. Các nghiệp vụ cơ bản có liên quan đến chấp hành và quyết toán chi trả nợ của chính quyền địa phương cấp tỉnh, phụ thuộc vào hình thức phát sinh các khoản nợ vay.

**Một là**, nợ chính quyền địa phương phát sinh từ phát hành trái phiếu.

Kể từ năm ngân sách 2017, chính quyền địa phương cấp tỉnh có thể được phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để huy động vốn cho đầu tư nếu mức dư nợ của chính quyền địa phương cấp tỉnh nằm trong giới hạn cho phép. Kéo theo đó, chính quyền địa phương cấp tỉnh cũng phải đáp ứng các nhu cầu chi có liên quan đến thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn.

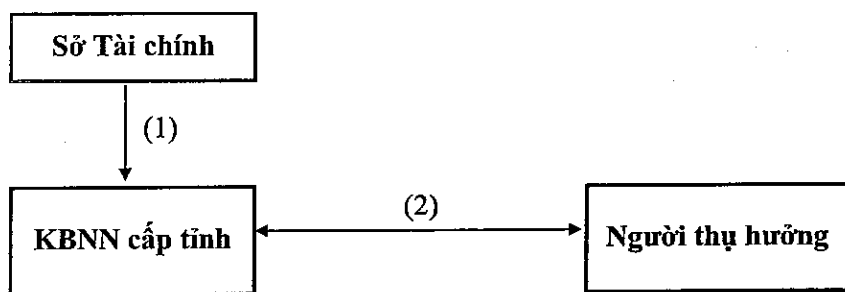
Về nguyên tắc các trái phiếu do chính quyền địa phương phát hành, khi đến hạn thanh toán thì chính quyền địa phương



phải bố trí nguồn để chi trả kịp thời, đầy đủ cho các chủ sở hữu trái phiếu.

Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh, nguồn thanh toán lãi, gốc trái phiếu được đảm bảo từ ngân sách cấp tỉnh. Đối với các chương trình, dự án đầu tư có khả năng hoàn vốn tại địa phương, nguồn thanh toán lãi, gốc trái phiếu từ nguồn thu hợp pháp của các chương trình, dự án này. Trường hợp nguồn thu của dự án không đủ khả năng thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn từ ngân sách cấp tỉnh để chi trả.

Thanh toán lãi, gốc trái phiếu chính quyền địa phương được thực hiện theo hình thức Lệnh chi tiền.



#### Sơ đồ 4.4. Quy trình thanh toán trái phiếu chính quyền địa phương

(1) Lệnh chi tiền từ Sở Tài chính.

(2) Kho bạc nhà nước tỉnh chi trả thanh toán cho người thụ hưởng.



**Hai là, nợ chính quyền địa phương từ các khoản vay của Chính phủ.**

Chính quyền địa phương cấp tỉnh có thể vay lại các khoản mà Chính phủ đã vay để tạo nguồn cho đầu tư phát triển ở địa phương nếu đáp ứng được các điều kiện của các khoản vay về cho vay lại theo quy định. Trong trường hợp này chính quyền địa phương cấp tỉnh - đi vay, phải tuân thủ đầy đủ các quy định về chấp hành và quyết toán chi trả nợ Chính phủ và các điều kiện khác mà Chính phủ quy định đối với mỗi khoản cho vay.

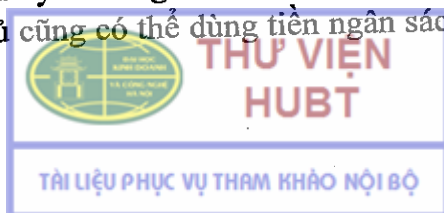
### **4.2.3. Chi viện trợ và các khoản chi khác**

#### **4.2.3.1. Khái niệm, nội dung chi viện trợ và các khoản chi khác**

Trong nội dung chi ngân sách nhà nước, ngoài những khoản chi chiếm tỷ trọng lớn như chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, còn có một số khoản chi chiếm tỷ trọng không lớn nhưng cũng phát sinh hàng năm, như: chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi trả lãi, phí có liên quan đến các khoản vay của Chính phủ hoặc chính quyền địa phương,... nhằm cung cấp nguồn tài chính cho Chính phủ và chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với mục đích của mỗi khoản chi đó.

**Thứ nhất, chi viện trợ.**

Chi viện trợ là các khoản chi của Chính phủ nhằm tài trợ cho các chính phủ khác theo các hiệp định hoặc thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Ngoài ra, trong những trường hợp cụ thể Chính phủ cũng có thể dùng tiền ngân sách nhà nước để





tài trợ cho các chính phủ, chính quyền địa phương hay một tổ chức nào đó của nước ngoài, mỗi khi họ gặp phải những rủi ro gây thiệt hại đến người và tài sản. Bản chất của chi viện trợ từ ngân sách nhà nước vừa mang tính chất kinh tế, vừa mang tính chất nhân văn. Đặt trong bối cảnh của nền kinh tế hội nhập, chi viện trợ từ ngân sách nhà nước càng giúp cho quá trình xây dựng và phát triển quan hệ bang giao giữa nước ta và các nước khác ngày càng tốt hơn.

Xét theo phương thức phát sinh của khoản chi, thì chi viện trợ bao gồm: viện trợ theo các văn bản đã ký kết giữa các chính phủ; và viện trợ đột xuất.

Viện trợ theo các văn bản đã ký kết giữa các chính phủ là phương thức viện trợ của nước tài trợ cho nước nhận tài trợ sau khi chính phủ hai nước đã ký kết với nhau các văn bản dưới hình thức Nghị định thư (Protocol) hoặc Hiệp định (Agreement). Mục đích của khoản viện trợ này nhằm hỗ trợ chính phủ nước nhận tài trợ về cơ sở vật chất hoặc cải cách ở một số lĩnh vực nào đó. Ví dụ: Chính phủ Việt Nam viện trợ cho Chính phủ Lào xây dựng tòa nhà quốc hội trong các năm 2017 - 2018.

Viện trợ đột xuất là phương thức viện trợ của chính phủ nước tài trợ cho chính phủ hoặc các tổ chức của nước nhận tài trợ để giải quyết những khó khăn khách quan bất ngờ xảy ra làm ảnh hưởng đáng kể đến kinh tế, xã hội. Các khó khăn bất ngờ xảy ra thường xếp vào diện phải chi viện trợ, bao gồm: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, tai nạn thảm khốc, ... Quy mô và tần suất xuất hiện các khoản viện trợ này tùy thuộc vào mối quan hệ giữa các chính phủ trong quá khứ và tương lai.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**Thứ hai**, chi bổ sung dự trữ tài chính.

Quỹ dự trữ tài chính là quỹ thuộc ngân sách nhà nước, nhưng chỉ có ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh mới được phép tạo lập và sử dụng quỹ này. Mục đích tạo lập quỹ dự trữ tài chính là để giải quyết mọi quan hệ cân đối giữa thu và chi ngân sách nhà nước trong quá trình chấp hành, góp phần ổn định kinh tế, xã hội trong những trường hợp xảy ra những biến cố ngoài kế hoạch.

Ở Việt Nam, quy mô quỹ dự trữ tài chính ở các cấp ngân sách được phép trích lập được ấn định ở mức bằng hoặc nhỏ hơn 25% tổng chi ngân sách của cấp đó cùng kỳ. Ví dụ tổng chi ngân sách cấp tỉnh năm kế hoạch của tỉnh A là 6.000 tỷ đồng, thì quỹ dự trữ tài chính của nó năm kế hoạch tối đa là 1.500 tỷ đồng.

Ở những cấp ngân sách được trích lập quỹ dự trữ tài chính chỉ được phép phát sinh chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính khi số dư quỹ dự trữ tài chính cuối năm báo cáo nhỏ hơn quy mô quỹ dự trữ tài chính đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Ví dụ số dư quỹ dự trữ tài chính của ngân sách cấp tỉnh của tỉnh B dự kiến cuối năm báo cáo là 1.500 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh của tỉnh B năm kế hoạch dự kiến là 6.400 tỷ đồng. Hội đồng nhân dân tỉnh B chấp nhận quy mô quỹ dự trữ tài chính của ngân sách cấp tỉnh bằng 25% tổng chi ngân sách cùng kỳ. Theo đó chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính năm kế hoạch của ngân sách cấp tỉnh ở tỉnh B chỉ là 100 tỷ đồng.



#### ***4.2.3.2. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi viện trợ***

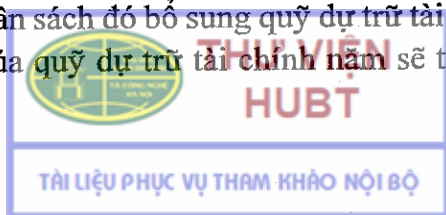
Đối với các khoản chi đã được xác định trong các Nghị định thư hoặc Hiệp định: căn cứ vào thỏa thuận đã ký giữa hai chính phủ về tiến độ giải ngân nguồn vốn viện trợ, Bộ Tài chính tiến hành chuyển vốn viện trợ cho bên nhận thông qua ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Cuối năm căn cứ vào số vốn viện trợ đã chuyển và số vốn viện trợ bên nhận thực tế đã sử dụng, Bộ Tài chính phản ánh vào báo cáo quyết toán ngân sách trung ương và tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ để Chính phủ trình Quốc hội thảo luận và phê chuẩn.

Đối với các khoản chi viện trợ đột xuất: căn cứ vào số chi viện trợ theo lệnh của Chính phủ thực tế phát sinh, Bộ Tài chính hạch toán vào chi ngân sách trung ương. Cuối năm các khoản thực chi viện trợ đột xuất được phản ánh vào báo cáo quyết toán ngân sách trung ương và tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ để Chính phủ trình Quốc hội thảo luận và phê chuẩn.

#### ***4.2.3.3. Tổ chức chấp hành và quyết toán chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính***

Ở những cấp ngân sách có kết dư ngân sách năm đã qua, khi kết thúc thời gian chính lý quyết toán đã xác định được số kết dư ngân sách năm đã qua thì xử lý như sau:

Nếu 50% kết dư ngân sách năm đã qua nhỏ hơn số cần bổ sung quỹ dự trữ tài chính năm đã được duyệt, thì dành 50% số kết dư ngân sách đó bổ sung quỹ dự trữ tài chính; số chênh lệch thiếu của quỹ dự trữ tài chính năm sẽ tiếp tục được bổ



sung từ chi ngân sách theo kế hoạch đã được duyệt.

Nếu 50% kết dư ngân sách năm đã qua lớn hơn số cần bổ sung quỹ dự trữ tài chính năm đã được duyệt, thì sau khi dành số kết dư ngân sách bổ sung đủ quỹ dự trữ tài chính năm; toàn bộ số kết dư còn lại được ghi thu ngân sách năm báo cáo.

Kho bạc Nhà nước có nhiệm vụ hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có liên quan đến sự biến động của quỹ dự trữ tài chính ở các cấp ngân sách và cung cấp thông tin cho cơ quan tài chính cấp tỉnh và trung ương. Cơ quan tài chính ở các cấp ngân sách có phát sinh chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính phải tổng hợp số chi này và phản ánh vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thảo luận và phê chuẩn quyết toán ngân sách.

### **Câu hỏi ôn tập:**

1. Phân tích nội dung các bước trong phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.
2. Trình bày quy trình, nội dung kiểm soát cam kết chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước.
3. Trình bày quy trình, nội dung kiểm soát các khoản tạm ứng, kiểm soát các khoản thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.
4. Hệ thống báo cáo tài chính tình hình thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước bao gồm những báo cáo nào? Nêu nội dung cơ bản của các loại báo cáo đó?
5. Trình bày nội dung các bước trong quy trình quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

6. Trình bày các nội dung tổ chức chấp hành chi trả nợ vay.

7. Trình bày các nội dung tổ chức chấp hành và quyết toán chi dự trữ quốc gia.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Tài chính (2005), *Tài chính công - Finances Publiques*, NXB Chính trị Quốc gia; Chương 3, Thực hiện dự toán ngân sách hàng năm (tr.425 - 525).

2. Barry H. Potter và Jack Diamond (1999), *Hướng dẫn Quản lý chi tiêu công*, IMF, phần 4.

3. Campo Salvatore Schiavo and Tommasi Daniel (1999), *Quản lý chi tiêu công*, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Chương 7.

4. IMF & WB (2001), *Hướng dẫn quản lý nợ công*.

5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật Quản lý nợ công*.

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Dự trữ quốc gia*.

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách nhà nước*.

8. Richard Allen, Richard Hemming and Barry H. Potter (2013), *Sổ tay Quản lý Tài chính công*, Ngân hàng Thế giới (WB), Chương 13.



## Chương 5

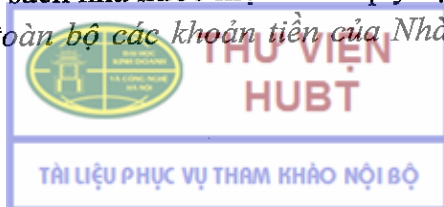
# QUẢN LÝ NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NƯỚC

Trong quản lý chi ngân sách nhà nước, quản lý ngân quỹ nhà nước nhằm đảm bảo ngân quỹ sẵn có đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo tiến độ và dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời góp phần thực hiện các mục tiêu kỷ luật tài khóa, hiệu quả phân bổ và hiệu quả hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước. Mục tiêu của chương này nhằm cung cấp cho người học hiểu rõ được những vấn đề lý luận và nghiệp vụ về ngân quỹ nhà nước và quản lý ngân quỹ trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Vì vậy, nội dung chính của chương gồm: (i) Khái niệm và nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước; (ii) Khái niệm quản lý ngân quỹ nhà nước; nội dung quản lý ngân quỹ nhà nước trong quản lý chi ngân sách nhà nước như xây dựng kế hoạch luồng tiền, xử lý thiếu hụt ngân quỹ tạm thời, quản lý rủi ro ngân quỹ và sử dụng tài khoản thanh toán tập trung.

### 5.1. NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

#### 5.1.1. Khái niệm ngân quỹ nhà nước

Luật Ngân sách nhà nước hiện hành quy định: “Ngân quỹ nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước có trên



*các tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại, tiền mặt tại các đơn vị Kho bạc Nhà nước”.*

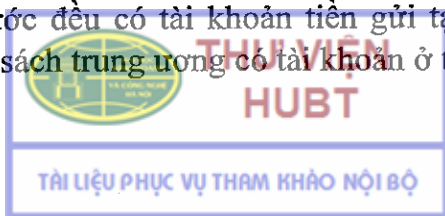
Tiền của nhà nước bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ, là tiền mặt có tại các đơn vị kho bạc nhà nước và số dư tài khoản tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng. Ngân quỹ nhà nước biến động không ngừng thông qua các dòng tiền thu vào và chi ra của Nhà nước phát sinh thường xuyên và liên tục theo thời gian.

### **5.1.2. Nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước**

Ngân quỹ nhà nước được hình thành từ quỹ ngân sách nhà nước các cấp, quỹ dự trữ tài chính của Nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và tiền gửi của các đơn vị, tổ chức tại Kho bạc Nhà nước.

**Thứ nhất**, nguồn quỹ ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ tài chính.

Quỹ ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của nhà nước, kể cả tiền vay có trên tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp tại một thời điểm. Vì vậy, các nguồn tài chính tập trung vào quỹ ngân sách nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi ngân sách nhà nước bao gồm các nguồn thu của ngân sách nhà nước, các khoản vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, kể cả các khoản viện trợ hoàn lại của các nước và các tổ chức quốc tế. Trong ngân quỹ nhà nước, quỹ ngân sách nhà nước là nguồn ngân quỹ quan trọng nhất. Mỗi cấp ngân sách nhà nước đều có tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước. Ngân sách trung ương có tài khoản ở tất cả các đơn vị



Kho bạc Nhà nước trên phạm vi toàn quốc. Ngân sách cấp tỉnh có tài khoản ở tất cả các đơn vị Kho bạc Nhà nước trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoại trừ Kho bạc Nhà nước Việt Nam giữ vai trò là Kho bạc Trung ương. Ngân sách cấp huyện, xã có tài khoản ở Kho bạc Nhà nước cấp huyện hoặc liên huyện.

Quỹ dự trữ tài chính là quỹ của Nhà nước, hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định. Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập quỹ dự trữ tài chính từ các nguồn tăng thu, kết dư ngân sách, bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm và các nguồn tài chính khác theo quy định. Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp đó.

Số dư tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp, số dư quỹ dự trữ tài chính của Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước.

**Thứ hai,** nguồn các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại Kho bạc Nhà nước.

Quỹ ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Số dư tài khoản của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước là nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước.

**Thứ ba,** nguồn khác.





Kho bạc Nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, có nhiệm vụ tổ chức quản lý, điều hành ngân quỹ nhà nước tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống; mở tài khoản, kiểm soát tài khoản tiền gửi và thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản đối với tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch với Kho bạc Nhà nước. Vì vậy, ngoài quỹ ngân sách nhà nước các cấp, quỹ dự trữ tài chính của Nhà nước và các quỹ tài chính ngoài ngân sách thì pháp luật có quy định cụ thể các đơn vị, tổ chức phải mở và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước của các đơn vị, tổ chức là nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước.

Các đơn vị, tổ chức phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước là các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên.

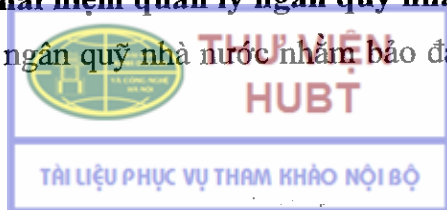
Các đơn vị được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước gồm:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mở tài khoản tạm thu, tạm giữ; các đơn vị dự toán mở tài khoản tiền gửi.
- Các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ, liên doanh, liên kết.
- Các đơn vị, tổ chức kinh tế khác mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

## 5.2. QUẢN LÝ NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

### 5.2.1. Khái niệm quản lý ngân quỹ nhà nước

Quản lý ngân quỹ nhà nước nhằm bảo đảm ngân quỹ sẵn



có đáp ứng kịp thời, đầy đủ các nhu cầu chi tiêu cần thiết tại mọi thời điểm và thặng dư ngân quỹ được sử dụng hiệu quả. Trong chu trình ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách là thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được cơ quan quyền lực nhà nước quyết định và cấp có thẩm quyền giao. Ngân quỹ nhà nước được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau và được sử dụng để tạm ứng, thanh toán các khoản chi của Nhà nước; trong đó có tạm ứng, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước. Ngân quỹ nhà nước luôn ở trạng thái động, vận động không ngừng tùy thuộc vào sự vận động của luồng tiền vào và luồng tiền ra khỏi ngân quỹ nhà nước. Vì vậy, cơ quan quản lý ngân quỹ nhà nước phải sử dụng các công cụ, phương pháp tác động thích hợp vào sự vận động của ngân quỹ nhà nước nhằm bảo đảm ngân quỹ sẵn có tại mọi thời điểm đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ chi trả của Nhà nước.

Những phân tích nêu trên cho phép rút ra kết luận: *Quản lý ngân quỹ nhà nước trong quản lý chi ngân sách nhà nước là quá trình cơ quan quản lý ngân quỹ nhà nước sử dụng các công cụ, biện pháp thích hợp để tác động vào sự vận động ngân quỹ nhà nước nhằm bảo đảm ngân quỹ sẵn có tại mọi thời điểm đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo tiến độ và dự toán chi ngân sách nhà nước.*

Ở Việt Nam, Kho bạc Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất ngân quỹ nhà nước để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán các khoản chi của Nhà nước và các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; bảo đảm quản lý an toàn và sử dụng có hiệu quả ngân quỹ nhà nước.



Các công cụ, biện pháp quản lý ngân quỹ nhà nước bao gồm: xây dựng kế hoạch luồng tiền; xử lý thiếu hụt ngân quỹ tạm thời; thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước; xây dựng và duy trì hệ thống tài khoản thanh toán tập trung của Kho bạc Nhà nước.

Trong quản lý chi ngân sách nhà nước, mục tiêu quan trọng nhất của quản lý ngân quỹ nhà nước là đảm bảo ngân quỹ sẵn có của cả hệ thống Kho bạc Nhà nước và từng đơn vị Kho bạc Nhà nước tại mọi thời điểm đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo tiến độ và dự toán chi ngân sách nhà nước của các cấp chính quyền và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

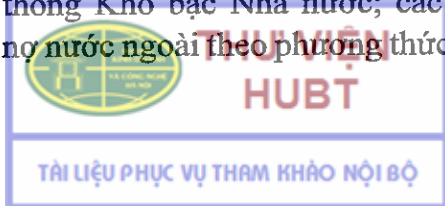
### 5.2.2. Xây dựng kế hoạch luồng tiền

Xây dựng kế hoạch luồng tiền thực chất là dự báo luồng tiền vào và ra ngân quỹ nhà nước.

Dự báo luồng tiền là việc dự kiến khả năng thu, nhu cầu chi ngân quỹ, chênh lệch giữa khả năng thu và nhu cầu chi ngân quỹ nhà nước theo tháng, quý và năm.

Dự báo luồng tiền phải được cập nhật thường xuyên hàng tháng phù hợp với những thay đổi tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế hoặc những thay đổi về chính sách có liên quan đến các nguồn hình thành ngân quỹ nhà nước.

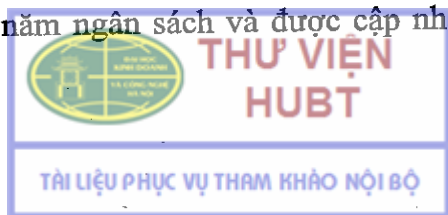
Dự báo luồng tiền không bao gồm các khoản thu, chi ngân quỹ nhà nước chỉ mang tính chất chuyển nguồn, chuyển quỹ, không ảnh hưởng đến sự biến động tồn ngân quỹ nhà nước của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước; các khoản thu, chi viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ trực tiếp



cho các chương trình, dự án, không thực hiện thanh toán qua Kho bạc Nhà nước; các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

Trong chấp hành chi ngân sách nhà nước, mục đích của dự báo luồng tiền là xây dựng kế hoạch về thu, chi ngân quỹ và đảm bảo ngân quỹ sẵn có đáp ứng đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước tại mọi thời điểm. Từ đó góp phần bảo đảm chi ngân sách nhà nước được thực hiện đúng theo dự toán và đảm bảo khả năng thanh toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách, khắc phục nợ đọng trong thanh toán chi ngân sách nhà nước.

Ngân quỹ nhà nước, đặc biệt là quỹ ngân sách nhà nước có đặc điểm là biến động không ngừng với các luồng tiền vào và tiền ra được tạo ra từ thuế, chi tiêu, vay nợ và các giao dịch vốn khác. Mức sẵn có của ngân quỹ có những thay đổi do sự khác biệt giữa thực hiện thu ngân sách và thực hiện các khoản chi ngân sách. Nếu chi tiêu thường xuyên ngân sách diễn ra đều đặn trong một năm, thì việc thu ngân sách lại chủ yếu tập trung tại một số thời gian nhất định mặc dù đã có những quy định về kỳ nộp thuế hàng tháng. Các khoản chi không thường xuyên và thanh toán nợ phụ thuộc vào việc dự báo các nguồn thu và kế hoạch vay nợ. Vì vậy, quản lý ngân quỹ cần thiết phải dự báo đáng tin cậy về các luồng tiền thu vào và chi ra, biến động thường xuyên và không thường xuyên của mức ngân quỹ sẵn có, gắn với các kế hoạch cam kết chi và kế hoạch thực hiện ngân sách của từng đơn vị sử dụng ngân sách. Theo thông lệ quốc tế, dự báo dòng tiền cần được lập cho năm ngân sách và được cập nhật hàng tháng



trên cơ sở luồng tiền vào và ra thực tế, các đơn vị dự toán có khả năng lập kế hoạch chi và cam kết chi tối thiểu sáu tháng trước thời điểm thanh toán các khoản chi theo dự toán ngân sách được giao và thông báo hạn mức ngân sách thanh toán.

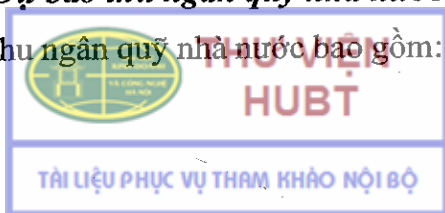
Hiện nay ở Việt Nam, kế hoạch luồng tiền được dự báo và lập kế hoạch theo quý, có chia ra tháng và kế hoạch năm, có chia ra quý. Ngoài ra, tùy theo tình hình thu, chi ngân quỹ nhà nước và yêu cầu quản lý, Kho bạc Nhà nước có thể lập dự báo và lập kế hoạch luồng tiền theo tháng, tuần hoặc ngày.

Dự báo luồng tiền trong quản lý ngân quỹ nhà nước có hai nội dung chính đó là dự báo dòng tiền thu ngân quỹ và dự báo dòng tiền chi ngân quỹ. Các nội dung dự báo này dựa trên các nguồn thông tin được kết nối có hệ thống giữa các cơ quan tài chính, cơ quan thu ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng, đơn vị dự toán; dựa trên cơ sở kế toán tiền mặt hoặc dồn tích và các tài liệu ngân sách có liên quan.

Dự báo luồng tiền không bao gồm các khoản thu, chi ngân quỹ nhà nước chỉ mang tính chất chuyển nguồn, chuyển quỹ, không ảnh hưởng đến sự biến động tồn ngân quỹ nhà nước của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước; các khoản thu, chi viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ trực tiếp cho các chương trình, dự án, không thực hiện thanh toán qua Kho bạc Nhà nước; các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

#### **5.2.2.1. Dự báo thu ngân quỹ nhà nước**

Dự báo thu ngân quỹ nhà nước bao gồm: dự báo thu ngân



quỹ ngân sách nhà nước, thu các quỹ tài chính nhà nước khác và các khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước, các khoản vay của ngân sách nhà nước; các khoản ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi đến hạn thu hồi.

Dự báo thu ngân quỹ nhà nước được thực hiện theo phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu lịch sử về thu ngân quỹ theo thời gian, gắn với dự báo tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

Nguồn thông tin dự báo thu ngân quỹ nhà nước:

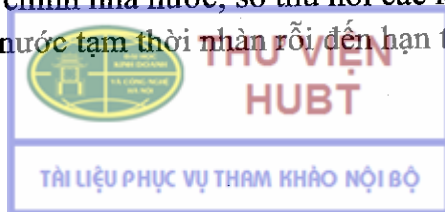
- Tổng cục Thuế xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về tổng số thu thuộc phạm vi quản lý; chi tiết số thu nội địa, thu dầu thô.

- Tổng cục Hải quan xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về số thu ngân sách nhà nước từ hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về các khoản vay và viện trợ nước ngoài trực tiếp cho ngân sách nhà nước.

- Vụ Ngân sách nhà nước xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về các khoản vay khác của ngân sách nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước xác định số vay qua phát hành trái phiếu Chính phủ để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển; số thu tiền gửi của các đơn vị giao dịch và các quỹ tài chính nhà nước; số thu hồi các khoản sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi đến hạn trong kỳ.



### 5.2.2.2. Dự báo chi ngân quỹ nhà nước

Dự báo chi ngân quỹ nhà nước bao gồm chi ngân sách nhà nước, chi trả nợ đến hạn, các khoản chi tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước. Chi ngân sách nhà nước bao gồm chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi trả hoàn thuế giá trị gia tăng; không bao gồm chi trả nợ thuộc phạm vi ngân sách nhà nước. Chi trả nợ đến hạn bao gồm trả nợ trong nước như chi trả trái phiếu Chính phủ, trả nợ vay Bảo hiểm Xã hội Việt Nam...; trả nợ nước ngoài và các khoản thanh toán nợ khác.

Dự báo chi ngân quỹ nhà nước chủ yếu theo phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu kế hoạch chi, số liệu lịch sử chi ngân quỹ theo thời gian gắn với dự báo tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

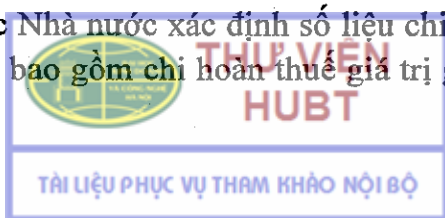
Nguồn thông tin dự báo chi ngân quỹ nhà nước:

- Tổng cục Thuế xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về số chi hoàn thuế giá trị gia tăng.

- Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về các khoản trả nợ vay nước ngoài đến hạn trong kỳ.

- Vụ Ngân sách nhà nước xác định và cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước về trả nợ các khoản vay khác của ngân sách nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước xác định số liệu chi ngân sách nhà nước, không bao gồm chi hoàn thuế giá trị gia tăng; trả nợ



vay qua phát hành trái phiếu Chính phủ để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển; các khoản trả nợ vay phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ; số chi tiền gửi của các đơn vị giao dịch và các quỹ tài chính nhà nước.

Dự báo khoản chi ngân quỹ nhà nước phải phù hợp với những ràng buộc về kỷ luật tài khóa, phù hợp với dự toán chi ngân sách nhà nước và các cam kết chi, tương ứng với kế hoạch dự báo thu ngân quỹ nhà nước và giảm thiểu các chi phí thanh toán.

### 5.2.2.3. Xác định khả năng ngân quỹ tạm thời nhàn rỗi hoặc thiếu hụt

Ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi hoặc tạm thời thiếu hụt được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Số dư} \\ \text{ngân} \\ \text{quỹ} \\ \text{tạm} \\ \text{thời} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Tồn} \\ \text{ngân} \\ \text{quỹ} \\ \text{ước} \\ \text{tính} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tổng} \\ \text{khả} \\ \text{năng thu} \\ \text{ngân} \\ \text{quỹ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Tổng nhu} \\ \text{cầu chi} \\ \text{ngân quỹ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Định} \\ \text{mức tồn} \\ \text{ngân quỹ} \\ \text{tối thiểu} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó, tổng khả năng thu ngân quỹ trong kỳ bao gồm cả các khoản sử dụng ngân quỹ đến hạn thu hồi; tổng nhu cầu chi ngân quỹ trong kỳ bao gồm cả các khoản hoàn trả tiền vay bù đắp ngân quỹ tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ.

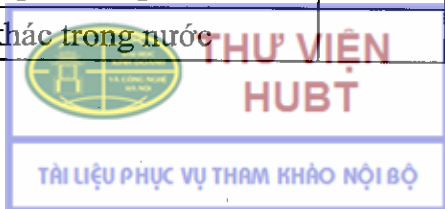




**Bảng 5.1. Dự báo luồng tiền tổng hợp theo quý, năm**

*Đơn vị: tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Dự báo quý/năm n		
		Tháng, quý...	Tháng, quý...	...
1	Tồn ngân quỹ nhà nước đầu kỳ			
2	Dự kiến tổng thu ngân quỹ nhà nước trong kỳ ( $2 = 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4$ )			
2.1	Thu ngân sách nhà nước ( $2.1 = 2.1.1 + 2.1.2 + 2.1.3 + 2.1.4$ )			
2.1.1	Thu nội địa			
2.1.2	Thu từ dầu thô			
2.1.3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
2.1.4	Thu khác			
2.2	Thu huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển ( $2.2 = 2.2.1 + 2.2.2 + 2.2.3$ )			
2.2.1	Huy động vốn trái phiếu Chính phủ trong nước			
2.2.2	Vay khác trong nước			



2.2.3	Vay nước ngoài			
2.3	<i>Thu hồi các khoản sử dụng ngân quỹ nhà nước đến hạn trong kỳ</i>			
2.4	<i>Thu tiền gửi và các quỹ tài chính nhà nước</i>			
3	Dự kiến tổng chi ngân quỹ nhà nước trong kỳ (3= 3.1 + 3.2 + 3.3 + 3.4)			
3.1	<i>Chi ngân sách nhà nước (3.1 = 3.1.1 + 3.1.2 + 3.1.3)</i>			
3.1.1	Chi thường xuyên			
3.1.2	Chi đầu tư			
3.1.3	Chi hoàn thuế giá trị gia tăng			
3.2	<i>Chi trả nợ (3.2 = 3.2.1 + 3.2.2 + 3.2.3)</i>			
3.2.1	Chi trả nợ trái phiếu, tín phiếu huy động trong nước			
3.2.2	Chi trả nợ trong nước khác			
3.2.3	Chi trả nợ nước ngoài			
3.3	<i>Chi trả tín phiếu vay bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ</i>			



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

3.4	<i>Chi tiền gửi và các quỹ tài chính nhà nước</i>			
4	<b>Tồn ngân quỹ nhà nước cuối kỳ (4=1+2-3)</b>			

*Nguồn:* Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016, hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

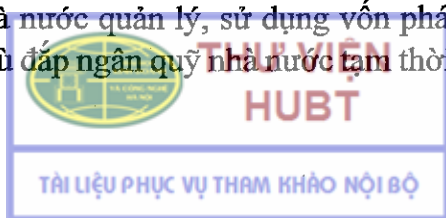
### 5.2.2. Xử lý ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt

Ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt là phần chênh lệch âm giữa dự báo thu và dự báo chi trong kỳ và phần chênh lệch giữa định mức tồn ngân quỹ nhà nước tối thiểu cuối kỳ và tồn ngân quỹ nhà nước đầu kỳ.

Ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt được bù đắp từ các nguồn: Phát hành tín phiếu kho bạc; Thu hồi trước hạn các khoản đang gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

Phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt có các kỳ hạn tối đa không quá 03 tháng. Quy trình, thủ tục về phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt được thực hiện theo quy định hiện hành về việc phát hành trái phiếu Chính phủ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành tín phiếu kho bạc bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt được sử dụng để đảm bảo khả năng thanh khoản của Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước quản lý, sử dụng vốn phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt; bố trí



nguồn để hoàn trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Các Khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán tín phiếu kho bạc để bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt là một khoản chi nghiệp vụ quản lý ngân quỹ nhà nước. Mức phí chi trả được thực hiện theo mức phí đấu thầu tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền vay bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt được hạch toán riêng và không tính vào bội chi ngân sách nhà nước. Chi trả lãi vay bù đắp ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt được tính trong chi nghiệp vụ quản lý ngân quỹ nhà nước; không thực hiện cấp phát từ ngân sách nhà nước đối với khoản chi trả lãi.

### **5.2.3. Quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước**

Trong quá trình chấp hành chi ngân sách nhà nước Kho bạc nhà nước cần nhận định được các rủi ro đối với các hoạt động quản lý ngân quỹ và có các biện pháp xử lý rủi ro. Quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước gồm nhận dạng các loại rủi ro, đánh giá rủi ro và áp dụng các phương pháp phòng ngừa đối với các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước.

#### **5.2.3.1. Phân loại rủi ro và yêu cầu quản lý rủi ro**

Rủi ro đối với hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước bao gồm rủi ro thanh toán; rủi ro trong hoạt động sử dụng ngân quỹ nhà nước; các loại rủi ro khác.

Rủi ro thanh toán là loại rủi ro phát sinh khi nguồn thu ngân quỹ nhà nước không đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi ngân quỹ nhà nước; hoặc do các khoản sử dụng ngân quỹ nhà nước



tạm thời nhàn rỗi chưa đến kỳ hạn thu hồi; hoặc các khoản vay, phát hành tín phiếu không đủ để đảm bảo các nhiệm vụ chi của ngân quỹ nhà nước.

Rủi ro trong hoạt động sử dụng ngân quỹ nhà nước là loại rủi ro phát sinh khi các khoản sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi không có khả năng thu hồi kịp thời và đầy đủ cả gốc và lãi khi đến hạn; hoặc do có sự biến động bất lợi về lãi suất trên thị trường tiền tệ hoặc sự biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái.

Các loại rủi ro khác là loại rủi ro phát sinh do đánh giá chưa chính xác mức độ ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi hoặc ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt; hoặc do hệ thống công nghệ thông tin bị trục trặc; hoặc do các sự kiện bất khả kháng khác.

Yêu cầu đối với quản lý rủi ro ngân quỹ nhà nước của Kho bạc nhà nước:

- Nhận dạng rủi ro và đánh giá khả năng ảnh hưởng của các rủi ro đến hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước.

- Đánh giá rủi ro được thực hiện thường xuyên theo tháng, quý, năm để có biện pháp quản lý ngân quỹ nhà nước và phòng ngừa rủi ro phù hợp; đồng thời, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính để có những chỉ đạo kịp thời, đảm bảo hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước luôn được an toàn.

### ***5.2.3.2. Công cụ và biện pháp phòng ngừa rủi ro***

***Thứ nhất***, quy định hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi.



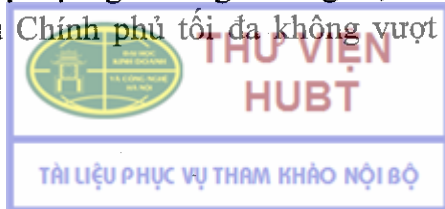
Ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi là phần ngân quỹ chênh lệch dương giữa dự báo thu và dự báo chi trong kỳ và phần chênh lệch giữa định mức tồn ngân quỹ nhà nước đầu kỳ và tồn ngân quỹ nhà nước cuối kỳ. Ngân quỹ nhà nước tạm rỗi nhàn rỗi được sử dụng để tạm ứng cho ngân sách nhà nước, gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại và mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ.

Quy định hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi nhằm hạn chế rủi ro ngân quỹ nhà nước không đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi ngân quỹ nhà nước. Hạn mức sử dụng quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi gồm hạn mức tạm ứng ngân quỹ cho ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và hạn mức sử dụng ngân quỹ gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại và mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ.

Hạn mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương được xác định căn cứ vào khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi và dư nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương hiện tại, tối đa không vượt quá khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi trong quý.

Hạn mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh tối đa không vượt quá 10% khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi trong quý; trong đó, đối với từng ngân sách cấp tỉnh đảm bảo tổng số dư nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước và các khoản dư nợ vay khác của ngân sách cấp tỉnh đó không vượt quá mức dư nợ vay tối đa theo quy định.

Hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại và mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ tối đa không vượt quá 50% khả



năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi trong quý. Trong đó, hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ tối đa không vượt quá 10% khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi trong quý.

**Thứ hai**, quy định định mức tồn ngân quỹ nhà nước tối thiểu.

Định mức tồn ngân quỹ nhà nước tối thiểu là mức ngân quỹ mà Kho bạc Nhà nước phải duy trì trên các tài khoản vốn bằng tiền (tiền gửi, tiền mặt, chứng chỉ có giá, tài khoản thanh toán tập trung) trong kỳ để đảm bảo an toàn khả năng thanh toán, chi trả cho ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch.

Định mức tồn ngân quỹ tối thiểu trong quý xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{tồn ngân quỹ} \\ \text{nha nước tối} \\ \text{thiểu trong} \\ \text{quý} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng nhu cầu chi} \\ \text{ngân quỹ nhà nước} \\ \text{trong quý kế hoạch} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số ngày làm việc} \\ \text{trong quý kế hoạch} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số} \\ \text{ngày} \\ \text{định} \\ \text{mức} \end{array}$$

Trong đó:

- Số ngày làm việc trong quý kế hoạch được quy định là 65 ngày.

- Số ngày định mức được quy định là 05 ngày và trường hợp cần thiết Kho bạc Nhà nước quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.



Trong quản lý ngân quỹ nhà nước, Kho bạc Nhà nước phải đảm bảo duy trì tồn ngân quỹ thực tế không thấp hơn định mức tồn ngân quỹ tối thiểu trong quỹ.

#### 5.2.4. Tài khoản thanh toán tập trung

Tài khoản thanh toán tập trung là một cấu trúc hợp nhất các tài khoản thanh toán của chính phủ, thông qua đó thực hiện các giao dịch thu, chi tài chính của chính phủ và quản lý ngân quỹ thống nhất. Theo thông lệ quốc tế, các số dư ngân quỹ được tập trung hiệu quả thông qua một tài khoản kho bạc duy nhất (TSA - Treasury Single Account). Tài khoản thanh toán tập trung là một tài khoản hoặc một hệ thống các tài khoản liên kết thông qua đó chính phủ thực hiện các khoản thanh toán.

Trong quản lý ngân quỹ nhà nước, Kho bạc Nhà nước có thể mở một tài khoản thanh toán tập trung tại Ngân hàng Nhà nước để tập trung toàn bộ ngân quỹ của hệ thống Kho bạc Nhà nước. Theo đó tất cả các khoản thu, chi ngân quỹ nhà nước được thực hiện thông qua tài khoản duy nhất này. Hoặc Kho bạc Nhà nước có thể mở tài khoản thanh toán tập trung tại Ngân hàng Nhà nước và tại các hệ thống ngân hàng thương mại. Hiện nay tài khoản thanh toán tập trung của Kho bạc Nhà nước Việt nam là hệ thống bao gồm tài khoản thanh toán tập trung của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước và tại các hệ thống ngân hàng thương mại.

Trong chấp hành ngân sách nhà nước, đòi hỏi tất cả các khoản thu ngân sách nhà nước phải được tập hợp vào một quỹ chung từ đó có thể đáp ứng nhu cầu chi tiêu ngân sách



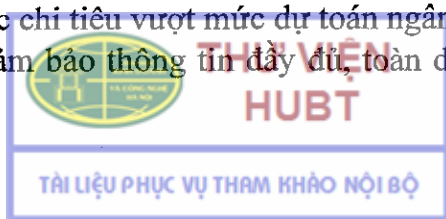


nhà nước. Sử dụng tài khoản thanh toán tập trung nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Kiểm soát tập trung và quản lý số dư ngân quỹ của chính phủ: Ngân quỹ bao gồm số dư tiền mặt được quản lý tại các Kho bạc Nhà nước và số dư tài khoản tiền gửi của các Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng khác nhau, vì vậy nếu không có một công cụ thanh toán để thống nhất ngân quỹ sẽ dẫn đến tình trạng nguồn lực bị phân tán, thiếu tập trung, làm ảnh hưởng tính thanh khoản của hệ thống Kho bạc Nhà nước. Tài khoản thanh toán tập trung là công cụ để quản lý tập trung ngân quỹ nhà nước, các khoản thu được tập trung vào một tài khoản, từ đó xác định được mức độ sẵn có ngân quỹ để đảm bảo khả năng thanh toán của ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch có liên quan.

- Quản lý ngân quỹ hiệu quả: Thông qua các giao dịch thu, chi ngân quỹ được ghi chép trên một tài khoản duy nhất, cho phép dự báo chính xác dòng tiền thu vào và chi ra, mức tồn ngân quỹ, từ đó tối ưu hóa chi phí cho các hoạt động tài chính của chính phủ qua việc xác định chính xác thời điểm huy động vốn cũng như đầu tư nguồn vốn, giảm chi phí vay nợ và nhu cầu dự trữ ngân quỹ, tăng lợi nhuận đối với các khoản tiền dư thừa thông qua các khoản đầu tư tài chính.

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát chi ngân sách và hiệu quả hoạt động trong kỳ thực hiện ngân sách: Việc ghi nhận dòng tiền thu vào, chi ra trong tài khoản thanh toán tập trung có thể giám sát việc chi tiêu vượt mức dự toán ngân sách cho phép, đồng thời đảm bảo thông tin đầy đủ, toàn diện, kịp thời về



tình hình ngân quỹ nhà nước; từ đó có các kế hoạch cam kết chi nhằm thực hiện các hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Giúp đạt mục tiêu về kỷ luật tài khóa và hiệu quả phân bổ: Cung cấp các thông tin đáng tin cậy và hiệu quả về những thay đổi trong thu, chi thực tế so với kế hoạch tài chính, ngân sách, từ đó có các biện pháp kiểm soát chi tiêu tổng thể, hay điều chỉnh các kế hoạch đảm bảo hiệu quả phân bổ.

### **Câu hỏi ôn tập:**

1. Trình bày khái niệm ngân quỹ nhà nước.
2. Ngân quỹ nhà nước được hình thành từ những nguồn nào?
3. Trình bày khái niệm quản lý ngân quỹ nhà nước.
4. Trình bày nội dung dự báo luồng tiền trong quản lý ngân quỹ.
5. Trình bày nội dung quản lý rủi ro ngân quỹ
6. Tài khoản thanh toán tập trung là gì? Trình bày mục tiêu sử dụng tài khoản thanh toán tập trung trong quản lý ngân quỹ nhà nước.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Campo Salvatore Schiavo and Tommasi Daniel (1999), *Quản lý chi tiêu công*, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Chương 6.

2. Richard Allen, Richard Hemming and Barry H. Potter (2013), *Sổ tay Quản lý Tài chính công*, Ngân hàng Thế giới (WB), Chương 16.



3. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 314/2016/TT-BTC hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.*

4. Chính Phủ (2016), *Nghị định số 24/2016/NĐ-CP Quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.*

5. Thủ tướng Chính Phủ (2015), *Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.*

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.*



## Chương 6

# ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đánh giá được khẳng định là một chức năng của quản lý nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định quản lý, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý kinh tế - xã hội nói chung và quản lý chi ngân sách nhà nước nói riêng. Đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước là các quy trình và cơ chế được thiết lập nhằm bảo đảm việc thực hiện các quyết định về chi ngân sách; ngăn chặn, phát hiện và chấn chỉnh các sai phạm trong quản lý chi ngân sách nhà nước; cung cấp thông tin cậy về dữ liệu tài chính và các dữ liệu khác liên quan đến việc thực hiện các quyết định chi ngân sách để tìm cách cải thiện hiệu quả, điều chỉnh các quyết định chính sách và chi ngân sách nhà nước trong tương lai.

Chương này cung cấp cho người học: (i) Một số vấn đề cơ bản về đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước; (ii) Phương pháp xây dựng khung lôgic đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả; (iii) Một số chỉ số đánh giá kết quả hoạt động của hệ thống quản lý tài chính công có thể sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước.



## 6.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

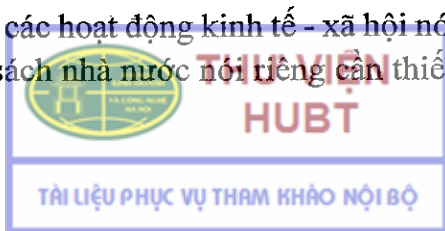
### 6.1.1. Khái niệm đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước

Đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước là quá trình thu thập, xử lý, phân tích thông tin và đưa ra các nhận xét, nhận định, kết luận theo mục tiêu và yêu cầu quản lý chi ngân sách nhà nước đã định.

Đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước thực chất là xem xét và phân tích làm rõ các mục tiêu và yêu cầu quản lý chi ngân sách nhà nước được thực hiện như thế nào? Đúng hay sai? Đạt được hay không đạt được? Thành công hay thất bại? Hiệu quả hay không hiệu quả? Nguyên nhân và bài học là gì? Ví dụ như yêu cầu về thời gian phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm; yêu cầu về công khai và minh bạch ngân sách; mục tiêu tiến độ thực hiện, đầu ra và kết quả của một dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Mục tiêu đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ việc ra các quyết định quản lý, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Vì vậy, để bảo đảm độ tin cậy và hữu ích của các thông tin cung cấp thì đòi hỏi đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước phải đưa ra các nhận xét, nhận định, kết luận trung thực, khách quan và có bằng chứng rõ ràng.

Đánh giá các hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và quản lý chi ngân sách nhà nước nói riêng cần thiết phải đo lường,



phản ánh các đối tượng đánh giá. Công cụ để đo lường, phản ánh các đối tượng đánh giá được gọi là chỉ số. Chỉ số đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước là công cụ để đo lường, phản ánh các đối tượng trong đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước.

Chỉ số có ý nghĩa chi phối toàn bộ quá trình hay tất cả các hoạt động đánh giá. Đánh giá chỉ đạt được mục tiêu nếu có được các chỉ số tốt. Một chỉ số tốt phải đảm bảo các tiêu chí: rõ ràng; phù hợp; kinh tế; thỏa đáng; đo lường được.

- Rõ ràng: Thông tin chỉ số đo lường, phản ánh phải cụ thể, chính xác, dễ hiểu, không mập mờ.

- Phù hợp: Thông tin chỉ số đo lường, phản ánh phải thích đáng, liên quan trực tiếp với đối tượng và mục tiêu đánh giá.

- Kinh tế: Chỉ số có chi phí thu thập, xử lý, phân tích thông tin thấp.

- Thỏa đáng: Chỉ số có đủ cơ sở, căn cứ cho việc đánh giá.

- Đo lường được: Chỉ số thuận tiện cho việc kiểm chứng, đo lường được theo những mốc thời gian khác nhau.

Chỉ số không phải là chỉ tiêu. Chỉ số không mang giá trị tự thân và là thước đo, phương tiện đo lường đối tượng đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước. Chỉ tiêu là giá trị của đối tượng đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước được đo lường theo chỉ số đã định, gắn với không gian và thời gian cụ thể.



**Bảng 6.1. Ví dụ về mục tiêu, chỉ số và chỉ tiêu**

<i>Chỉ số</i>	<i>Chỉ tiêu</i>
Chính sách ưu tiên ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn năm N1 đến năm N5	
Tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ. Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.	Tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hằng năm tối thiểu 15%. Đến năm N5, chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ tối thiểu chiếm 2% tổng chi ngân sách nhà nước.
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm N5	
Thu nhập bình quân của hộ nghèo cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước theo chuẩn nghèo quốc tế. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước theo chuẩn nghèo quốc gia.	Đến năm N5, thu nhập bình quân của hộ nghèo cả nước tăng 1,6 lần so với năm N1. Đến năm N5, giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước theo chuẩn nghèo quốc tế xuống còn 15% và theo chuẩn nghèo quốc gia xuống còn 10%.
Hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước giai đoạn năm N1 đến năm N5	
Tổng thực chi ngân sách so với dự toán chi ngân sách gốc. Cơ cấu thực chi ngân sách so với dự toán chi ngân sách gốc	Hằng năm, chênh lệch tổng thực chi ngân sách so với dự toán chi ngân sách gốc không vượt $\pm 10\%$ . Hằng năm, chênh lệch cơ cấu thực chi ngân sách so với dự toán chi ngân sách gốc không vượt $\pm 5\%$ .



**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

## 6.1.2. Phương pháp thu thập thông tin và phương pháp đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước

### 6.1.2.1. Các phương pháp thu thập thông tin

Thu thập, xử lý thông tin là một trong những nội dung cơ bản của đánh giá. Phương pháp thu thập thông tin được xác định khi xây dựng kế hoạch đánh giá.

Có nhiều phương pháp thu thập thông tin khác nhau có thể được sử dụng trong đánh giá, mỗi phương pháp có nhược điểm và ưu điểm nhất định. Lựa chọn phương pháp nào để thu thập thông tin phụ thuộc vào mục tiêu và đối tượng đánh giá. Mục tiêu và đối tượng đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước có ý nghĩa quyết định đến những thông tin cần thu thập và phương pháp thu thập thông tin nhằm đảm bảo tính toàn diện, hệ thống, trung thực, khách quan, kịp thời, hữu ích của thông tin thu thập được với chi phí thấp nhất.

Sau đây là một số phương pháp thu thập thông tin trong đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước:

*Một là, nghiên cứu tài liệu.*

Nghiên cứu tài liệu là phương pháp thu thập thông tin từ các tài liệu sẵn có. Thu thập thông tin theo phương pháp nghiên cứu tài liệu đòi hỏi phải xác định rõ các tài liệu sẵn có lưu giữ các thông tin phù hợp với mục tiêu và đối tượng đánh giá.

Các tài liệu sẵn có lưu trữ các thông tin có thể thu thập trong đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước như dự toán và quyết toán chi ngân sách; báo cáo kiểm toán; các văn bản





pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước; các báo cáo đánh giá, các tài liệu thống kê... đã công bố.

Thu thập thông tin theo phương pháp nghiên cứu tài liệu có ưu điểm là tiết kiệm chi phí và thời gian. Tuy vậy, phương pháp này đòi hỏi các tài liệu lưu trữ thông tin phải có tính hệ thống, toàn diện và tin cậy.

*Hai là, phát phiếu điều tra hay bảng hỏi.*

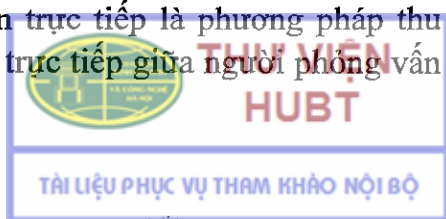
Phát phiếu điều tra hay bảng hỏi là phương pháp thu thập thông tin phỏng vấn viết đối với nhiều người theo phiếu điều tra hoặc bảng hỏi đã thiết kế sẵn các câu hỏi để thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu và đối tượng đánh giá.

Các câu hỏi được thiết kế trong phiếu điều tra hay bảng hỏi có thể đã có sẵn các phương án trả lời hoặc là câu hỏi mở để đối tượng được phát phiếu có thể lựa chọn trả lời theo các phương án trả lời đã có sẵn hoặc trình bày ngắn gọn ý kiến riêng của mình theo câu hỏi mở.

Thu thập thông tin theo phương pháp phát phiếu điều tra hay bảng hỏi cho phép thu thập thông tin có trọng tâm với các câu hỏi thiết kế sẵn phù hợp mục tiêu và đối tượng đánh giá, có thể thực hiện trên diện rộng về không gian và thu thập thông tin từ nhiều người trong thời gian ngắn. Tuy vậy, theo phương pháp này, thông tin thu thập được có thể không đảm bảo độ khách quan và tính trung thực.

*Ba là, phỏng vấn trực tiếp.*

Phỏng vấn trực tiếp là phương pháp thu thập thông tin hỏi và trả lời trực tiếp giữa người phỏng vấn và người được



phỏng vấn để thu thập thông tin trực tiếp từ một người hoặc một nhóm người thuộc đối tượng phỏng vấn.

So với phương pháp phát phiếu điều tra hay bảng hỏi thì phương pháp phỏng vấn trực tiếp đòi hỏi nhiều thời gian và chi phí cho việc thu thập thông tin. Tuy vậy, phỏng vấn trực tiếp phù hợp với các câu hỏi không thể thiết sẵn các phương án trả lời và là các câu hỏi mở nên có thể thu thập những thông tin phong phú và hữu ích cho đánh giá.

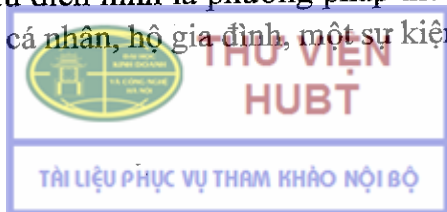
*Bốn là, thảo luận nhóm.*

Thảo luận nhóm là phương pháp thu thập thông tin thông qua tổ chức thảo luận một nhóm người được lựa chọn có chung những đặc điểm nhất định phù hợp với thông tin cần thu thập. Thảo luận nhóm thường được sử dụng để thu thập các thông tin đánh giá có sự nhất quán của nhiều người về điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức, nhu cầu...

Phương pháp thảo luận nhóm cho phép thu thập một khối lượng thông tin đáng kể một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí hơn so với phỏng vấn cá nhân, phù hợp với việc thu thập các thông tin về quan niệm, thái độ và phản ứng của người tham gia đối với đối tượng đánh giá. Phương pháp này đòi hỏi phải có các tiêu chí chia nhóm phù hợp với mục tiêu và yêu cầu đánh giá, huy động sự tích cực và chủ động tham gia thảo luận của tất cả các thành viên trong từng nhóm.

*Năm là, nghiên cứu điển hình.*

Nghiên cứu điển hình là phương pháp thu thập thông tin cụ thể về một cá nhân, hộ gia đình, một sự kiện, một tổ chức,



một thời kỳ... Nghiên cứu điển hình có thể nảy sinh khi trong một cuộc điều tra chung về một chương trình, chính sách hay dự án tổng thể cần có những nghiên cứu sâu hơn về một số đối tượng tham gia hoặc hưởng lợi từ các chương trình, dự án hoặc để đánh giá theo vấn đề và tình huống cụ thể. Nghiên cứu điển hình có ưu điểm cung cấp thông tin một cách chi tiết, có chiều sâu về một vấn đề hoặc tình huống cụ thể thuộc đối tượng đánh giá. Tuy nhiên, phương pháp này không phù hợp với việc thu thập thông tin mang tính đại diện cho đối tượng đánh giá.

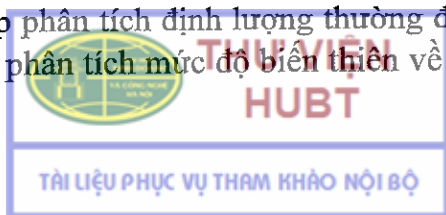
#### ***6.1.2.2. Các phương pháp đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước***

Tùy theo tiêu chí tiếp cận, có thể có nhiều phương pháp khác nhau được vận dụng trong đánh giá nói chung và đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước nói riêng. Tiếp cận theo phương pháp phân tích dữ liệu thông tin, phương pháp đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước bao gồm phương pháp đánh giá định lượng và phương pháp đánh giá định tính.

*Thứ nhất, phương pháp định lượng.*

Phương pháp đánh giá định lượng là phương pháp đánh giá sử dụng các phương pháp phân tích định lượng để lượng hóa, đo lường, phản ánh và diễn giải các mối quan hệ giữa các nhân tố thuộc đối tượng đánh giá hoặc liên quan đến đối tượng đánh giá.

Trong đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước, các phương pháp phân tích định lượng thường được sử dụng để đo lường và phân tích mức độ biến thiên về quy mô, cơ cấu



chi ngân sách nhà nước ở từng thời kỳ; đo lường và phân tích tính kinh tế trong phân bổ nguồn lực; đo lường và phân tích mối quan hệ tương quan giữa chi phí và lợi ích; đo lường và phân tích hiệu quả...

Phương pháp đánh giá định lượng đưa ra các kết luận dựa trên các bằng chứng khách quan không phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người phân tích. Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi dữ liệu thông tin phải đầy đủ, có hệ thống và bảo đảm độ tin cậy; các giả định về các yếu tố tác động đến các biến số phân tích để đánh giá phải có căn cứ khoa học và thực tiễn.

*Thứ hai, phương pháp định tính.*

Phương pháp đánh giá định tính là phương pháp đánh giá không sử dụng các phương pháp phân tích định lượng để lượng hóa, đo lường, phản ánh và diễn giải các mối quan hệ giữa các nhân tố thuộc đối tượng đánh giá hoặc liên quan đến đối tượng đánh giá. Phương pháp đánh giá định tính là phương pháp đánh giá mang tính chất mô tả, nhận định, nhận xét đối tượng đánh giá hoặc diễn giải các mối quan hệ giữa các nhân tố thuộc đối tượng đánh giá, liên quan đến đối tượng đánh giá nhưng không lượng hóa được các mối quan hệ đó.

Trong đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước, phương pháp phân tích định tính thường được sử dụng để đánh giá tính toàn diện, tính minh bạch, tính phù hợp, tính tuân thủ, tính kịp thời... Một hoạt động chi ngân sách nhà nước được coi là phù hợp khi mục tiêu của nó được xác định đúng với các nhu cầu của xã hội và đáp ứng thích đáng các nhu cầu đó. Việc đánh giá sự phù hợp thường so sánh với các chuẩn hoặc cảm nhận của con người. Các chuẩn được thiết lập và cảm



nhận của con người lại mang tính chuẩn tắc và chủ quan, khó có thể lượng hóa được.

Phương pháp đánh giá định tính khắc phục được những nhược điểm của phương pháp đánh giá định lượng như thiếu dữ liệu thông tin đầy đủ, có hệ thống và bảo đảm độ tin cậy; không tính được tất cả các nhân tố ảnh hưởng, bối cảnh và hành vi của đối tượng nghiên cứu; đặc biệt trong các trường hợp đánh giá nhưng không lượng hóa được thông tin. Phương pháp đánh giá định tính có sự linh hoạt từ khâu thu thập và xử lý thông tin, không bị phụ thuộc vào một công thức hay một mô hình toán học. Khi cần phân tích, đánh giá chi tiết về ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, theo chiều sâu từng lĩnh vực hoặc từng trường hợp điển hình thì đây là phương pháp phù hợp. Tuy vậy, phương pháp đánh giá định tính đưa ra các nhận xét, nhận định, kết luận phụ thuộc nhiều vào quan điểm và ý kiến chủ quan của người phân tích, đánh giá.

### 6.1.3. Phân loại đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước

*Một là*, theo chủ thể đánh giá, đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước bao gồm đánh giá nội bộ, đánh giá độc lập hay đánh giá ngoài.

Đánh giá nội bộ là đánh giá của chủ thể trực tiếp quản lý, thực hiện các hoạt động chi ngân sách nhà nước. Đánh giá nội bộ cung cấp thông tin phục vụ trực tiếp cho hệ thống quản lý nội bộ của chủ thể trực tiếp quản lý, thực hiện các hoạt động chi ngân sách nhà nước nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định quản lý, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình nội bộ.



Đánh giá độc lập hay đánh giá ngoài là đánh giá của chủ thể bên ngoài hệ thống chủ thể trực tiếp quản lý, thực hiện các hoạt động chi ngân sách nhà nước. Đánh giá độc lập hay đánh giá ngoài nhằm cung cấp thông tin có tính chất khuyến nghị, cảnh báo hoặc yêu cầu trách nhiệm giải trình đối với chủ thể trực tiếp quản lý, thực hiện các hoạt động chi ngân sách nhà nước.

*Hai là*, theo mục tiêu đánh giá, đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước bao gồm đánh giá quá trình thực hiện và đánh giá theo kết quả.

Đánh giá quá trình thực hiện là đánh giá chủ yếu nhằm vào quá trình thực hiện để tạo ra các đầu ra, coi trọng tính tuân thủ trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

Đánh giá theo kết quả là đánh giá chủ yếu nhằm vào các kết quả hay đầu ra và tác động của các đầu ra trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

*Ba là*, theo đối tượng đánh giá, đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước bao gồm đánh giá hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước và đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước của một chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động...

Đánh giá hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước có đối tượng đánh giá là một hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước cụ thể như hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước của một quốc gia; hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước của một bộ, ngành; hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước của một địa phương; hệ thống quản lý chi ngân sách nhà nước của một cơ quan, đơn vị, tổ chức.



Đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước của một chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động có đối tượng đánh giá là các hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước gắn với quá trình thực hiện và kết quả của một chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động.

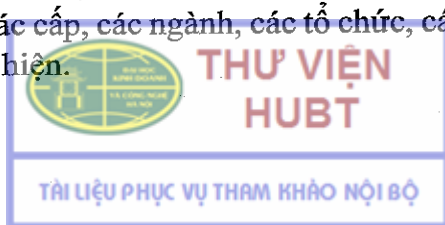
Trong giai đoạn hiện nay, quản lý khu vực công đang từng bước chuyển đổi đặt trọng tâm vào quản lý kết quả; theo đó, đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước ngày càng chú trọng vào kết quả quản lý chi ngân sách nhà nước và kết quả hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước.

## 6.2. ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO KẾT QUẢ

### 6.2.1. Khái niệm đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả

Tính tất yếu khách quan của đánh giá theo kết quả xuất phát từ những đổi mới trong quản lý khu vực công và quản lý ngân sách nhà nước nhằm trọng tâm vào kết quả của các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động... do các cấp, các ngành, các tổ chức, các cơ quan và các đơn vị thực hiện.

Đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả là đánh giá quản lý chi ngân sách dựa theo khung logic kết quả phát triển và gắn với mục tiêu kết quả đã định của các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động... do các cấp, các ngành, các tổ chức, các cơ quan và các đơn vị thực hiện.



## 6.2.2. Khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả

*Thứ nhất*, logic dọc khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.

Cơ sở để xây dựng logic dọc của khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả là khung logic kết quả phát triển.

Kết quả phát triển là những thay đổi về kinh tế - xã hội do tác động, ảnh hưởng của các đầu ra hay hàng hoá, dịch vụ được tạo ra. Những thay đổi về kinh tế - xã hội do tác động của các đầu ra có thể là những thay đổi về lượng hoặc những thay đổi về chất và làm gia tăng phúc lợi xã hội, thể hiện những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội mong muốn đạt được. Kết quả phát triển có thể là những kết quả tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, kết quả ngắn hạn hoặc dài hạn của các đầu ra.

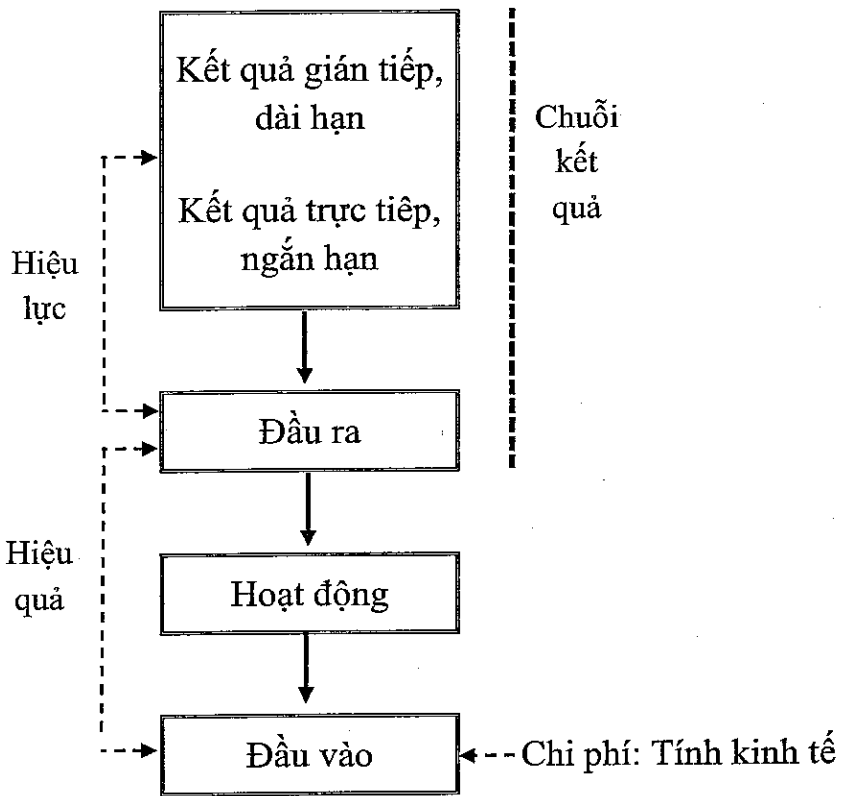
Đầu ra là những loại hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cơ quan, đơn vị tạo ra và cung ứng ra cho xã hội. Các đầu ra hay hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cơ quan, đơn vị cung ứng cho xã hội phải nhằm vào thỏa mãn nhu cầu của xã hội hay đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hoạt động là hành động, công việc hay nhiệm vụ được các tổ chức, cơ quan, đơn vị tiến hành hoặc thực hiện để chuyển hóa các yếu tố đầu vào như nhân lực, vật lực, tài lực... nhằm tạo ra các đầu ra.

Đầu vào là những nguồn lực được các tổ chức, cơ quan, đơn vị sử dụng để thực hiện các hoạt động nhằm tạo ra các đầu ra đã định. Để có các đầu vào thì các tổ chức, cơ quan, đơn vị phải có ngân sách để trang trải các chi phí đầu vào.







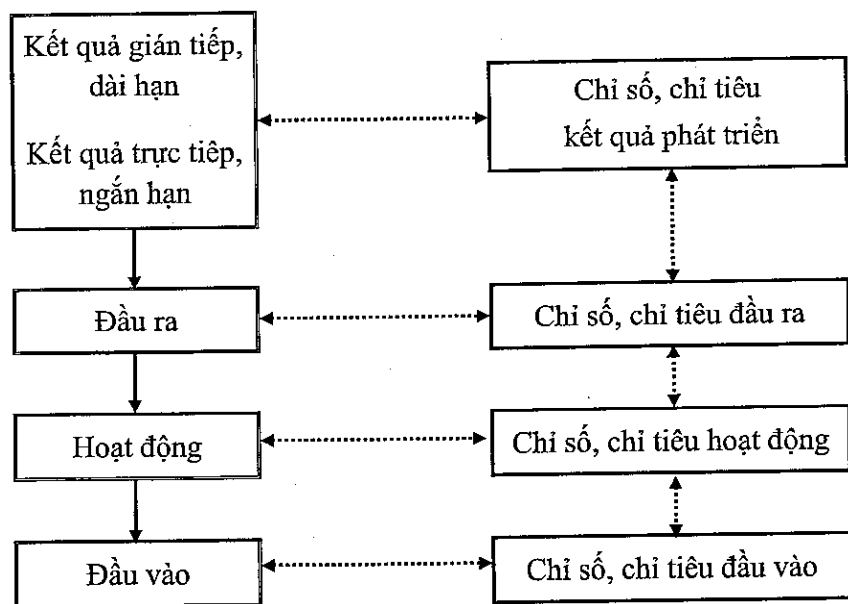
### Sơ đồ 6.1. Khung logic kết quả phát triển

Tính hiệu lực phản ánh những tác động của các đầu ra hay những thay đổi về kinh tế - xã hội do tác động, ảnh hưởng của hàng hoá, dịch vụ được tạo. Những thay đổi về kinh tế - xã hội do tác động của các đầu ra có thể là những thay đổi về lượng hoặc những thay đổi về chất và làm gia tăng phúc lợi xã hội, thể hiện những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội mong muốn đạt được.

Tính hiệu quả phản ánh quan hệ tỷ lệ giữa đầu ra với đầu vào, cần bao nhiêu đầu vào để tạo ra một đầu ra hay với một giới hạn đầu vào thì tạo ra được bao nhiêu đầu ra đã định.

Tính kinh tế phản ánh các chi phí của các yếu tố đầu vào.

Lôgic dọc của khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả được xây dựng bắt đầu từ xác định mục tiêu kết quả phát triển đã định và kết nối Kết quả phát triển - Đầu ra - Hoạt động - Đầu vào với các chỉ số, chỉ tiêu tương ứng.



Sơ đồ 6.2

**Lôgic dọc khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả**



*Xác định các cấp độ của mục tiêu kết quả phát triển* của các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động... do các cấp, các ngành, các tổ chức, các cơ quan và đơn vị thực hiện phải được tiến hành cho đến khi xác định được các mục tiêu phát triển cụ thể. Mục tiêu phát triển cụ thể là cấp độ mục tiêu xác định được các chỉ số đo lường và thiết lập được các chỉ tiêu kết quả mong muốn đạt được. Khi xác định các cấp độ mục tiêu kết quả phát triển phải đảm bảo mối quan hệ lôgic nhân quả giữa các cấp độ của mục tiêu với nhau. Mục tiêu kết quả ở cấp độ thấp, mục tiêu trực tiếp hoặc mục tiêu ngắn hạn phải phù hợp với mục tiêu ở cấp độ cao, mục tiêu gián tiếp và mục tiêu dài hạn.

*Kết nối các mục tiêu kết quả phát triển cụ thể với các đầu ra:* Dựa trên các mục tiêu kết quả phát triển cụ thể đã được xác định của các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động... do các cấp, các ngành, các tổ chức, các cơ quan và đơn vị thực hiện để xác định và lựa chọn các đầu ra đáp ứng tốt nhất từng mục tiêu kết quả cụ thể đó. Cần lưu ý rằng, mỗi mục tiêu kết quả cụ thể có thể có nhiều đầu ra khác nhau có thể đáp ứng được. Vì vậy, tùy theo điều kiện cụ thể, các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động... do các cấp, các ngành, các tổ chức, các cơ quan, đơn vị thực hiện để lựa chọn những đầu ra phù hợp nhất.

*Kết nối các đầu ra với các hoạt động:* Dựa trên các đầu ra đã xác định để xác định các hoạt động tối ưu nhất để tạo ra



các đầu ra. Mỗi đầu ra có thể có nhiều cách thức thực hiện và mỗi cách thức thực hiện có những hoạt động tương ứng. Vì vậy, tùy theo điều kiện cụ thể của các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ hay hoạt động... do các cấp, các ngành, các tổ chức, các cơ quan, đơn vị thực hiện để xác định và lựa chọn cách thức thực hiện với các hoạt động phù hợp.

*Kết nối các hoạt động với các đầu vào:* Dựa trên cách thức thực hiện với các hoạt động đã xác định để xác định các đầu vào tương ứng.

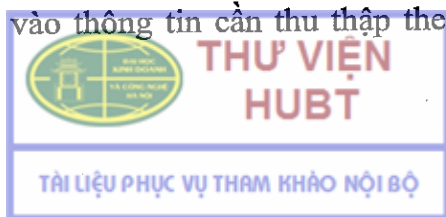
Dựa trên khung logic mối quan hệ giữa Kết quả - Đầu ra - Hoạt động - Đầu vào để xác định các chỉ số, chỉ tiêu tương ứng đo lường, phản ánh kết quả, đầu ra, hoạt động và đầu vào.

*Thứ hai,* logic ngang khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.

Lôgic ngang của khung đánh giá chi ngân sách nhà nước theo kết quả được xây dựng bắt đầu từ các chỉ số, chỉ tiêu cần đo lường, phản ánh và kết nối các Chỉ số, chỉ tiêu - Thông tin cần thu thập - Phương pháp thu thập thông tin - Người thu thập, cung cấp hoặc nguồn thông tin - Tần suất hay thời gian thu thập, cung cấp thông tin - Báo cáo, đánh giá.

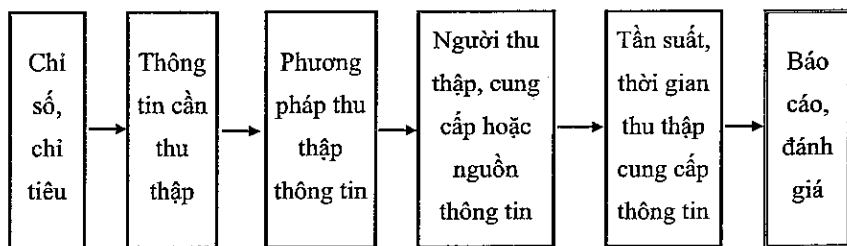
Căn cứ vào chỉ số, chỉ tiêu đo lường, phản ánh kết quả, đầu ra, hoạt động, đầu vào để xác định các thông tin cần thu thập theo từng chỉ số, chỉ tiêu.

Tùy thuộc vào thông tin cần thu thập theo từng chỉ số,



chỉ tiêu và đối tượng đánh giá cụ thể để lựa chọn các phương pháp thu thập thông tin phù hợp.

Để đảm bảo tính khả thi, toàn diện và kịp thời trong thu thập thông tin theo từng chỉ số, chỉ tiêu đòi hỏi phải xác định cụ thể người chịu trách nhiệm thu thập, cung cấp hoặc nguồn thông tin và tần suất, thời gian thu thập hoặc cung cấp thông tin. Tần suất, thời gian thu thập hoặc cung cấp thông tin theo từng chỉ số, chỉ tiêu phải phù hợp với từng đối tượng đánh giá và thời gian lập báo cáo đánh giá.



Sơ đồ 6.3

### Lôgic ngang khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả

*Thứ ba*, khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.

Kết hợp lôgic dọc và lôgic ngang khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả để thiết lập khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.



Logic kết quả phát triển	Chỉ số, chỉ tiêu	Thông tin cần thu thập	Phương pháp thu thập thông tin	Người thu thập, cung cấp hoặc nguồn thông tin	Tần suất, thời gian thu thập, cung cấp thông tin	Báo cáo, đánh giá
Kết quả gián tiếp, dài hạn						
Kết quả trực tiếp, ngắn hạn						
Đầu ra						
Hoạt động						
Đầu vào						

**Bảng 6.4. Khung đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả**

### **6.3. MỘT SỐ CHỈ SỐ PEFA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

PEFA là khung đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công do chuyên gia của Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền



tệ quốc tế... xây dựng dựa trên những chuẩn mực theo dõi chỉ tiêu của các nước, quy chế minh bạch ngân sách của Quỹ tiền tệ quốc tế và các chuẩn mực quốc tế khác. PEFA là một khuôn khổ giám sát tổng hợp cho phép lượng hóa kết quả hoạt động quản lý tài chính công của quốc gia theo thời gian nhằm cung cấp các thông tin cho tiến trình cải cách quản lý tài chính công bằng cách xác định mức độ hiệu quả hoạt động cải cách mang lại và tăng khả năng xác định, học hỏi từ những thành công của cải cách.

PEFA gồm mẫu báo cáo kết quả thực hiện hoạt động quản lý tài chính công và một bộ chỉ số đánh giá những vấn đề cốt lõi về hoạt động của một hệ thống quản lý tài chính công như: độ tin cậy của ngân sách; minh bạch ngân sách; quản lý tài sản có và tài sản nợ; lập ngân sách và chiến lược tài khóa dựa trên chính sách; khả năng tiên liệu và kiểm soát thực hiện ngân sách; kế toán và báo cáo; kiểm toán và giám sát ngoài.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước có thể sử dụng các chỉ số PEFA sau:

### 6.3.1. Tổng thực chi ngân sách

Chỉ số này đánh giá mức chênh lệch giữa tổng thực chi so với tổng dự toán chi ngân sách gốc hằng năm, trong 3 năm ngân sách liên tiếp; nhưng loại trừ chi trả nợ, các khoản chi đưa vào các tài khoản chờ xử lý.



**Bảng 6.2. Mức chênh lệch tổng thực chi so với dự toán chi ngân sách gốc**

Năm	DT ngân sách gốc	TH ngân sách	Chênh lệch TH so với DT (%)
(1)	(2)	(3)	(4) = [(3)-(2)]/(2)×100%
N			
N+1			
N+2			

Nguồn số liệu: Dự toán và quyết toán chi ngân sách các năm N - N+2.

Mức chênh lệch tổng thực chi so với dự toán ngân sách cho phép đánh giá tính kỷ luật trong tuân thủ dự toán chi ngân sách và khả năng tổ chức chấp hành dự toán chi ngân sách. Mức chênh lệch càng thấp và có xu hướng giảm qua các năm thì độ tin cậy của ngân sách càng cao.

**Bảng 6.3. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
Mức chênh lệch tổng thực chi so với dự toán chi ngân sách gốc.	
A	Chi 1 năm trong 3 năm có số thực chi vượt mức ±5% dự toán.
B	Chi 1 năm trong 3 năm có số thực chi vượt mức ±10% dự toán.
C	Chi 1 năm trong 3 năm có số thực chi vượt mức ±15% dự toán.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C



**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



### 6.3.2. Cơ cấu thực chi ngân sách

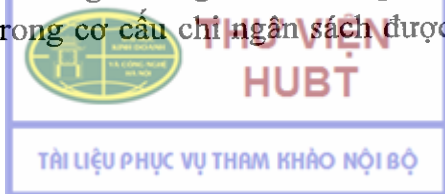
Cơ cấu chi ngân sách phản ánh quan hệ tỷ lệ của các thành phần hay nội dung chi ngân sách theo tiêu thức phân loại nhất định trong tổng chi ngân sách.

**Bảng 6.4. Mức chênh lệch cơ cấu thực chi so với dự toán ngân sách năm N**

Nội dung chi ngân sách	DT	TH	DT điều chỉnh	Mức chênh lệch	Chênh lệch cơ cấu chi TH so với DT (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)×[Σ(3)/Σ(2)]	(5) =  (3)-(4)	(6) = Σ(5)/(4)×100%
Tổng chi					
Thành phần 1					
Thành phần 2					
---					

Nguồn số liệu: *Dự toán và quyết toán chi ngân sách năm N*

Chỉ số này đánh giá mức chênh lệch cơ cấu thực chi ngân sách so với dự toán chi ngân sách gốc hằng năm, trong 3 năm ngân sách liên tiếp. Những thành phần hay nội dung chính trong cơ cấu chi của dự toán và quyết toán chi ngân sách phải đảm bảo tính nhất quán. Tổng chi ngân sách gồm những thành phần hay nội dung chính chiếm tối thiểu 75% tổng dự toán chi ngân sách gốc hằng năm. Những thành phần hay nội dung chính trong cơ cấu chi ngân sách được xác định phân



loại ngân sách theo lĩnh vực hay chức năng và phân loại theo nội dung kinh tế.

Mức chênh lệch cơ cấu thực chi ngân sách so với dự toán chi ngân sách gốc cho phép đánh giá tính kỷ luật tuân thủ các lựa chọn ưu tiên trong dự toán chi ngân sách gốc và khả năng thực hiện các lựa chọn ưu tiên chi ngân sách trong tổ chức chấp hành ngân sách. Mức độ chênh lệch càng thấp và có xu hướng giảm qua các năm thì độ tin cậy của ngân sách càng cao.

**Bảng 6.5. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
Mức chênh lệch cơ cấu thực chi so với dự toán chi ngân sách gốc.	
A	Cả 3 năm, chênh lệch cơ cấu thực chi so với dự toán không vượt $\pm 5\%$ .
B	Chỉ 1 năm trong 3 năm, chênh lệch cơ cấu thực chi so với dự toán vượt $\pm 5\%$ .
C	Chỉ 1 năm trong 3 năm, chênh lệch cơ cấu thực chi so với dự toán vượt $\pm 10\%$ .
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

### 6.3.3. Bổ sung ngân sách cho cấp dưới

Chỉ số này đánh giá mức độ minh bạch và kịp thời của việc bổ sung ngân sách của chính quyền cấp trên cho chính quyền cấp dưới có quan hệ tài chính trực tiếp.



Mức độ minh bạch bổ sung ngân sách phản ánh tỷ lệ phần trăm giá trị các khoản ngân sách bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định thông qua hệ thống minh bạch và dựa trên quy tắc. Tỷ lệ này càng cao thì mức độ minh bạch bổ sung ngân sách càng cao. Ở Việt Nam, khoản ngân sách bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới bao gồm bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu.

Tính kịp thời của những thông tin tin cậy về mức ngân sách bổ sung cấp dưới nhận được phản ánh thời gian cấp dưới nhận được thông tin tin cậy về mức ngân sách bổ sung từ ngân sách cấp trên so với thời gian cấp dưới bắt đầu quá trình lập ngân sách chi tiết, hoàn thành dự thảo ngân sách, hoàn thành lập dự toán ngân sách hay bắt đầu năm tài khoá.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Hệ thống phân bổ số bổ sung ngân sách; (ii) Thông tin kịp thời về số ngân sách bổ sung.

**Bảng 6.6. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

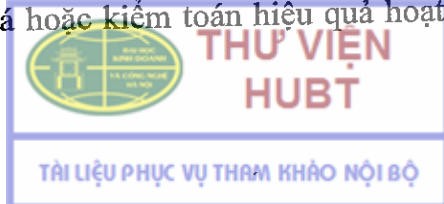
Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Hệ thống phân bổ số bổ sung ngân sách.</i>	
A	Việc phân bổ theo chiều ngang toàn bộ số bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định thông qua hệ thống minh bạch, dựa trên quy tắc.
B	Việc phân bổ theo chiều ngang hầu hết số bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định thông qua hệ thống minh bạch, dựa trên quy tắc.



C	Việc phân bổ theo chiều ngang một số khoản bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định thông qua hệ thống minh bạch, dựa trên quy tắc.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Thông tin kịp thời về số ngân sách bổ sung.</i>	
A	Cấp dưới nhận được thông tin đầy đủ, rõ ràng và chi tiết về số ngân sách bổ sung hằng năm thông qua lịch biểu ngân sách định kỳ và được tuân thủ để họ có ít nhất 6 tháng nhằm hoàn thành kế hoạch ngân sách đúng thời hạn.
B	Cấp dưới nhận được thông tin đầy đủ, rõ ràng và chi tiết về số ngân sách bổ sung hằng năm thông qua lịch biểu ngân sách định kỳ và được tuân thủ để họ có ít nhất 4 tháng nhằm hoàn thành kế hoạch ngân sách đúng thời hạn.
C	Cấp dưới nhận được thông tin về số ngân sách bổ sung hằng năm trước khi bắt đầu năm ngân sách và sau khi kế hoạch ngân sách của họ đã được quyết định.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

#### 6.3.4. Thông tin về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ

Chỉ số này đánh giá thông tin về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ trong đề xuất dự toán ngân sách của cơ quan hành pháp hoặc các tài liệu hỗ trợ trong các báo cáo cuối năm; đánh giá hoặc kiểm toán hiệu quả hoạt động có được

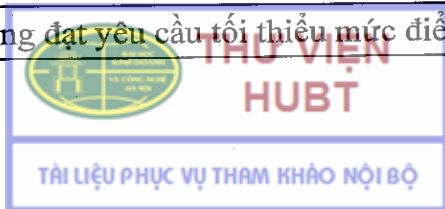


thực hiện hay không; việc thu thập và ghi chép thông tin về nguồn lực thực nhận của các đơn vị sự nghiệp.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Kế hoạch về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ; (ii) Hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ đạt được; (iii) Nguồn lực thực nhận tại các đơn vị sự nghiệp; (iv) Đánh giá về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ.

**Bảng 6.7. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Kế hoạch về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ.</i>	
A	Thông tin được công bố hằng năm về các mục tiêu chính sách hoặc chương trình, các chỉ số hiệu quả hoạt động chính, đầu ra và kết quả dự kiến trong kế hoạch của hầu hết các bộ, bóc tách theo chương trình hoặc lĩnh vực.
B	Thông tin được công bố hằng năm về các mục tiêu chính sách hoặc chương trình, các chỉ số hiệu quả hoạt động chính, các đầu ra và kết quả dự kiến trong kế hoạch của hầu hết các bộ.
C	Thông tin được công bố hằng năm về các hoạt động được thực hiện theo các chính sách hoặc chương trình của phần lớn các bộ hoặc khung chỉ số hiệu quả hoạt động cho các đầu ra hoặc kết quả của phần lớn các bộ đã có.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C



<i>Hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ đạt được.</i>	
A	Thông tin được công bố hằng năm về số lượng đầu ra và kết quả đạt được cho hầu hết các bộ, bóc tách theo chương trình hoặc lĩnh vực.
B	Thông tin được công bố hằng năm về số lượng đầu ra và kết quả đạt được cho hầu hết các bộ.
C	Thông tin được công bố hằng năm về các hoạt động được thực hiện cho phần lớn các bộ.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Nguồn lực thực nhận tại các đơn vị sự nghiệp.</i>	
A	Thông tin về nguồn lực thực nhận của các đơn vị sự nghiệp tuyến cơ sở được thu thập, ghi chép tại ít nhất hai bộ lớn, bóc tách theo nguồn vốn và báo cáo tổng hợp thông tin được lập ít nhất hằng năm.
B	Thông tin về nguồn lực thực nhận của các đơn vị sự nghiệp tuyến cơ sở được thu thập, ghi chép tại ít nhất một bộ lớn và báo cáo tổng hợp thông tin được lập ít nhất hằng năm.
C	Khảo sát được thực hiện ở 1 trong 3 năm qua nhằm ước tính về nguồn lực thực nhận của các đơn vị sự nghiệp tại ít nhất một bộ lớn.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Đánh giá về hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ.</i>	
A	Đánh giá độc lập về hiệu suất, hiệu quả cung cấp dịch vụ được thực hiện và được công bố cho hầu hết các bộ ít nhất 1 lần trong 3 năm qua.



**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

B	Đánh giá về hiệu suất, hiệu quả cung cấp dịch vụ được thực hiện và được công bố cho phần lớn các bộ ít nhất 1 lần trong 3 năm qua.
C	Đánh giá về hiệu suất, hiệu quả cung cấp dịch vụ được thực hiện và được công bố cho một số bộ ít nhất 1 lần trong 3 năm qua.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

### 6.3.5. Quản lý đầu tư công

Chỉ số này đánh giá về công tác thẩm định hiệu quả kinh tế, lựa chọn, dự toán chi phí và giám sát các dự án đầu tư công tập trung vào những dự án lớn và quan trọng.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Phân tích hiệu quả kinh tế của đề xuất dự án đầu tư; (ii) Lựa chọn dự án đầu tư; (iii) Dự toán kinh phí dự án đầu tư; (iv) Theo dõi dự án đầu tư.

**Bảng 6.8. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Phân tích hiệu quả kinh tế của đề xuất dự án đầu tư.</i>	
A	Phân tích hiệu quả kinh tế được tiến hành theo các quy định trong nước để đánh giá toàn bộ các dự án đầu tư lớn và kết quả phân tích được công bố. Phân tích này được thẩm định bởi đơn vị không phải đơn vị chủ quản.



B	Phân tích hiệu quả kinh tế được tiến hành theo quy định trong nước, để đánh giá hầu hết các dự án đầu tư lớn và một số kết quả phân tích được công bố. Phân tích này được thẩm định bởi đơn vị không phải đơn vị chủ quản.
C	Phân tích hiệu quả kinh tế được tiến hành để đánh giá một số dự án đầu tư lớn.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

*Lựa chọn dự án đầu tư.*

A	Trước khi được đưa vào ngân sách, toàn bộ các dự án đầu tư lớn được một đơn vị trung ương xác định ưu tiên trên cơ sở các tiêu chí chuẩn được công khai về lựa chọn dự án.
B	Trước khi được đưa vào ngân sách, hầu hết các dự án đầu tư lớn được một đơn vị trung ương xác định ưu tiên trên cơ sở các tiêu chí chuẩn được công khai về lựa chọn dự án.
C	Trước khi được đưa vào ngân sách, một số dự án đầu tư lớn được một đơn vị trung ương xác định ưu tiên.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

*Dự toán kinh phí dự án đầu tư.*

A	Dự báo về tổng chi phí trọn vòng đời của các dự án đầu tư lớn, bao gồm cả chi phí đầu tư và thường xuyên, chi tiết chi phí hàng năm trong vòng ít nhất ba năm tiếp theo được đưa vào văn kiện dự án.
---	--

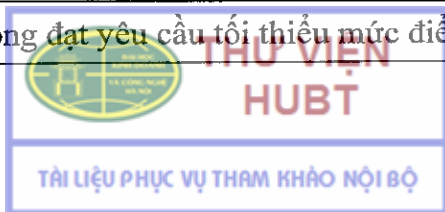


**THƯ VIỆN  
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



B	Dự báo về tổng chi phí đầu tư của cá dự án đầu tư lớn, chi tiết về vốn đầu tư hằng năm và dự toán chi thường xuyên cho ba năm tiếp theo được đưa vào văn kiện dự án.
C	Dự báo về tổng chi phí đầu tư của các dự án đầu tư lớn, chi phí đầu tư cho năm ngân sách tiếp theo được đưa vào văn kiện dự án.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Theo dõi dự án đầu tư</i>	
A	Tổng chi phí và tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư lớn được đơn vị triển khai theo dõi trong suốt quá trình triển khai. Các thủ tục và quy định chuẩn về triển khai dự án đã được ban hành và được tuân thủ ở mức cao. Thông tin về tình hình triển khai các dự án đầu tư lớn được công khai hằng năm trong văn bản ngân sách hoặc các báo cáo khác.
B	Tổng chi phí và tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư lớn được đơn vị triển khai theo dõi. Các thủ tục và quy định chuẩn về triển khai dự án đã được ban hành. Thông tin về tình hình triển khai các dự án đầu tư lớn được công khai hằng năm.
C	Tổng chi phí và tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư lớn được đơn vị triển khai theo dõi. Thông tin về tình hình triển khai các dự án đầu tư lớn được cung cấp hằng năm.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C



### 6.3.6. Tầm nhìn trung hạn trong lập ngân sách chi tiêu

Chỉ số phản ánh tầm nhìn trung hạn trong lập ngân sách chi tiêu với mức trần ngân sách rõ ràng và gắn kết với các kế hoạch chiến lược, sự nhất quán dự toán ngân sách năm với ngân sách trung hạn của năm trước đó.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Dự toán ngân sách chi tiêu trung hạn; (ii) Trần chi tiêu trung hạn; (iii) Sự gắn kết giữa kế hoạch chiến lược và ngân sách trung hạn; (iv) Sự nhất quán giữa dự toán ngân sách năm với ngân sách trung hạn của năm trước đó.

**Bảng 6.9. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

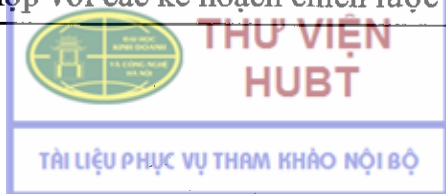
Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Dự toán ngân sách chi tiêu trung hạn</i>	
A	Dự toán ngân sách năm trình bày dự toán chi cho năm dự toán và hai năm ngân sách tiếp theo, phân bổ theo phân loại hành chính, nội dung kinh tế và chương trình hoặc lĩnh vực.
B	Dự toán ngân sách năm trình bày dự toán chi cho năm dự toán và hai năm ngân sách tiếp theo, phân bổ theo phân loại hành chính và nội dung kinh tế.
C	Dự toán ngân sách năm trình bày dự toán chi cho năm dự toán và hai năm ngân sách tiếp theo, phân bổ theo phân loại hành chính hoặc nội dung kinh tế.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Trần chi tiêu trung hạn</i>	



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

A	Tổng mức chi và trần chi tiêu cho đơn vị dự toán cấp I của năm dự toán và hai năm ngân sách tiếp theo được phê duyệt trước khi văn bản hướng dẫn ngân sách ban hành.
B	Tổng mức chi của năm dự toán và hai năm ngân sách tiếp theo cùng trần chi tiêu cho đơn vị dự toán cấp 1 của năm dự toán được phê duyệt trước khi văn bản hướng dẫn ngân sách được ban hành.
C	Tổng mức chi của năm dự toán và hai năm ngân sách tiếp theo được phê duyệt trước khi văn bản hướng dẫn ngân sách được ban hành.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Sự gắn kết giữa kế hoạch chiến lược và ngân sách trung hạn.</i>	
A	Kế hoạch chiến lược trung hạn được lập và có dự toán kinh phí cho hầu hết các đơn vị dự toán cấp 1; hầu hết các đề xuất chính sách chi tiêu trong ngân sách trung hạn được phê duyệt phù hợp với các kế hoạch chiến lược đó.
B	Kế hoạch chiến lược trung hạn được lập cho phần lớn các đơn vị dự toán cấp 1 và phần lớn đề xuất chính sách chi tiêu trong ngân sách trung hạn được phê duyệt phù hợp với các kế hoạch chiến lược đó.
C	Kế hoạch chiến lược trung hạn được lập cho một số đơn vị dự toán cấp 1 và một số đề xuất chính sách chi tiêu trong ngân sách trung hạn được phê duyệt phù hợp với các kế hoạch chiến lược đó.

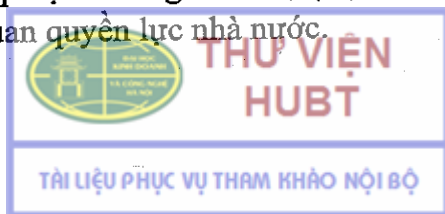


D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Sự nhất quán giữa dự toán ngân sách năm với ngân sách trung hạn của năm trước đó.</i>	
A	Văn bản ngân sách giải trình toàn bộ thay đổi về dự toán chi tiêu giữa ngân sách trung hạn trước đó và ngân sách trung hạn hiện nay ở cấp bộ ngành.
B	Văn bản ngân sách giải trình hầu hết thay đổi về dự toán chi tiêu giữa năm thứ hai của ngân sách trung hạn trước đó và năm đầu tiên của ngân sách trung hạn hiện nay ở cấp bộ ngành.
C	Văn bản ngân sách giải trình một số thay đổi về dự toán chi tiêu giữa năm thứ hai của ngân sách trung hạn trước đó và năm đầu tiên của ngân sách trung hạn hiện nay ở cấp tổng mức.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

### 6.3.7. Quy trình lập ngân sách

Chỉ số này đánh giá hiệu quả tham gia của các bên liên quan trong quy trình lập dự toán chi ngân sách hằng năm, bao gồm các cấp chính quyền và các đơn vị dự toán ngân sách thuộc các cấp chính quyền.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Lịch biểu ngân sách; (ii) Hướng dẫn lập dự toán ngân sách; (iii) Trình dự toán ngân sách lên cơ quan quyền lực nhà nước.



**Bảng 6.10. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Lịch biểu ngân sách.</i>	
A	Lịch biểu ngân sách năm rõ ràng có tồn tại, được tuân thủ và cho phép các đơn vị dự toán có tối thiểu 6 tuần từ khi nhận được văn bản hướng dẫn lập ngân sách để hoàn thành dự toán chi tiết đúng hạn.
B	Lịch biểu ngân sách năm rõ ràng có tồn tại, phần lớn được tuân thủ và cho phép các đơn vị dự toán có tối thiểu 4 tuần từ khi nhận được văn bản hướng dẫn lập ngân sách. Hầu hết các đơn vị dự toán có thể hoàn thành dự toán đúng hạn.
C	Lịch biểu ngân sách năm có tồn tại và một số đơn vị dự toán tuân thủ với lịch biểu đó, đáp ứng được thời hạn hoàn thành dự toán.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Hướng dẫn lập dự toán ngân sách.</i>	
A	Có văn bản hướng dẫn lập dự toán ngân sách đầy đủ, rõ ràng, có mức trần ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách. Mức trần ngân sách được phê duyệt trước khi ban hành văn bản hướng dẫn lập dự toán ngân sách.



B	Có văn bản hướng dẫn lập dự toán ngân sách đầy đủ, rõ ràng, có mức trần ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách. Mức trần ngân sách được phê duyệt sau khi ban hành văn bản hướng dẫn lập dự toán ngân sách và trước khi các đơn vị dự toán hoàn thành dự thảo ngân sách.
C	Có văn bản hướng dẫn lập dự toán ngân sách đầy đủ, rõ ràng, có mức trần ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách. Mức trần ngân sách được phê duyệt sau khi các đơn vị dự toán hoàn thành dự thảo ngân sách.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

*Trình dự toán ngân sách lên cơ quan quyền lực nhà nước.*

A	Cả 3 năm, cơ quan hành pháp trình dự toán ngân sách năm lên cơ quan quyền lực nhà nước tối thiểu hai tháng trước khi bắt đầu năm ngân sách.
B	Cả 3 năm, cơ quan hành pháp trình dự toán ngân sách năm lên cơ quan quyền lực nhà nước trước khi bắt đầu năm ngân sách, trong đó có 2 năm tối thiểu hai tháng trước khi bắt đầu năm ngân sách.
C	Có 2 năm trong 3 năm, cơ quan hành pháp trình dự toán ngân sách năm lên cơ quan lập pháp tối thiểu một tháng trước khi bắt đầu năm ngân sách.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C



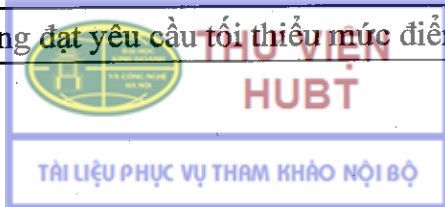
### 6.3.8. Khả năng tiên liệu về phân bổ ngân sách trong năm

Chỉ số này đánh giá khả năng dự báo về cam kết chi và yêu cầu về ngân quỹ, cung cấp thông tin đáng tin cậy về khả năng đáp ứng nhu cầu chi của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Hợp nhất số dư tồn ngân; (ii) Dự báo và theo dõi ngân quỹ; (iii) Thông tin về mức trần cam kết; (iv) Điều chỉnh ngân sách trong năm.

**Bảng 6.11. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Hợp nhất số dư tồn ngân.</i>	
A	Toàn bộ tồn ngân được hợp nhất hằng ngày.
B	Toàn bộ tồn ngân được hợp nhất hằng tuần.
C	Hầu hết tồn ngân được hợp nhất hằng tháng.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.
<i>Dự báo và theo dõi ngân quỹ.</i>	
A	Dự báo dòng tiền được lập cho năm ngân sách và được cập nhật hằng tháng trên cơ sở dòng tiền ra vào thực tế.
B	Dự báo dòng tiền được lập cho năm ngân sách và được cập nhật tối thiểu hằng quý trên cơ sở dòng tiền ra vào thực tế.
C	Dự báo dòng tiền được lập cho năm ngân sách.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.



<i>Thông tin về mức trần cam kết</i>	
A	Các đơn vị dự toán có khả năng lập kế hoạch chi và cam kết chi tối thiểu trước 6 theo dự toán ngân sách được giao và thông báo mức trần cam kết.
B	Các đơn vị dự toán nhận được thông tin đáng tin cậy về mức trần cam kết tối thiểu trước một quý.
C	Các đơn vị dự toán nhận được thông tin đáng tin cậy về mức trần cam kết tối thiểu trước một tháng.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Điều chỉnh ngân sách trong năm.</i>	
A	Điều chỉnh lớn dự toán đã phân bổ trong năm diễn ra không quá 2 lần một năm và được thực hiện một cách minh bạch với khả năng tiên liệu.
B	Điều chỉnh lớn dự toán đã phân bổ trong năm diễn ra không quá 2 lần một năm và được thực hiện một cách khá minh bạch.
C	Điều chỉnh lớn đã dự toán phân bổ trong năm diễn ra thường xuyên và chỉ phần nào minh bạch.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.

### 6.3.9. Nợ đọng chi ngân sách

Chỉ số này đánh giá về dư nợ đọng, việc giải quyết và đưa vào kiểm soát khi nợ đọng trở nên có hệ thống.

Nợ đọng thanh toán chi ngân sách phản ánh những khoản chi ngân sách phát sinh đã đến hạn thanh toán nhưng vẫn chưa được thanh toán. Các khoản nợ đọng này bao gồm các





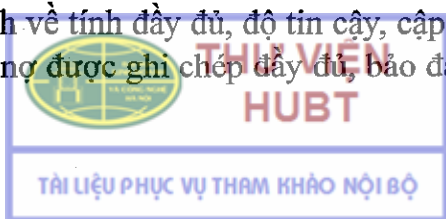
khoản thanh toán đã đến hạn nhưng chưa được thanh toán về lương, trợ cấp hưu trí, hàng hóa dịch vụ cung ứng, tiền thuê, lãi phải trả của các khoản vay nợ trong nước và nước ngoài. Chậm cấp các khoản bổ sung, trợ cấp, chuyển giao và thanh toán nợ gốc tiền vay đến hạn không được coi là nợ đọng thanh toán chi ngân sách. Mặc định thông lệ thương mại được chấp nhận trên quốc tế sẽ được áp dụng để đánh giá chỉ số này, theo đó yêu cầu thanh toán được coi là nợ đọng nếu không được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn hay yêu cầu thanh toán của nhà cung cấp đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình đã chuyển giao; trong khi đó nếu không thanh toán được lương cho người lao động hoặc không thanh toán đúng hạn khoản lãi vay thì ngay lập tức khoản thanh toán đó trở thành nợ đọng.

Tiêu chí đánh giá chỉ số gồm: (i) Dư nợ đọng chi; (ii) Theo dõi nợ đọng chi.

Dư nợ đọng chi được xác định theo tỷ lệ dư nợ đọng so với tổng chi ngân sách hằng năm và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ dư nợ đọng chi ngân sách năm N} = \frac{\text{Dư nợ đọng chi ngân sách năm N}}{\text{Tổng thực chi ngân sách năm N}} \times 100\%$$

Mức độ sẵn có của dữ liệu nợ đọng thanh toán chi ngân sách phản ánh tình hình ghi chép dữ liệu nợ đọng thanh toán chi ngân sách về tính đầy đủ, độ tin cậy, cập nhật hằng năm. Nếu dữ liệu nợ được ghi chép đầy đủ, bảo đảm độ tin cậy, ít



nhất được cập nhật vào cuối năm tài khóa và tỷ lệ nợ đọng chi ngân sách thấp, có xu hướng giảm qua các năm thì độ tin cậy của chi ngân sách càng cao.

**Bảng 6.12. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Dư nợ đọng chi.</i>	
A	Tối thiểu 2 trong 3 năm ngân sách vừa qua, dư nợ đọng chi $\leq 2\%$ tổng chi.
B	Tối thiểu 2 trong 3 năm ngân sách vừa qua, dư nợ đọng chi $\leq 6\%$ tổng chi.
C	Tối thiểu 2 trong 3 năm ngân sách vừa qua, dư nợ đọng chi $\leq 10\%$ tổng chi.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Theo dõi nợ đọng chi.</i>	
A	Dữ liệu về dư nợ, thời gian nợ và cơ cấu nợ đọng chi được lập hàng quý trong vòng 4 tuần kể từ khi kết thúc quý.
B	Dữ liệu về dư nợ và cơ cấu nợ đọng chi được lập hàng quý trong vòng 8 tuần kể từ khi kết thúc quý.
C	Dữ liệu về dư nợ và cơ cấu nợ đọng chi được lập hàng năm vào cuối mỗi năm ngân sách.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

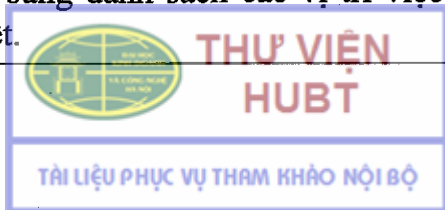
### 6.3.10. Kiểm soát chi lương

Chỉ số này đánh giá quản lý lương cho công chức và viên chức về mức độ gắn kết giữa dữ liệu về nhân sự, bảng lương và ngân sách; mức độ kịp thời của những thay đổi về dữ liệu nhân sự và bảng lương; các biện pháp kiểm soát được áp dụng khi thực hiện thay đổi về dữ liệu nhân sự và bảng lương; mức độ thống nhất và trung thực của bảng lương thông qua kiểm toán.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Tích hợp quản lý lương và hồ sơ nhân sự; (ii) Quản lý thay đổi trên bảng lương; (iii) Kiểm soát nội bộ về lương; (iv) Kiểm toán lương.

**Bảng 6.13. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Tích hợp quản lý lương và hồ sơ nhân sự.</i>	
A	Biên chế được duyệt, cơ sở dữ liệu về nhân sự và lương được kết nối trực tiếp để đảm bảo kiểm soát ngân sách, nhất quán dữ liệu và đối chiếu hằng tháng.
B	Bảng lương dựa trên căn cứ hồ sơ đầy đủ về toàn bộ thay đổi trong hồ sơ nhân sự hằng tháng và được kiểm tra so với dữ liệu bảng lương của tháng trước đó. Việc tuyển dụng và đề bạt nhân sự được kiểm soát bằng đánh sách các vị trí việc làm được phê duyệt.



C	Việc đối chiếu bảng lương với hồ sơ nhân sự được thực hiện tối thiểu 6 tháng một lần. Việc tuyển dụng và đề bạt cán bộ được kiểm tra so sánh với dự toán được giao trước khi quyết định.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

*Quản lý thay đổi trên bảng lương.*

A	Thay đổi theo yêu cầu về hồ sơ nhân sự và bảng lương được cập nhật tối thiểu hằng tháng, cơ bản kịp thời cho việc thanh toán lương tháng sau. Điều chỉnh ngược cho kỳ trước hiếm khi diễn ra. Nếu có dữ liệu đáng tin cậy, dữ liệu đó cho thấy sửa đổi tối đa chỉ bằng 3% số chi lương.
B	Hồ sơ nhân sự và bảng lương được cập nhật tối thiểu hằng quý và đòi hỏi ít điều chỉnh ngược.
C	Hồ sơ nhân sự và bảng lương được cập nhật tối thiểu hằng quý và đòi hỏi một số điều chỉnh ngược.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.

*Kiểm soát nội bộ về lương.*

A	Thẩm quyền thay đổi hồ sơ nhân sự và bảng lương được hạn chế, để lại vết tích kiểm toán và đủ để đảm bảo dữ liệu được thống nhất đầy đủ.
B	Thẩm quyền, cơ sở thay đổi hồ sơ nhân sự và bảng lương được xác định rõ ràng và đủ để đảm bảo dữ liệu được thống nhất ở mức cao.



THƯ VIỆN  
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

C	Các biện pháp đầy đủ tồn tại để đảm bảo thống nhất cho những dữ liệu bảng lương quan trọng nhất.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.
<i>Kiểm toán lương.</i>	
A	Tồn tại hệ thống vững chắc về kiểm toán lương hằng năm để phát hiện những yếu kém trong kiểm soát và xác định được nhân sự ma.
B	Kiểm toán lương cho toàn bộ các đơn vị thuộc chính quyền trung ương được thực hiện tối thiểu 1 lần trong 3 năm ngân sách vừa qua.
C	Kiểm toán lương không đầy đủ hoặc khảo sát nhân sự được thực hiện trong 3 năm ngân sách vừa qua.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C.

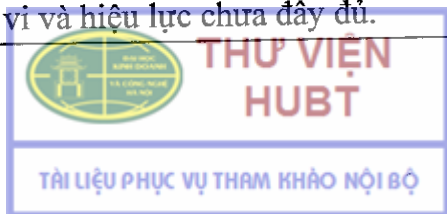
### 6.3.11. Kiểm soát nội bộ chi ngoài lương

Chỉ số này đánh giá hiệu quả kiểm soát nội bộ chi ngoài lương về phân tách nhiệm vụ, kiểm soát cam kết chi, kiểm soát thanh toán hàng hóa và dịch vụ, tiền công trả cho lao động phổ thông, các khoản phụ cấp không bắt buộc.

Tiêu chí đánh giá chỉ số: (i) Phân tách nhiệm vụ kiểm soát; (ii) Hiệu quả kiểm soát cam kết chi; (iii) Tuân thủ các quy tắc và thủ tục thanh toán.

**Bảng 6.14. Tiêu chí đánh giá và mức điểm**

Mức điểm	Yêu cầu tối thiểu của từng mức điểm
<i>Phân tách nhiệm vụ kiểm soát.</i>	
A	Phân tách nhiệm vụ phù hợp được quy định trong suốt quy trình chi tiêu và trách nhiệm được xác định rõ ràng.
B	Phân tách nhiệm vụ phù hợp được quy định trong suốt quy trình chi tiêu và trách nhiệm được xác định rõ ràng cho hầu hết các bước chính, mặc dù cần cụ thể hơn ở một số nội dung.
C	Phân tách nhiệm vụ phù hợp được quy định trong suốt quy trình chi tiêu và những trách nhiệm quan trọng cần được xác định chính xác hơn.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Hiệu quả kiểm soát cam kết chi.</i>	
A	Các biện pháp toàn diện về kiểm soát cam kết chi được quy định, thực tế hạn chế được cam kết chi theo khả năng đáp ứng ngân quỹ và dự toán ngân sách được giao.
B	Các biện pháp kiểm soát cam kết chi được quy định, thực tế hạn chế được cam kết chi theo khả năng đáp ứng ngân quỹ và dự toán ngân sách được giao cho hầu hết các nội dung chi.
C	Các thủ tục kiểm soát cam kết chi được quy định với phạm vi và hiệu lực chưa đầy đủ.



D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C
<i>Tuân thủ các quy tắc và thủ tục thanh toán.</i>	
A	Toàn bộ các khoản thanh toán tuân thủ với các thủ tục thanh toán thường quy; toàn bộ ngoại lệ được quyết định hợp lý từ trước và dựa trên căn cứ.
B	Hầu hết các khoản thanh toán tuân thủ với các thủ tục thanh toán thường quy; phần lớn ngoại lệ được quyết định hợp lý và dựa trên căn cứ.
C	Phần lớn các khoản thanh toán tuân thủ với các thủ tục thanh toán thường quy; phần lớn ngoại lệ được quyết định hợp lý và dựa trên căn cứ.
D	Không đạt yêu cầu tối thiểu mức điểm C

### **Câu hỏi ôn tập:**

1. Phân tích khái niệm đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước.
2. Chỉ số là gì? Chỉ số tốt phải bảo đảm các tiêu chí nào? Cho ví dụ minh chứng.
3. Phân biệt chỉ tiêu và chỉ số. Cho ví dụ minh chứng.
4. Trình bày các phương pháp thu thập thông tin trong đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước.
5. Trình bày các phương pháp đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước.
6. Trình bày khung logic kết quả phát triển. Cho ví dụ minh chứng.



7. Thế nào là đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả? Trình bày phương pháp xây dựng khung logic đánh giá quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả.

8. Đánh giá kết quả hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước có thể sử dụng những chỉ số PEFA nào? Cần những thông tin nào và thu thập thông tin đó từ đâu để chấm điểm được từng chỉ số PEFA đó.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Ngân hàng Thế giới (2016), *Khung đánh giá trách nhiệm giải trình về tài chính và chi tiêu công (PEFA)*.

2. Jody Zall Kusek và Ray C.rist, Ngân hàng Thế giới (2005), *Mười bước tiến tới Hệ thống giám sát và Đánh giá dựa trên kết quả*.

3. Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (2005), *Việt Nam quản lý chi tiêu công để tăng trưởng và giảm nghèo*.

4. Richard Allen, Richard Hemming và Barry H. Potter (2013), *Sổ tay về Quản lý tài chính công*.





**GIÁO TRÌNH**  
**QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC**

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
**GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**  
Phan Ngọc Chính

**Chịu trách nhiệm biên soạn:**  
TS. Bùi Tiến Hanh

**Biên tập:**  
Trần Thị Hải Yến

**Trình bày bìa:**  
Ban quản lý Khoa học, Hưng Hà

**Biên tập kỹ thuật:**  
Hưng Hà

**Đơn vị liên kết:**  
Học viện Tài chính, Phố Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng,  
Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

---

In 2000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5cm tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hưng Hà. Địa chỉ: Số 20, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: 4586-2018/CXBIPH/1-107/TC. Số QĐXB: 250/QĐ-NXBTC ngày 11 tháng 12 năm 2018. Mã ISBN: 978-604-79-1992-5. In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**GIÁO TRÌNH**  
**QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC**



**THƯ VIỆN**  
**HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ISBN: 978 - 604 - 79 - 1992 - 5



9 786047 919925

Giá: 64.000đ